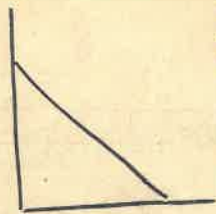


KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-thoại: 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON.

Công - Ty Bảo - Hiểm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chính:

30.32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông:

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện - Thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghị thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
PHỔ-BIỆN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỒ

Giám-đọc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861

Ty Quản-lý: 531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon



NĂM THỨ VI ★ số 106 ★ 1 - 7 - 63

1.— Nhân vụ một thực-sĩ Việt-Nam	Nguyễn-Vỹ	7 — 9
2.— Những người diên thời đại	Trọng-Lang	10 — 16
3.— Dành thì giờ để học hỏi	Philip Treleaven	17 — 19
4.— Đảo Phú-Quy	Thu-Nhi	20 — 24
5.— Tiên anh di (thơ)	Thiên-Thu	25
6.— Nhớ biển lên chiều (thơ)..	Thùy-Châu	26
7.— Một người da đen có thể lực	Thiếu-Sơn	27 — 32
8.— Ngâm-ngủi (thơ)	Phương Duyên	33
9.— Bức thư Paris.	Minh-Đức	34 — 37
10.— Celso al Carunungan	Phùng-lê-Ánh	38 — 40
11.— Diễn đàn sinh viên đại học	Ngo — H.L.T.	41 — 45
12.— Tuấn, chàng trai nước Việt.	Nguyễn-Vỹ	46 — 49
13.— Phê bình sách báo mới	Thâm-Thệ-Hà	50 — 55
14.— Âm thanh và màu sắc (thơ).	Anh-Tuấn	56
15.— Xem triển lãm hội họa mùa xuân	Châu-Giang	57 — 58
16.— Để không sợ, để không đau	Võ-quang-Yến	59 — 64

17.—	Còn một đêm nay, hẹn kiếp sau (thơ)	Khiết — Thu	65
18.—	Tiếng nói của gái và trai thế hệ	Phồ-Thông	66 — 73
19.—	Nhớ chị (thơ)	Hoàng-Huân	74
20.—	Thảo luận của Tao đàn Bạch-Nga	Nguyễn-thu-Minh	75 — 84
21.—	Chỉ cách một giọng sông (thơ)	Tôn nữ Hỷ-Khương	85
22.—	Sáng thức dậy ở thôn quê (thơ)	Nguyễn-văn-Cần	86
23.—	Đôi (thơ)	Nguyễn-Vỹ	87
24.—	Chàng sinh viên	Vũ-minh-Thiều	88 — 92
25.—	Mình ơi !	Diệu-Huyền	93 — 101
26.—	Đường thi bát cú	Đông-Xuyên	102 — 103
27.—	Phồ-thông vòng quanh thế giới	Xuân-Anh	104 — 106
28.—	Thơ lên ruột	Tú Be	107
29.—	Sách báo mới	Phồ-Thông	108 — 109
30.—	Lột ngược	Nguyễn-Vỹ	110 — 114
31.—	Thư bạn đọc	P. T.	115 — 119
32.—	Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền	120 — 130



- * Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai-cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- * Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- * Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- * Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- * Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-Phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
 ● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
 ● Our general agent in Europa & Africa
LONG HIỆP
 13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS. Và
 (vente — abonnements — Publicité)

TRẢ LỜI CHUNG CÁC BẠN TẠI HOA Ồ HẢI NGOẠI

nhân vụ
 một
 thạc-sĩ
 việt-nam
 đã chửi
 tiếng
 mẹ đẻ
 ở paris

M Ầ Y

tháng trước đây trong một bức thư riêng anh Nguyễn-văn-Cần có thuật lại cho tôi nghe vụ một người Việt-Nam ở Paris, thi đậu thạc-sĩ Pháp, đã chửi tiếng Việt-Nam là một thứ tiếng « primitive » (cổ-lỗ), « người An-nam-mít không có Văn chương và những kẻ viết văn an-nam-mít chỉ là bọn ratés », nghĩa là bọn học hành dở dang, thi cử thất bại.

Lời nói nhục nhã của kẻ vong bản ấy đã khiến cho kiều bào ta ở Paris công phẫn, nhất là anh chị em sinh viên. Nhiều bạn nóng nảy có đến tìm anh Nguyễn-văn-Cồn và Hoàng-xuân-Hân đề yêu cầu phản ứng lại. Trong lúc ấy hội «*Pháp Việt thân hữu*» do Giáo-sư G. Meillon điều khiển và Đông-dương học xá, đã yêu cầu anh Nguyễn-văn-Cồn lên tiếng. Tuy giáo sư Nguyễn-văn-Cồn, Tiến sĩ Văn-chương Pháp, không cần «*chửi bới*» lại, nhưng anh đã đem so sánh văn chương Việt-Nam với văn chương Pháp và Anh, và ca ngợi các nhà văn-thơ Việt-Nam xưa và nay, không kém gì các nhà văn-thơ Tây phương, dù Anh Pháp hay Đức.

Và, trước một số đông thính giả gồm cả người ngoại quốc, anh kết luận: «*Văn chương của nước tôi cũng cao siêu, rực rỡ như những văn chương khác trên Thế giới vậy*». Anh vừa dứt lời thì toàn thể cử tọa hoan hô nhiệt liệt và Nam nữ Sinh viên Việt-Nam đều la lên: «*Đả-đảo tên thực-sĩ đã chửi tiếng Việt và Văn chương Việt!*»

Nếu hôm ấy anh Nguyễn-văn-Cồn nóng nảy một chút thì có lẽ anh chị em Sinh viên ta đã đi kiếm tên thực sĩ kia để «*xử tội*».



Tôi nhận được bức thư trên kia của anh Nguyễn-văn-Cồn đã bốn tháng rồi, nhưng tôi đã bỏ qua vụ ấy, nghĩ rằng bài diễn thuyết của anh bạn cộng sự của Phồ-Thông ở Paris và thái độ phản ứng của các anh chị em sinh viên đã đủ làm một bài học đích đáng cho những kẻ vong bản.

Hôm nay, nhận có tiếp được nhiều thư của các bạn sinh viên ở khắp nước Pháp và ở các nước Hải-ngoại gửi về, tỏ cảm tình nồng hậu với Phồ-Thông tạp-chí, tôi mới có ý kể lại vụ thực-sĩ kia để tỏ lòng hoan hỷ của chúng tôi trước phong trào yêu chuộng ngôn ngữ và văn-chương Việt-Nam đang bùng nổ trong các giới sinh viên và trí thức Việt-Nam ở các đô thị trên Thế-giới.

Những bài lai cáo gửi về tạp chí Phồ Thông, Thơ, truyện, khảo sát, nghiên cứu, v. v... của các bạn ở Pháp, Anh, Mỹ Đức Thụy-sĩ, Phi-luật-Tân, Nhật-bản, Ấn-độ v.v... đều do ngòi bút

loát, vững chắc, của các bạn trí thức hầu hết là ở các trường Đại học danh tiếng, hoặc đã đỗ cử nhân, tiến sĩ, về đủ các bộ môn. Những bạn ấy không những không coi rẻ tiếng mẹ đẻ, mà còn yêu quý Văn chương Việt, hăng hái viết văn làm thơ với ý-nguyện thiết tha góp phần xây dựng một nền Văn-ngệ Việt-nam cho cao rộng thêm hơn.

Cảm động hơn nữa, là không những chỉ có Nam Sinh viên mà có cả những Nữ sinh Viên đang chăm chú học về Khoa-học Chính-trị và Kinh-tế chính trị, về Kế toán, thương mại, về Y khoa và Luật khoa, mà vẫn đề giành thì giờ làm những bài Thơ Việt mới, đẹp, dồi dào ý tưởng, chứng tỏ rằng các bạn rất yêu chuộng Văn-hóa quốc gia, và sốt sắng góp phần xây dựng văn hóa theo tinh thần dân tộc.

Tạp chí Phồ-Thông hân hạnh đã gây ra được phong trào Văn-ngệ Việt-nam trong các giới Sinh viên và Trí thức ở Hải ngoại, nhờ sự phổ biến rộng rãi ở các thủ-đô văn hóa.

Chúng tôi vui mừng mà tin-tưởng rằng sự tham-gia của các bạn cả về tâm lẫn trí trong công cuộc xúc-tiến văn-hóa dân-tộc, và sự cố gắng của các bạn ở thế-hệ ngày nay và ngày mai sẽ là một đảm bảo chắc chắn cho Văn-hóa Việt nam càng ngày càng tiến cao và tiến mạnh.

Căn-bản học-thức và tài-năng Văn-ngệ của các bạn sẽ giúp các bạn tiếp-tục vững chắc truyền-thống của lịch-sử Văn-học Việt nam mà thế-kỷ XX đã bồi đắp nên tặng được đôi phần tốt đẹp thêm.

Mặc những kẻ ngu-xuân đã phản bội tinh thần dân tộc Việt, mặc những bọn ganh-tỵ dèm pha kích-bác những cố gắng và những thành công khởi điểm của chúng ta, chúng ta cứ nhìn tới xa, cứ bước tới trước, cứ tiến mãi trên con đường phục vụ Văn-học Nhân dân. Bọn bất tài, bọn vô liêm-sĩ, bọn ganh-ghét tiểu-nhân, cứ đề mặc họ đứng lại đằng sau mà chửi bới. Chúng ta hân-hoan nhìn thẳng phía trước, đi tới không ngừng, tin cậy vào tự sức mình, dù sức nhỏ, nhưng với cả một thế hệ đã thông minh và đầy thiện chí thì sẽ là sức lớn.

Chúng tôi viết mấy lời tâm huyết này để trả lời chung tất cả các bạn tài hoa ở Hải ngoại đã trao về cảm tình và tin-tưởng nơi những kẻ đang cần cù xây dựng trong nước.

Chúng tôi cũng tin-tưởng nơi các bạn rất nhiều, cho ngày nay và ngày mai.

N. V.



NHỮNG NGƯỜI ĐIÊN CỦA THỜI ĐẠI



• Thích giống con khỉ...

★ Trọng-Lang

Đã nhiều năm rồi, ông Bạt tôi — xin tạm đặt cho ông cái tên « phồ-thông » là ông Bơ — hề cứ gặp tôi là ông rủ rê tôi lên thăm sở thú, qua một câu không thay đổi : « Sở thú là cái giải-trí-trường thú vị nhất cho con người già như hai chúng mình ».

Những lúc ấy, ông Bơ mội ngáp ghé năm chục tuổi : cái tuổi con khỉ, nếu tin theo lời của Voltaire. Những lúc ấy, ông

vẫn cứ trẻ măng, mặt mũi hồng hào như mặt người ăn nhiều cao bú-dù.

Năm vừa đây ông Bơ lại rủ tôi lên Sở thú bằng một câu dài lê thê :

— Sở thú cho tôi một ý nghĩ làm cho tôi thích thú vô cùng : tôi tưởng tượng ra Sở thú là một Liên-Hành-tinh có sinh vật ở. Chả hạn : con má, con khỏm, con chim nhئن-nhئن, v.v... Con má vốn là con chó, hay cắn

NHỮNG NGƯỜI ĐIÊN CỦA THỜI ĐẠI

nhau nhất. Thế thì nó phải là sinh vật điển hình cho Hòa-tinh tức sao Mars, tên một ông Thần thích đánh lộn tập thể. Khi có con chó cắn bậy, cắn cả người quen, kẻ lạ, có khi thấy người lạ vận quần áo sang thì nhảy ra hít hít, mà thấy người quen mang áo rách là xỏ ra đóp đóp liền. Lại ăn vụng, ỉa bậy, cắn cả chó-vợ, chó-con, và luôn cả người chủ thì tôi gọi nó là con Má. Kẻ nào gây chiến tranh thời đại, cũng vậy. Nên con Má là điển hình sinh vật của Hòa-tinh. Đến con Khỏm, tức là con Khỉ rất khỉ già. Nếu anh lên rừng sâu, anh sẽ được thấy có một loại khỉ Cái, còn dữ hơn Vồ-Hậu. Nó chuộng nam mà khinh nữ. Nghĩa là, khi nó dè ra khỉ cái, thì nó bóp cò cho chết đi. Nó chỉ nuôi năng tăng tiu những khỉ đực. Những con khỉ đực ấy sau này sẽ là lũ chồng nó. Có người đã từng thấy một con khỉ Cái già khỏm ngồi chồm hồm giữa một bầy bốn năm chục Khỉ-đực, con trai nó và run rẩy đợi... Sáng nào nó cũng thiết triều như vậy.

Ông Bơ đổi giọng và nói rất nhanh :

— Cho con Khỏm ấy là sinh

vật của sao Vồ-nữ đi !

Và ông lại cất tiếng buồn bã đều đều :

— Con chim nhئن-nhئن thì là cái tên tôi đặt cho con chim bồ câu trắng mái. Con chim này họ cho là chim tượng trưng cho ái tình. Theo tôi, nó chỉ là một con chim loại « nhئن nhئن », tượng trưng cho ái-tình, theo kiểu tự do luyến ái, và theo lối trăm thặng, à quên, trăm-chim-đực, kẻ cả đực lông đen, nâu và biếc, loạn xạ ngẫu. Anh không tin, hả ?

Thấy ông Bơ trợn đôi mắt chim tu-hú, thay cho dấu hỏi, tôi vội nói :

— Anh mà nói là người chết sống lại, tôi cũng dám tin luôn, anh ơi !

Ông Bơ gật gù :

— Mày chửi tao theo giọng mũi của Voltaire, nghe chưa ? Thôi cũng được. Riêng mày, mày chửi, tao nghe. Thiên hạ mà chửi tao, tao sẽ chửi lại, không tha. Vậy thì : con chim bồ câu trắng có cái mã, mới trông thì mát mắt. Nhưng, nhìn kỹ thì thấy màu trắng ấy nhạt nhèo. Con mắt nó, họ cho là đen nháy. Đúng ! nhưng nó lại có cái vành đỏ lợt. Thành thử trông như mắt toét. Cỗ nào

NHỮNG NGƯỜI ĐIÊN CỦA THỜI ĐẠI

mà thiên hạ cho là có đôi mắt bồ câu trắng, phải nên nhận kỹ lại rằng : họ vô tình mĩa cô ấy đó, vì thật ra chỉ là khen : nàng có đôi mắt huyền viền vải tây đen màu đỏ nhờ...

Tôi ngắt lời ông :

— Biết !

Ông quát ngay :

— Anh là nhà « khoa-học » thì biết quái gì ! Có anh văn sĩ tây chẳng nói rằng : « Khoa học được làm ra bởi những người mà ý muốn biết đã chết rồi, » đấy ư ?

Tôi phì cười :

— Tôi là nhà văn kia mà !

Lần này, thì ông giạt mình mà la lên :

— Thế anh là nhà văn à ? Thế sao tụi nó bảo anh là nhà khoa học ?

Tôi buồn bã :

— Tụi nó mĩa đấy.

Ông Bơ cũng buồn bã :

— Tưởng anh là nhà khoa học, nên tôi mới mời anh lên Sở Thú để tôi nói thêm cho anh rõ về một vài chi tiết rất « người » về loài vật. Nếu anh là nhà văn thì anh biết rồi, còn gì nữa ! Thôi, ta quay về vậy.

Tôi phải thề là tôi ngu lắm,

tâm lý con-vật trong con-người thì tôi có thể đoán xét mà biết, chứ tâm-lý-con-người trong con-vật, thì tôi chịu. Ông Bơ nói nguýt tôi :

— Nói nghe ngon ơ !

Tôi tiếp luôn :

— Thế còn vấn đề con bồ câu trắng mái là chim nhèn-nhện. Là thế nào ?

Ông Bơ thông thả :

— Anh chim đực chỉ cần có một cái tổ, rồi anh đứng đấy xù lông gáy lên mà gù. Thế nào thì rồi cũng có một chị mái xè xè cánh, nhí nhánh theo điệu « tuýt » nháy mại vô. Thế là : cuộc tình duyên bắt đầu, anh chị quấn quýt không rời nhau, về như « em thề đến chết vẫn chỉ có một mình anh » thôi. Nửa tháng sau : Chị cu đẻ. Mười bảy ngày sau, nở hai cu-con. Anh chị cu thì nhau móm. Mười bảy ngày sau nữa, hai cu con đã lớn. Chị cu thôi móm, để mặc anh cu. Ý giả để giữ sức còn đẻ lứa thứ hai. Rồi dùng một cái, thấy chị cu bay theo một cu đực khác. Cu Đực cũ đợi. Có khi hàng tháng như chàng Tiêu. Hai Cu-Con đã lớn, bay đi, và để lại cho Cu bố cái tổ. Cu-Bố có tổ như tụi mình có nhà lầu, xe hơi. Tháng sau,

NHỮNG NGƯỜI ĐIÊN CỦA THỜI ĐẠI

có khi hai tháng sau, một chị Cu mái non, dậy thì, nghe tiếng anh Cu cóc-cu rồn-rập, sẽ lại xè xè cánh, nhún nhảy đi vào. Cái trò cũ lại bắt đầu, nhưng lần này thì kếp cũ, đào mới.

Ông Bơ bỗng dấm ngực thụp thụp rồi nói :

— Chính tôi đã thấy tận mắt một con chim Cu trắng mái đang đi với chồng mà lên đi giăng-dện với một con cu đực đen đang đi với vợ. Và chính tôi thấy vài lần, cu trắng mái mò đánh đuôi chồng đi, để đón trai về tổ cũ.

Vì con Cu trắng mái hư đốn thế nên người Trung Hoa cổ đã có câu : « Phoong-pạc-cap » tức là Phóng bạch-hạp (thả bồ câu trắng), để chỉ hành động của anh nào « thả cổ vợ » dùng vợ làm mỹ nhân kế.

Đến đây, ông Bơ thở mạnh, để kết luận cho gọn hơi :

— Vậy thì con Cu-trắng-mái để tính kia sẽ là sinh vật điên tình của Nguyệt Cầu. Có nhiều trụ đang khoái lên mặt trăng lắm. Có trụ nói không phải lên trên đó để « Vệ-đơ » nàng Cu-trắng đầu, mà là để phục vụ cô ta ngang một nữ-thần.

Ông Bơ đã thôi nói, tôi vội

gọi xe tắc-xi, và chưa kịp nói gì với tài-xế, thì ông Bơ đã bỏ bỏ :

— Lên Liên-vệ-tinh ! À quên, lên Sở-thú, ông Bơ ơi.

Nói xong, ông rúm lại thành một tí tẹo người trong góc đệm xe. Nhưng đôi mắt ông vừa mở rộng ra, và tôi thấy đủ thứ trong cặp mắt ấy.

CHUYỆN KHỈ !

Sở thú hôm nay vắng hoe, ông Bơ thở dài :

— Tại sao, con người lại không năng đi coi con-thú ? Tiếc vậy ơ ! Tôi mê sở-thú, vì riêng tôi, tôi có lý do của tôi : khi tôi đi coi xi-nê, về tự ngắm, tự suy thì thấy mình... khom quá và *chậm lớn* quá. Đi coi Cải-lương về, thì thấy mình cứ mơ giạt lù về cái thuở còn mang quần thùng dít. Chỉ có đi coi sở-thú về, thì mới có thể mình nhắc cho mình rõ mình vẫn là... người, thuộc loại người, tuy rằng mình cũng có hình và thể giống như một con vật...

Vừa vận đến chuồng khỉ. Hình như là khi ta muốn làm quen với những người hay vật mà ta *chưa quen hẳn*, thì tâm linh hay đưa ta đến trước hết với những

người hay vật ta đã quen vừa vừa. Ở đây, con khi là vật tuy không quen mà cứ nhìn qua là ta thấy như đã gặp ở đâu rồi. Cho nên, không ai bảo ai, chúng tôi dừng lại trước những con khi.

Có con khi già như nhận ra Ông Bơ. Đôi mắt hau háu của nó títt đôi tròn lại. Nếu là người thì chắc nó đã mừng reo: «Bố ơi!» Nhưng là khi, nên chỉ chúm môi thành cái tỳ gà rồi «hu» một tiếng ảo não.

Ông Bơ móc túi lấy ra một quả chuối. Trước khi dứt chuối qua chắt song sắt, ông căn dặn tôi:

— Nhớ nhìn kỹ, nhé!

Con khi đã cầm quả chuối, đưa lên mũi ngửi, rồi ghé mồm ngoạm luôn vào giữa.

Ông Bơ buồn bã nói với tôi:

— Quả chuối này, nếu tôi cho anh ăn, thì trước hết anh bóc vỏ, rồi bắt đầu từ chỗ nên bắt đầu. Nghĩa là: anh sẽ cắn một miếng vào đầu quả chuối. Hay là ra đầu ta đây lịch sự, anh sẽ bẻ một miếng đầu chuối, nhẹ nhàng đưa lên miệng. Ăn đến đâu, anh sẽ bóc vỏ đến đó. Riêng con khi, thì có vẻ là giống con người, thế mà nó vẫn chỉ là con-khi trong con-người. Vì hai lẽ: nó không

biết nói; nó chỉ khếch khếch và hu hu. Vì trong óc nó, thiếu hẳn cái bộ phận thần kinh mà y-học gọi là: cái centre de Broca (trung-tâm ngôn-ngữ).

Đến việc ăn. Thì đó! Bạ đầu ngoạm đó, một cách ngu xuẩn. Rồi đã nhét đầy bụng, lại còn nhét đầy hai bên má, để dành. Đã ngu lại tham lam, keo cú. Cho nên, anh nhà sinh-vật-học kiêm văn sĩ Jean Rostand mới nói rằng: con-người có thể dùng những phương pháp nhân tạo để nâng con khi lên cao hơn kiếp sống của nó, nhưng con người không bao giờ có thể biến con khi thành con-người; dù chỉ là con-người bậc dưới (sous-homme) hay là con người tiền-sử (préhomme).

Ông Bơ đang nói bỗng im bật và ngồi phệt lên mặt cái ghế đá gần đó. Mặt ông tái mét, tay ông run run. Ông như người bị thư-phù. Tôi chưa kịp lên tiếng, thì ông đã bật đứng lên. Toàn thân ông đánh lại và ông hỏi như đập vào mặt tôi:

— Xin hỏi anh: tôi giống con khi hay là con khi nó giống tôi? Há? Tôi nghĩ một câu trả lời.

Ông quát:

— Nói!

Tôi vui vẻ mắng đùa ông:

— Già rồi mà còn khéo khi! Ông Bơ cười chúm chím, rồi gặt gù:

— Thế là tôi giống con khi rồi. Cám ơn!

Tôi vội cãi:

— Chính con khi nó giống cả anh lẫn tôi. Nhưng bề trong nó vẫn... khi như thường, anh ạ.

Ông gân cổ lên:

— Không! Tôi mới là giống con-khi, nhưng bề trong tôi vẫn... người.

Tôi chợt nảy ra một ý nghĩ, nên hỏi ông:

— Anh muốn làm cái trò: đại trí nhược ngu hần? (1)

Ông Bơ ghé gần miệng vào tai tôi:

— Còn gì nữa! Nhưng bí mật đấy nhé?

Nói xong, ông Bơ có vẻ hài lòng lắm. Ông thở ra thật dài và khó nhọc, như ông thở ra những cái đinh vừa làm cho toàn thân

ông cứng nhắng, và mất hết máu. Và ông mềm mại, vui vẻ trở lại.

Tôi chợt nhận ra điều này: Ông giống như người tự mình thư phù mình. Và ông chỉ «loạn óc» riêng với ông, mà thôi. Đối với người khác, ông rất tỉnh.

Tuy vậy, có điểm khác lạ này, ở người ông: Khi một người tự thư phù, thì ý muốn vẫn hướng lên một chỗ đẹp đẽ hơn đời sống đau khổ hàng ngày. Ông Bơ thì lại muốn được giống một con khi.

Tôi còn đang suy nghĩ, thì ông Bơ đã nói một cách đứng đắn:

— Trong khu Liên-vệ-tinh, à quên, trong Sở-Thú này, còn thiếu một chỗ: cho chính khộm-tôi đây vậy.

Giọng ông nghiêm nghị quá, lúc này, để tôi có thể tin là ông nói thật được. ● ★

(1) Đại trí nhược ngu: người có trí lớn mà làm như mình ngu.



★ **Đáp: Ông T.U.V. (một độc-giả điên của thời đại)**

Y-học dạy rằng: «Điên là một danh từ mơ hồ để chỉ cái tình

trạng đặc biệt của những người đã mất lý trí». Lý trí là cái món mơ hồ được nêu ra để phân biệt con người với con vật. Chán vạn người đang giống con vật và đang muốn biến thành

NHỮNG NGƯỜI ĐIÊN CỦA THỜI ĐẠI

con vật. Họ vẫn cho họ là không điên. Và ít có ai đã dám quả quyết là họ điên.

Nhà văn Samuel Beckett, người Ái Nhĩ Lan, sang định cư tại Pháp và chỉ thích viết văn bằng tiếng Pháp, đã từng viết một câu trong vở kịch « En attendant godot » : « Nous naissons tous fous... » (Tất cả chúng ta đẻ ra đã điên rồi...) Mấy năm trước đây, Beckett đã được giải thưởng quốc tế vô tuyến truyền thanh, tức giải Italia, với vở kịch đẻ là « Cendres ».

Nghĩa là : ông ta tự nhận là đẻ ra đã điên, thế mà ông ta vẫn đủ lý trí đẻ viết kịch Cendres, và như vậy là ông ta không điên, theo định nghĩa của Y-học.

Cái điên khó hiểu là như vậy. Cho nên mục « Điên thời đại » chỉ cố gắng giới thiệu những nhân vật điên một cách rất không điên, hay là không điên một cách rất là điên.

Nay ông Bạn tự nhận là một « nhà điên thời đại », vì có những kẻ đã cho ông là « con nít ». Và

chính ông cũng muốn được còn cái chất con nít trong người, và muốn họ coi ông là con nít.

Xin thưa ngay :

Có nhiều trường hợp « người già trở lại thành trẻ con ». Tạm kể hai trường hợp những Cụ già bị lẫn lẫn. (Y học gọi là gâtisme). Và trường hợp những « Thiên tài ». Luận về thiên tài, người Âu tây đã cho thiên tài là sự trở về tự động và thường xuyên với tuổi thơ. Trường hợp trên là bị lẫn lẫn, vì già nua, rồi hành động ngây ngô như con nít. Trường hợp dưới là : tự mình trở về với Tuổi thơ trong trắng (nguyên thủy của sự thật, như ông đã nói).

Mong rằng ông bạn sẽ được rơi vào trường hợp thứ hai.

Và xin thêm rằng : chính những kẻ đại khái như những kẻ chê ông là con nít mới thiệt là kẻ làm cho nhiều người hóa thành « điên thời đại ».

« Điên thời đại » có thể là một khía cạnh sắc sảo của nghệ thuật sống vậy.



DÀNH

THÌ GIỜ

ĐỂ

HỌC HỎI

(LEISURE FOR EDUCATION)

★ PHILIP TRELEAVEN

Trên hai triệu dân Anh hiện đang theo học các lớp bình dân mở ngoài giờ làm việc. Trong bài sau đây ký giả Treleaven phác qua ngành giáo dục dành cho những người lớn tuổi.

HỌC hỏi là một việc mà ai ai cũng phải theo đuổi trọn đời. Từ 1944, tuy rằng trẻ con Anh được theo học miễn phí trong một thời gian ít nhất là mười năm qua hai cấp tiểu và trung học do chính phủ đài thọ, nhưng đến lúc rời khỏi mái nhà trường xong, đại đa số mới thấy rằng họ mới đứng ở ngưỡng

cửa của thế giới giáo dục và văn hóa. Do sự khuyến khích của những giáo sư hăng hái, họ thấy còn thêm khát học hỏi thêm, biết thêm nhiều địa hạt mới và nhiều nghề mới nữa.

Đề giúp đỡ cho số lớn dân chúng đã ra làm việc muốn tiếp tục học hành, phong trào giáo dục dành cho những người thanh

niên đã tiến từ việc mở Viện Cơ Khí đầu tiên vào thế kỷ thứ 19 đến cả một tổ chức rộng lớn ngày nay. Các trường đại học đã tổ chức trên khắp các đảo Anh mỗi năm những năm ngàn lớp dành cho những người thanh niên ngoài phạm vi trường đại học. Những lớp này dạy các môn về địa chất học, sử ký, địa dư, khoa học, xã hội học, triết học, sinh ngữ, văn học sử, chính trị, kinh tế và bao nhiêu môn khác nữa. Nhưng chính các lớp tối và những trường cao đẳng kỹ thuật là nơi mà đa số những người trưởng thành — ước trên hai triệu người — theo đuổi sự học sau những giờ làm việc.

Trong những lớp do trường đại học tổ chức ngoài trường — đa số các lớp này được tổ chức qua sự trung gian của Hội Giáo Dục Công Nhân (Workers' Educational Association) — chương trình học ngang với chương trình đại học cả nội dung lẫn trình độ kiến thức. Trong các lớp tối và tại các trường cao đẳng kỹ thuật thì chương trình học chia ra làm hai loại riêng biệt: một loại học theo trình độ đại học và một loại chuyên nghiệp hẳn. Như thế nghĩa là có

những lớp dành riêng cho, ví dụ như, những người muốn học về sinh ngữ, hay toán, hay khoa học, hay những môn đặc biệt như luật hoặc kế toán để thi những kỳ thi chuyên nghiệp với mục đích tiến thêm trong nghề, và có những lớp dành cho những người muốn mở mang thêm trình độ văn hóa chung của họ trong phạm vi nghệ thuật, sử ký, âm nhạc, khiêu vũ, thi ca, kịch nghệ v.v... Đối với những người muốn tự mình sáng tác, thì có những lớp dạy về hội họa, điêu khắc, nghệ thuật khắc trên gỗ, nghề mộc và nghề kim khí. Và cũng không nên quên rằng có hàng trăm ngàn người theo học những lớp tối để học hỏi thêm về những môn có dính dáng đến sở thích riêng của họ, ví dụ như học để đi sâu thêm vào nghề làm vườn, nghệ thuật nhiếp ảnh, cách sửa chữa và gìn giữ xe tự động hoặc cách nuôi cá trong hồ kính để làm cảnh trong nhà. Có đủ lớp và môn học cho đủ loại sinh viên, từ những thanh niên háng hái muốn học về nguyên tử năng, cho đến những bà nội trợ trung niên chỉ thích làm thế nào chế được những chup đèn thật đẹp để chưng bày trong nhà. Các

Hội Đồng Hành Chính Tỉnh và Quận đã đóng một vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức các lớp học nói trên.

Sở dĩ phong-trào giáo-dục những người thành niên được bành trướng rất mạnh là nhờ không có nạn thất nghiệp và số giờ làm việc rút ngắn hơn trước nên các người làm việc mới có thể có đủ thì giờ để háng hái đi học thêm những môn bổ ích.

Lẽ dĩ nhiên là hàng năm phải tốn kém đến hàng vài triệu Anh kim để tổ chức những lớp ấy. Vậy thì lấy tiền đâu mà chi phí? Nhất định là không phải học phí do học viên phải đóng góp rồi vì mỗi học viên ít khi trả quá hai hay ba Anh kim (chừng bốn hay sáu trăm bạc Việt-Nam) cho mỗi niên học. Không, chính các lớp tối và các lớp cao đẳng kỹ thuật đều do các nhà cầm quyền địa phương quản trị và gánh chịu một phần lớn chi phí. Và chính phủ trung ương cũng có trợ cấp tài chính cho các nhà cầm quyền địa phương và những đoàn thể tình nguyện như Hội Giáo-Dục Công Nhân (Workers' Educational Association).

Có thể rằng hình thức cao nhất của phong trào giáo-dục người thành niên là hệ thống các trường cao đẳng sở tại trong toàn quốc (trong số này có trường Cao đẳng Ruskin, Oxford, là nổi tiếng nhất). Các người đi làm việc có thể theo học tại các trường ấy trong dịp cuối tuần, hoặc theo những lớp mùa hè trong vòng hai ba tuần, hoặc những lớp kéo dài một năm hoặc hơn nữa. Một số các trường ấy trực thuộc vào Phong Trào Hợp-Tác-Xã và các Nghiệp Đoàn. Các tổ chức này cấp học bổng cho các đoàn viên của tổ chức và trợ cấp tài chính cho họ có thể theo học các lớp nói trên.

Phong trào giáo dục người thành niên của Anh mạnh đến nỗi đã ảnh hưởng rộng rãi đến các quốc-gia lân cận và các quốc gia này cũng đã tổ chức những lớp dành riêng cho những người lớn tuổi để thỏa mãn nhu cầu của họ. Điều mà hầu hết dân Anh đều quan niệm được là phong trào giáo dục những người thành niên không phải là giúp người thường dân có phương tiện học lên chương trình trung-học hoặc đại học: mục-dịch của phong trào là giúp họ thụ hưởng cái gia sản văn minh và văn học, và đây là một cao vọng.





ĐÀO PHÚ-QUI

★ THU-NHI

(Tiếp theo P.T. 105)

Ở lại đảo, ngoài những lúc làm việc, nàng không giải trí như nhiều cô nhiều bà ở thành thị mà chỉ ao ước:

« Muốn vẽ xóm biển mà chơi,
Ra sông ngắm lá ra vờ coi ghe »

Vì cảnh trí nên thơ, nên các nàng ví von :

« Nước trong thấy đá, cá lội
thấy hình
Bốn bên nước bề mông mênh
Bốn mùa gió mát trắng thanh
rợp trời. »

Tôi muốn tìm « đệ tử » của nàng Sapho trên đảo này, biết đâu sẽ gặp được những nàng thơ đa tình, đa cảm. Tôi tò mò hỏi các thiếu nữ đảo về những câu hát, bài thơ nói lên tình cảm, yêu đương, thì các cô e-lệ mím cười quay đi như trốn tôi, sau khi ngập ngừng nói :

« Câu hát em dựng bằng vò.
Đến khi chị hỏi em mò được
mấy câu. »

Từ già họ, tôi trở về ngoạn cảnh.

Trên con đường đến Chùa Linh-Quang, tôi thật tình hỏi ông em họ là trưởng ban xây dựng đảo.

— Nguồn lợi thiên nhiên ngoài này dồi dào, sao cậu không bày vẽ hướng dẫn họ để tăng thêm mức sống cho dân chúng.

— Chưa được đâu Chị ạ ! Bày giờ lo xây dựng nhận tâm, nâng cao dân trí rồi mới giúp họ cơ giới hóa ngành ngư nghiệp.

— Chánh quyền định giúp gì cho dân đảo ?

— Vừa cho gạo, phân bón, dụng cụ xây cất trường học, bệnh xá và hứa sẽ cho một ghe bầu gắn máy trọng tải 30 tấn để theo đoàn đánh cá ra khơi chở giúp cá vô bờ.

— Cá nhiều quá, sao không chi họ cách làm mắm ?

— Họ ít vốn, thiếu dụng cụ, chỉ dự định lập nhà máy nước đá để giữ cá lâu hơn và nếu có thể lập một nhà máy điện, nhưng việc này chắc phải lâu lắm mới thực hiện được...

Nói đến đây, chúng tôi phải ngưng câu chuyện, vì vào đến sân Chùa Linh-Quang.

Chùa này không rộng lớn như Chùa Xá-Lợi, không uy nghiêm như Chùa Từ-Đàm, không thanh

nhã như Chùa Non Nước. Nhưng cũng quyến chân du khách, vì đây là một di tích lịch-sử. Theo truyền thuyết lưu lại thì lúc Nguyễn-Ánh thua nhà Tây-Son, ngài cùng đoàn tùy tùng vượt thuyền vào Nam để rồi qua Xiêm cầu cứu. Ngang qua đảo, ngài ra lệnh cập bến rồi lên ăn trú ở đây hơn một tháng trời.

Sắp ra đi, ngài giúp đỡ và khuyến khích dân đảo xây lên ngôi Chùa Linh Quang (ngày nay thuộc xã Tam Thanh) Chùa này khá rộng nhưng hơi thấp, nằm trên một khoảnh đất cao ráo có vườn cây bao quanh.

Sau khi viếng Chùa, lễ Phật xong. Chúng tôi đến núi Cao-Cát, một thắng cảnh mà tôi được nghe nhiều người ca ngợi từ khi mới đặt chân lên đảo.

Cũng chiếc xe cam nhông cũ kỹ độc nhất đưa chúng tôi đi sâu vào vùng rầy bãi, rồi dừng lại trước con đường cát trắng phau, dẫn vào chân núi. Nhìn lên, chúng tôi tưởng như thành lũy kiên cố của các đời Vua Chúa thời xa xưa, nay bị đờ nát chỉ còn trơ những bức tường xám màu mưa nắng.

Bước quanh cơ theo con đường có bóng dứa rủ mát hai

bên, chúng tôi lại phải tiếp tục trèo lên những bậc cấp bằng những phiến đá to rập lại. Vài người mỗi gối ngồi nghỉ theo lối đi Tôi cố gắng bước nhanh hơn để khỏi bị cái ông bạn đồng hành cười mà trêu câu: « đúng là phái yếu ».

Lên hết những bậc đá gặp ngôi Chùa một mái, lưng dựa sườn núi. Nhìn lên Chùa tôi mỉm cười xoay hỏi một người bạn :

— Nhớ gì không?

— Nhớ Linh Sơn Tự ở Đà Lạt!

— Hay nhỉ! Một ngôi Chùa trên cao nguyên, một ngôi Chùa giữa hải đảo mà mang cùng một tên, lại cùng cao cao, mát mát...
— Hai là một, một là hai kia mà!

Chúng tôi đứng dựa bức thành trước Chùa để hóng gió mát, chuyện trò vui vẻ cho bớt mệt rồi tiếp tục leo lên chót núi.

Càng lên cao, gió càng mát. Chúng tôi quanh qua những lối đi ngoằn ngoèo, trèo trên mấy mô đá gồ ghề nhẵn những đường gợn, hình như các nguyên đại trước nó còn nằm sâu dưới lòng đại dương; mồ hôi đã ướt đầm lưng áo, nhưng chúng tôi vẫn cố leo lên trên đỉnh.

Ngồi trên chót núi Cao Cát,

tôi tha hồ nhìn xuống bốn bên.

Đây là vùng rẫy bãi, màu đất hung hung nổi bật giữa những hàng rào dừa gai phân chia làm thành nhiều mảnh nhỏ. Kia là Xã Long-Hải chỉ chút những ngôi nhà ngói nhỏ nhỏ xinh xinh, quanh gần cát trắng là biển cả mênh mông bao quanh lấy đảo, vài cánh buồm no gió lướt sóng trở về.

Bên kia là hòn Tranh, nơi mà tôi muốn tìm thuyền qua chơi để thăm gia đình nào « độc chiếm » ở riêng một cõi với mấy trăm... con bò.

Theo tay chỉ của một bác ở địa phương, tôi biết thêm hòn Trúng, nơi mà các nàng chim nhận đến mùa sinh đẻ, bay về từng đoàn này qua đoàn khác để cho dân đảo một số trứng « kéch sù » mà tôi không ngờ được.

Đang tưởng đến cảnh « một bầy chim nhận tung trời mà bay » thì một người bạn gọi vọng lên làm cắt ngang ý nghĩ của tôi.

— Đi xuống hàm rồng chơi, Nhi!

— Ở đâu?

— Ngoài gành kia!

Tôi vui vẻ gật đầu đồng ý rồi

lần leo xuống, vừa đi tôi vừa nghĩ đến câu hát của thiếu nữ đảo nói đến cảnh này :

*Rồng nằm gành đá, con cá lội
trương vì*

*Em gặp anh một thuở chút ít
khi gặp hoài.*

Đề nhắc tình nhân là « năm khi mười họa » mới gặp mặt nhau một lần.

Gần biển có hình dáng như một con rồng đá uốn khúc. Trước đầu là ngôi mộ cổ của một người Trung-Hoa, mà dân đảo sùng kính tôn là mộ Thầy Chúa, vì quá hiền linh. Họ kể lại rằng :

Có một người Trung-Hoa đi ngang qua đảo (1) thấy địa thế tốt nên ghé lên xem rồi dặn dò, chỉ con cháu nơi mai táng khi ông ta quá vãng...

Một buổi sáng dân đảo ra gành ngạc-nhiên thấy có ngôi mộ đắp bằng những phiến đá. Từ đó nơi đây thường phát ra tiếng nổ và những tia chớp sáng ngời, nhất là khi hải đảo sắp có tai nạn hoặc tin gì.

Một cụ già kể lại cho tôi nghe rằng : trước kia có một

lần, bọn hải tặc ở Tàu sang định cướp đảo để làm sào huyệt. Thuyền chúng kéo đến rất đông, cung tên súng đạn thi nhau nả vào đảo, rồi khi vào gần bờ thì nghe nhiều tiếng nổ, nhiều tia sáng từ ngôi mộ phát ra và xẹt về phía thuyền giặc làm bọn chúng kinh hoàng, trong lúc ấy toàn thể dân đảo hòa nhau ném sỏi đá, thế mà có nhiều thuyền phát cháy nên chúng kéo nhau rút lui, không bén mảng đến nữa.

Tôi im lặng nghe, không bàn bạc trong khi ông cụ uống thêm hớp nước dừa tươi rồi tiếp :

— Từ đó trở lui, dân chúng sống yên ổn, không có mùi chiến tranh trên hải đảo này. Không những trước kia mà hiện giờ vẫn còn linh hiển, báo ứng nhiều điềm nên dân chúng rất ngưỡng mộ tôn thờ. Vì vậy mà

(1) Theo chúng tôi đoán có lẽ là một hải thương giàu có qua buôn bán ở Việt-Nam. Độ 100 năm trước có những người Trung-hoa dùng đường hàng hải chở hàng hóa qua ghé mua bán ở Bình-thuận.

ĐẢO PHÚ QUI

hằng năm đến ngày mồng 4 tháng 4 âm-lịch, toàn thể dân đảo nghỉ sinh hoạt, tụ tập về lo cúng giỗ Thày Chúa này (mỗi năm đến phiên một xã lo cúng tế linh đình).

Trời xế chiều, chúng tôi phải « hạ san » lúc xuống những bậc cấp dưới chân chùa Linh-Sơn, chúng tôi reo lên vì nhìn thấy những cành cây trĩu lá đơm hoa bên lối đi.

Ồ đẹp quá ! Tôi hân hoan



★ NU CƯỜI ẮN ĐÒN

Thấy Minh khóc, má hỏi :

— Sao con khóc đó con ?

— Dạ anh Hai đóng guốc vô ý ảnh đập búa lên tay ảnh.

— Ồ, có vậy mà con khóc ầm lên thế à, thôi con ngoan lắm, con thương anh con lắm.

— Dạ không, con thấy ảnh đập búa lên tay ảnh nên con cười rồi ảnh đánh con.

NGUYỄN-SANH-LỐT

tiễn anh đi

(Tặng Minh-Đức Paris)

★ THIÊN-THU

(Đại-học Văn-Khoa — Saigon)

Ngày anh ra đi...

Saigon buồn như sắp khóc...

Em rữ sầu, lặng-lẽ buổi chia-ly

Ah ra đi

Không một lời hò-hẹn

Em tiễn anh

Không dám nói một câu gì.

Mây Saigon như đọng cả trên mi

Làm mờ mắt người con gái nhỏ

Đứng ngơ-ngàng ở một góc sân bay...

Tiễn ai

Mà ngại ngừng tay không vẫy,

Dù biết rằng người sẽ xa mình mãi mãi.

Ba năm rồi

Ba năm dài quá phải không anh ?

Nhưng Saigon vẫn còn nhớ, còn mong,

Người đã ra đi không một lời từ giã

Và người con gái ở sân bay

Năm nay,

Vừa đang độ

Ngập-ngừng...

Không muốn bước lên xe

Kết toàn hoa-hồng trắng...

Vì còn chờ đợi

Một người

Chưa bao giờ nói với mình hai tiếng :

« yêu em »

Cũng chưa bao giờ nắm tay mình

Nói lên một lời hò-hẹn.

nhớ bề lên chiều

★ THÙY-CHÂU

(Vitry-sur-Seine — Pháp)

Một đêm nữa sẽ xa lần gió sóng
Tiếng đêm đêm đưa mộng tấp lên khơi
Sóng rạt-rào ru hồn vật chơi vơi
Gió len-lén vén mớ trời sao động

Như hơi thở phất vờn trên mặt sóng
Như lời thơ thắm lộng ý yêu đương
Như bước tiên rón-rén khúc nghệ thường
Nao nức tựa tiếng đàn thương đêm vắng

Sóng gió ơi, sóng hây sao, gió dừng lặng
Sao xuyên tình duyên mặn từ nghìn xưa
Bề lên, gió thổi, sóng rộn, trăng lơ,
Thao-thức mắt sao chờ trong đêm tối.

Một đêm nữa sẽ ngừng thôi mong đợi
Tiếng đêm đêm sóng gọi vọng từng thôi
Trong tâm-tư động mãi phút yêu đời
Hình ảnh cũ nào-núng khơi mộng đẹp

★ Thiều-Sơn

MỘT
NGƯỜI

DA
ĐEN
CÓ
THỂ
LỰC

NHỨT
Ở

MỸ QUỐC

• ÔNG MUHAMMED •

PHI hành-gia không-gian Cordon Cooper bay vòng quanh trái đất 22 vòng. Cả thế-giới đều vỗ tay hoan hô sự tiến bộ trong khoa-học không gian của Mỹ. Dân-tộc Mỹ có quyền tự hào một cách chánh đáng.

Nhưng bào-đệ Tổng-Thống Mỹ, ông Robert Kennedy, bộ trưởng Tư-Pháp lại tuyên bố :

«Những thành công trên không-gian không có ý nghĩa lớn nếu quốc-gia không giải quyết được những vấn đề như vụ phân biệt màu da tại Birmingham».

Người cầm đầu bộ Tư-pháp của một nước văn-minh như thế giới lại phải chứng kiến một cách bất lực những cảnh tối ư đã-mạn ở ngay trên lãnh thổ của

mình. Còn gì cay đắng và nhục nhã cho bằng những vụ xung đột vì màu da trong một nước mà hiến pháp và luật pháp đều đảm bảo cho tất cả mọi công-dân hoàn toàn bình-đẳng. Những vụ xung đột như thế lâu lâu lại tái phát và lan-rộng ở miền Nam nước Mỹ trong những tiểu-bang Ankanas, Mississipi, Alabama, v.v... Ác hại là hầu hết chánh quyền tiểu bang ở miền này lại về hòa hay cầm đầu bọn kỳ thị chủng tộc da trắng.

Người da đen bị coi như tôi mọi, họ ở riêng, ăn riêng, chơi riêng, học riêng, thờ Chúa cũng có nhà thờ riêng, và khi chết cũng chỉ được chôn ở nghĩa địa riêng của họ.

Họ tranh đấu đòi được sống bình đẳng thì họ bị đàn áp thẳng tay.

Hiến-pháp và pháp-luật liên-bang không được chánh-quyền tiểu-bang tôn-trọng. Phép vua vẫn thua lệ làng. Trong khi ông Bộ-Trưởng Tư-Pháp chán nản mà thốt ra những lời chua-chát như trên thì một ông nghị-sĩ dân-chủ da đen của tiểu-bang New York là ông Clayton Powel tuyên-bố : *« Chúng tôi đang ở trong cuộc cách-mạng của người da đen. Mỗi người da đen là một chiến sĩ. Tôi cũng là một*

chiến sĩ, và tôi lấy làm hạnh diện. »

Ông nghị Powel khi được quyền ra tranh-cử và đắc cử vào Quốc-Hội Hoa-kỳ chắc ông lấy làm hạnh diện rằng ông đã hoàn toàn bình đẳng với người da trắng. Rất nhiều người da đen cũng chiếm được những địa-vị ưu-đãi như ông. Nhưng so sánh với số đồng bào da đen bị bạc đãi thì cái thiêu-số được ưu-đãi thật chẳng cân nặng được bao nhiêu. Khi có cuộc tranh-đấu quyết-liệt thì cái số người được ưu-đãi tất nhiên phải có thái độ như ông Clayton Powel. Không có thái-độ đó tức là không có lương-tâm và đã thành người phản-bội đối với chủng-tộc của mình.

Nhưng còn một thái-độ đáng sợ hơn nữa là thái-độ của ông Alijad Muhammed và 250.000 người da đen trong giáo phái của ông. Theo tuần báo *Paris Match* ra ngày 11-5-63 thì giáo phái này đang bành trướng mạnh ở Hoa-kỳ. Cơ-quan mật-vụ Mỹ nghi rằng họ có liên-lạc với Nasser và khối Ả-rập ở Bắc-Phi và Trung-Đông.

Ông Muhammed không đòi đồng hóa với người da trắng và chủ trương đoàn-kết khối 25 triệu người da đen chống với

toàn khối người da trắng, chống toàn diện, chống quyết liệt kỳ tới thẳng-lợi cuối cùng.

Theo báo *Sélection* xuất bản tháng 5-1960 thì ông Muhammed đã kết nạp được 70.000 tín-đồ. Nhưng tới nay, chưa đầy 3 năm số tín-đồ đã lên tới 250.000 người. Ông tự xưng là sứ giả của Thượng-đế Allah được phái tới để độ cho những người da đen và kết nạp họ thành những tín-đồ của Hồi-Giáo (Islam) chống với người da trắng và chống với Thiên-chúa-giáo.

Ký giả Alex Haley đã viết một bài điều tra tỷ mỉ trong số báo *Selection* nói trên và cho biết rằng giáo phái của ông Muhammed đã thiết lập được trên 50 ngôi đền Hồi-giáo và nhiều giáo-đoàn trong 27 tiểu-bang từ Bắc xuống Nam, từ Đông qua Tây trên lãnh-thổ Hoa-Kỳ. Những giáo đoàn quan trọng nhất ở Chicago, Detroit, New-York, Los Angeles, Atlanta và Miami. Ở Chicago và Detroit lại có 2 trường Đại-Học Hồi-giáo để huấn luyện những lãnh-tụ tương lai của phong trào. Tiếng Ả-rập được dạy ngay từ hồi con nít mới 8 tuổi.

Ông Muhammed tồ chức kinh

tài đại qui mô cho giáo-phái.

Có những tiệm may, những phòng hớt tóc, những tiệm tạp-hóa, những tiệm ăn, những lò bánh mì mà chủ nhơn và khách hàng đều là người trong giáo phái. Ông còn xây cất tại Chicago một « Trung-Tâm Hồi-giáo » trên một khoảnh đất 22.500 thước vuông. Ông nhằm kết nạp những người da đen bỏ thôn quê lên kiếm việc mần ăn ở thành-thị. Nhờ giáo-phái này họ có thể tương-trợ lẫn nhau, khỏi lệ thuộc người da trắng và sẽ là những chiến-sĩ trung-kiên chống lại người da trắng.

Giáo-sĩ William Mc Peak cai quản họ đạo Các Thánh ở Harlem, một khu phố đông người da đen tại châu-thành New York, đã tuyên-bố :

« Chúng ta có trước mặt chúng ta một chủ nghĩa Phát-xít đen phát triển rất mau. »

Chủ-nghĩa Phát-xít dựa trên nguyên-tắc kỳ-thị chủng-tộc.

Bọn Ku-khu-Klan là bọn kỳ-thị chủng-tộc cực-đoan của bọn da trắng thì giáo-phái của ông Muhammed cũng là bọn cực-đoan của người da đen.

Những cuộc tranh đấu đòi quyền sống bình đẳng với người

da trắng không phải là chủ-trương của ông Muhammed và giáo-phái của ông. Ông không cần sự bình đẳng đó. Ông chỉ cần sự đoàn kết nhứt trí của 25 triệu người da đen để đánh bại và tiêu diệt người da trắng dưới lá cờ của Hồi-giáo có ngói sao và vành trăng lưỡi liềm. Nếu thật sự phong-trào này đã bí mật liên lạc và được sự ủng-hộ của khối Ả-Rập của Nasser thì thật là một nguy-cơ trầm-trọng, một ung thư nằm ngay trong cơ-thể của Mỹ-quốc.

★

Chính ký-giả Alex Haley đã được phép tới dự một cuộc lễ ở ngôi đền thứ 7 tại Harlem vào một ngày chúa nhật. Ông thấy trước mặt ông có một tấm bảng đen lớn : một bên treo một lá cờ Mỹ với những hàng chữ : *Nô-lệ, Đau thương và chết chóc*, một bên treo một lá cờ Hồi-giáo với những hàng chữ : *Tự-do, Công-lý và Bình-dẳng*. Ở giữa có lời chú thích như sau : *Cái nào sẽ tồn tại sau cuộc chiến đấu ?*

Những người mới được kết nạp phải theo một chương trình học tập rất nặng nề. Họ được đả-thông tư-tưởng ráo-riết để gạt bỏ tất cả những tự-ti mặc-cảm đối với người da trắng và

đề đi tới chỗ tự-cao, tự-đại, tin tưởng rằng chủng-tộc họ là một chủng-tộc cao-đẳng, hơn người da trắng về đủ mọi phương diện. Họ còn phải học giáo-lý của đạo Hồi và thành-khần cầu-nguyện Allah là Thượng-đế của người Hồi. Allah sẽ giúp cho chọn-lý thắng lợi. Allah sẽ dạy cho họ thành-thật trong tất cả mọi trường hợp. Họ phải sạch-sẽ trong tư tưởng cũng như ở thể chất. Họ phải thương yêu anh chị em cùng một tín-ngưỡng. Họ phải tốt với tất cả mọi người. Họ không được giết một ai trừ khi Allah bảo họ giết. Họ không tôn thờ một thần linh nào ngoài Allah. Họ chỉ sợ có một mình Allah. Họ không được đánh ai nhưng họ có quyền tự-vệ.

Ông Muhammed cho rằng chủng-tộc da đen cũng có những nhược điểm nhưng phải khắc phục tận gốc những nhược điểm đó là tuyệt đối cử rượu, cờ thuốc, cờ ma-túy, bỏ tạt chửi thề, cờ bạc và khiêu vũ. Đàn bà theo đạo không được dãi phần, thoa son và chỉ được phép tiếp xúc riêng với một người đàn ông duy nhất là chồng mình.

Nhiều người lấy làm kinh ngạc khi thấy sau một thời gian thụ huấn những người tín đồ

của giáo phái này đã thay đổi một cách rõ rệt. Trước kia họ lêu lổng, ngang tàng có nhiều thành tích bất hảo thì sau đó không bao lâu họ đã trở thành những con người lành mạnh, đúng đắn, gương mẫu như đã được đòi xác, thay hồn.

Ngoài ra còn có những lớp huấn luyện vệ sinh cơ thể như : thể-dục, huấn luyện quân sự và nhu đạo. Trong đám sanh-viên từ 18 tới 30 tuổi có một số ưu-tú được tuyển-lựa để thành lập một đạo thanh-niên xung-phong gọi là « Trái cây của Hồi-giáo ». Những trái cây này là những cận-vệ thân-tín của giáo-chủ Muhammed.

★

Elijad Muhammed sanh năm 1897 tại Sandersville ở Tiểu-bang Georgie. Ông là con một vị mục-sư giáo-phái Baptiste, được rửa tội với tên Elijad Poole. Năm 1931 ông ra ở Detroit và được gặp một người tên là Fard Muhammed.

Theo ông thì người đó chính là hiện-thân của Allah sanh ở La Mecque và qua Mỹ với mục-đích duy nhất là thành-lập một tôn giáo cho những người gọi là da đen. Fard Muhammed đã thấy ở Elijad Poole những tư-cách xứng-đáng cho một đệ-tử

nên đã truyền-giáo cho ông. Từ đó Elijad Poole đổi thành Elijad Muhammed, đã tích-cực truyền giáo một cách hăng say và đã gây được những cơ-sở đồ-sộ như đã nói ở trên.

Elijad có lần bị bắt vì ông đã diễn thuyết ở Chicago khuyên người da đen đừng thêm đánh giặc mướn cho bọn da trắng. Ra Tòa người ta nhìn nhận ông không phạm tội phiến nghịch nhưng ông đã phạm tội xúi giục cho người dân bất tuân lệnh chánh-phủ. Ông bị kết án 3 năm tù và bị giam ở đề-lao liên-bang tại Milan (Michigan).

Năm 1946, ông mãn tù, lại tiếp tục hoạt-động để phát triển giáo-phái của ông. Ông có 6 người con trai và một người rề đều là những cán-bộ cao-cấp trong ban tham-mưu của ông.

Cơ-quan Mật-vụ Mỹ đặc-biệt lưu-ý và theo dõi những hoạt-động của ông và của giáo-phái.

Nhưng họ cũng phải nhìn nhận rằng ông là người da đen có uy-tín và thế-lực nhứt ở Mỹ quốc.

Đã có lần cảnh-sát bắt một người da đen và liền sau đó có 2 ngàn người da đen biểu tình trước bót. Lực-lượng an-ninh không dám can thiệp vì sợ có những va chạm đổ máu. Họ

MỘT NGƯỜI DA ĐEN

liền kêu điện-thoại nhờ ông Elijad tới giải tán giùm đám biểu tình. Ông không thèm đi và sai một người thân tín của ông đi thế. Người này chỉ nói vài câu là dân biểu-tình tự-động giải tán liền. Ông Elijad Muhammed đã nói với ký giả Alex Haley là cơ quan mật-vụ làm khó dễ ông đủ thứ nhưng ông không sợ vì, như ông nói :

— Tôi có tất cả những gì mà tôi cần : *Tôi có chơn-lý.*

★

Ông Elijad Muhammed nói đúng : *Ông có chơn-lý.* Vì sự thật phũ phàng đã đưa chơn-lý về phía ông. Mặc dù được hiến-pháp và pháp-luật đảm-bảo, mặc dầu chánh phủ liên-bang vẫn chủ-trương chánh-sách hòa-hợp chủng-tộc, mặc dầu Tổng-thống Kennedy và em ông là Bộ-trưởng Tư-pháp đều là những nhà lãnh-đạo sáng suốt, người da đen vẫn thấy mình chịu đựng cảnh *nô-lệ, đau thương* và *chết chóc.*

Chịu sự lãnh đạo của ông Elijad Muhammed họ cảm thấy có *tự-do, công-lý* và *bình đẳng.*

Họ đặt tin tưởng vào Thượng Đế Allah, chịu sự xây-dựng của giáo-phái, biến thành những người lành mạnh, anh-dũng và hiên ngang. Bọn kỳ-thị chủng-

tộc da trắng càng ngoan-cố thì càng làm cho người da đen thêm kiên-quyết và đoàn-kết lại với nhau để tranh đấu. Chính những người tin tưởng ở chánh sách hòa hợp dân-tộc, đã thật tình hợp-tác với người da trắng và đã chiếm được những địa vị khả-quan cũng cảm thấy lương-tâm cắn rứt như trường hợp của ông nghị da đen Clayton Powel như đã nói ở trên.

Những người trí thức tiến bộ đều không tán thành thuyết chủng-tộc và chủ nghĩa phát-xít trong giáo phái của ông Muhammed. Họ lại càng ghê sợ sự va chạm giữa hai thuyết chủng-tộc trắng, đen. Ở Hoa-kỳ chỉ mới có 25 triệu người da đen nhưng họ đẻ nhiều hơn người da trắng và họ còn có sự hậu thuẫn của tất cả những người da màu trên thế-giới.

Hiện nay, hơn loại đương tiến theo chiều hướng đại-đồng mà còn duy trì hai chủ nghĩa kỳ-thị chủng-tộc chống đối nhau trong một nước thì thật là nguy hiểm và thâm đậm vô cùng.

Chính vì thế mà ông Robert Kennedy đã phải thốt ra những lời chua-chát sau sự thành công của phi hành gia Cordon Cooper bay một hơi 22 vòng trái đất.

● ★

ngậm ngùi

*Mùa hoa bỗng phai tàn,
Mưa chiều nay nức nở
Ôi thời gian ngắn ngủi
Ngày cuối cùng ư anh!*

*Em không từ đâu đến
Em không về từ đâu
Hồn em là lẽ giáo
Tình em bến mộng sầu*

*Ôi ngày hoa tàn tạ
Em về đây nhé anh
Với cuộc đời khép ngỏ
Với buồng rèm nôi xinh*

★ PHƯƠNG-DUYÊN
(Saigon)

gần tối

*Ngày đi bằng gót hài nhưng
thắm
Mấy giọt men chiều vương lụy
tre
Nương cánh chim tung từ vạn
đậm
Hoàng hôn-lặng lẽ bước chân
về,*

*Mấy khóm mây buồn qua trước
ngõ
Ngập ngừng đứng lại đón mừng
trắng
Hoa lái bèn lên đôi cành nở
Nhè nhẹ sương mờ khắp nẻo
giăng...*

*Gió cười hây hây vờn hoa lá
N hư muốn truyền xa những sợi
hương
Ngọn cỏ chờ sương mừng phấp-
phới
N hư em gái nhỏ đợi người
thương!*

*Vang vang trong gió lời ru trẻ
Từ cao đội xuống nhạc mơ trắng
Tấu thành bản hát tình mới mẽ
Tình người mẹ trẻ đẹp như
trăng.*

★ LINH-LAN LÊ-LIÊN-HOÀ

☆ Minh-Đức
(Paris)

Paris

Trước khi viết « Bức thư Paris » này, Minh-Đức có đến thăm giáo sư Nguyễn-văn-Côn. Và anh Nguyễn-Vỹ, cũng đã dặn như thế.

Nói anh Nguyễn-văn-Côn « bành » có lẽ không đúng, mà nói « yểu » thì đúng hơn. Theo anh, thì các bác-sĩ nói chỉ cần nghỉ-ngơi và tắm bồn là tốt hơn hết.

Ngành giáo huấn là một ngành khó nhọc, lại thêm anh Côn đang to viết một quyển sách « Thơ Phương-Đông », nên đã cố gắng quá nhiều. Nay bớt làm việc và lĩnh dưỡng thì chắc anh sẽ mau bình phục, và sẽ tiếp tục Bức thư Paris.

Paris ngày 11 tháng 6 năm 1963

BẠN thân mến,

Tôi kể gì cho bạn nghe, mặc dầu một số đồng các bạn chưa bao giờ đặt chân đến Paris nhưng chắc bạn đã biết quá nhiều về Paris vì đã có bao nhiêu sách báo, phim ảnh, bao nhiêu người đi về đã từng kể lại. Tôi gặp bạn hôm nay quá muộn màng, nói gì với nhau nhỉ? Hay là bạn chịu khó nghe một

mẫu chuyện tâm tình xảy ra ở Paris vậy nhé.

Nhưng trước khi kể chuyện tôi muốn hỏi bạn có biết phi trường Orly không hở bạn. Hẳn bạn đã biết qua bao nhiêu hình ảnh. Đây tôi không nói với bạn về vấn đề kiến trúc, kỹ thuật vì bạn đã nghe, đã đọc nhiều quá. Tôi chỉ nói đến hai con vịt người ta nuôi ở đấy, hai con vịt màu nâu có đôi cánh bết. Nuôi ở ngay phi trường,

có ánh đèn nóng giả vờ ánh mặt trời, có giòng nước chảy róc rách giả vờ tiếng suối, có cây cỏ, có đất sỏi, có thức ăn đầy đủ.

Ai biết được đôi vịt ấy nghĩ những gì, mỗi ngày có hằng trăm hằng nghìn người đi ngang dừng chân lại ngắm. Hẳn cũng có người ao ước được ở địa vị đôi vịt ấy, còn gì sướng hơn được sống một cuộc sống nhơn nhơ vô tư.

Trong khung cảnh hoàn toàn nhân tạo, hoa chăm cỏ xén ấy chỉ có đôi vịt là không giả tạo. Loài người lợi dụng nhau chưa đủ, còn đi lợi dụng cả súc vật cỏ cây, cả đến những đôi vịt ngây thơ kia. Nhưng thư này không phải tôi chỉ kể chuyện đôi vịt ấy đâu. Orly còn có một sự lưu luyến nữa là giọng nói của cô chiêu đãi viên nào đó, giọng nói trầm trầm thoảng một chút nghẹn ngào, một chút nức nở, giọng nói báo giờ máy bay cất cánh mà cũng dễ báo giờ chia ly khổ sở của những ai thương yêu nhau.

Bạn có bao giờ đến một sân bay, sân ga, hoặc bến tàu nào để chứng kiến những phút chia ly không? Đồi có mấy nơi mà loài người để lại nhiều nước mắt nhất là sân bay, bến tàu,

bãi tha ma và cửa nhà tù, có phải không bạn.

Bạn không tin sao, hãy đến một lần xem thử, nhưng tôi đã hứa rằng thư này viết cho bạn để kể bạn nghe một chuyện tâm tình cơ mà, chẳng có gì đâu bạn ạ. Chuyện rằng có hai anh em thằng bé ấy quê ở Việt-Nam, khi trong nước xảy ra loạn lạc, bố mẹ sợ mất con nên vội vàng cũng bắt chước người ta gửi con sang Pháp.

Nhưng gửi con sang Pháp mà không đủ tiền gửi cho chúng nó là một cái tội, mà tội hơn nữa là những đứa bé ấy chưa bao giờ biết rõ cuộc đời. Muốn về cũng không có tiền chúng nó đành phải sống lây lất, thằng anh bỏ học để cho thằng em có thể tiếp tục học nốt trong lúc thằng anh đi kiếm việc làm, từ làm thư ký, đứng bán hàng cho đến nhận đánh máy tư, giữ con, rửa bát. Có những lúc quá khổ, thằng anh ra sông Seine đứng nhìn giòng nước và chỉ muốn hộ nhưng còn thằng em? Liệu em có đủ can đảm theo mình hay bỏ học kéo một cuộc sống lang thang để rồi không đi đến đâu cả. Nghĩ đến em, thằng anh đành cúi đầu đi trở về.

Cuối cùng, không kiếm được việc, hai anh em phải đưa nhau đi hát dạo. Nếu Phật có lần dạy rằng giàu hay nghèo con người cũng nên đi khắp thực một độ để cảm thấy rõ sự nhọc nhằn tận cùng lúc đưa bát nhận thức ăn của người khác. Phật dạy như thế có lẽ vì Phật đã hiểu quá nhiều về tâm lý của kẻ nhận và kẻ cho...

Anh em chúng nó không đi khắp thực mà đi hát dạo thì cũng thế. Anh hát, em đưa đĩa đi xin tiền, khổ tâm biết mấy khi nhìn người ăn uống những món cầu kỳ, mặc những chiếc áo đắt tiền sang trọng nhưng lúc phải bỏ vài chục quan vào đĩa thì họ ngáp ngừng tiếc rẻ... Họ muốn làm những việc khác oai vang hơn.

Hai anh em vẫn hỏi nhau trong việc làm này đứa nào khổ hơn, đứa đứng hát khi bụng đang đói, nghe giọng mình qua tiếng cốc tách bát đĩa chạm nhau, tiếng nói chuyện âm ỉ của những kẻ thừa thãi, hay đứa mang đĩa đi xin tiền chúng kiến những nét mặt « đóng cửa » lạnh lùng khi phải miễn cưỡng bỏ vào đĩa vài chục quan. Đứa nào khổ hơn, chưa kể có những nơi vừa vào đã bị xua đuổi vì chủ hàng sợ buồn lòng khách.

Đề an ủi chúng nó thường đọc lên một câu của Dante : « Quel goût amer a le pain d'autrui, et quel dur chemin, l'escalier des grands ». Đâu có phải mình anh em chúng nó mới biết rằng cơm người khó nuốt...

Thế rồi thời gian qua chúng nó khôn lớn dần, thằng em học xong, cầm trong tay tấm giấy cấp và người ta hằng quý trọng, tôn-kính...

Nhưng mảnh bằng đã làm cách biệt anh em chúng nó, mảnh bằng mà chúng nó đã cố sức giúp nhau giắt cho được...

Thế rồi một buổi sáng trời mờ sương, thằng em lên đường về xứ thằng anh ở lại. Trên sân Orly tiếng máy bay lên xuống không ngừng hòa trong giọng nói của cô chiêu đãi viên trầm trầm, nghẹn ngào, thồn thức.

Thằng anh chạy hết đầu này đến đầu kia để xem chiếc máy bay nào đã mang em nó đi, mãi không biết, vì có những mấy chiếc máy bay cùng một hiệu đang đỗ rải rác và cũng đang sửa soạn lên đường. Khi tìm biết được thì đoàn hành khách đã vào cả trong lòng máy bay rồi, nhìn qua mấy chục cái vòng tròn thằng anh chỉ ước giá đôi

mắt mình chọc thủng được lớp kính dày ấy, trong máy bay thẳng em có cùng một ý muốn như thế chẳng ?

Máy bay cất cánh, thằng anh nhìn đuôi theo, qua lớp sương mù và qua giòng nước mắt của mình.

Hẳn bạn cũng như tôi muốn biết rằng thằng anh ấy đã nghĩ gì. Nó nghĩ rằng : « Lạy trời cho em nó đừng bắt chước những người khác, cầm mảnh bằng trong tay mà coi rẻ những kẻ không có bằng cấp, mà quên những giờ phút cực khổ ở Paris, mà quên câu nói của Dante. Đừng giống như đôi vịt ở Orly: bằng lòng với cuộc sống hoa chăm cỏ xén đó mà ngỡ rằng đã đạt được mục đích ở đời.

Bạn thân mến, thư tôi chắc không làm cho bạn vui lòng chút



CẢM ƠN BẠN ĐỌC

Tòa-soạn tạp-chí Phở-Thông có chuyen qua cho tôi những bức thư của bạn đọc đã có lòng tốt hỏi thăm sức khỏe của tôi.

Tôi xin thành thật cảm ơn tất cả các bạn và chả biết lấy gì đền đáp trong lúc xa quê hương, chỉ mong có ngày tái ngộ. Thân-mến chào các bạn.

NGUYỄN-VĂN-CỒN

Ministère de l'Éducation Nationale
110, rue de Grenelle Paris VII^e

CELSO AL CARUNUNGAN

một nhà văn
nổi tiếng đương
thời của

PHILIPPINES

★ Phùng-lê-Anh
(Manille)



CELSO Al Carunungan là một trong nhóm nhà văn nổi tiếng nhất hiện nay ở Philippines. Tác phẩm của ông bán chạy nhất trong các văn phẩm khác được xuất bản vì nó phản ánh đời sống dân tộc « Philippines ». Hiện nay người ta thấy hàng tuần các tờ tuần báo xuất bản bằng 4 thứ thổ ngữ chính đều có bài của ông. Văn phẩm ông viết là CHUYỆN NGẮN, XÃ-LUẬN, PHÓNG SỰ, THƠ và cả TIỂU THUYẾT nữa.

Tác phẩm có tính cách chính trị làm ông nổi tiếng là « *MAN OF GRAFT* » và « *FLOOD OF CORRUPTION* ». Những tác phẩm này đều đã được in ra Anh-ngữ cùng hai thổ ngữ chính của Phi-luật-Tân là « *VISAYAN* » và « *ILOCANO* ». Vì hai tác phẩm của ông mà một cuộc bút chiến đã xảy ra rất gay cấn trong làng văn tại « Manila » hồi năm ngoái. Văn phẩm « *LIKE A BIG BRAVE MAN* » (Hành-động như kẻ to

gan) — đã được xuất bản tại Mỹ-Quốc, Gia-nã-Đại và Anh-Quốc. Ngoài ra, ông còn nhiều văn-phẩm khác được dịch ra tiếng Thụy-sĩ, tiếng Trung-Hoa, tiếng Nhật, Đan-mạch... v.v... Một hãng vô tuyến truyền thanh tại Copenhagen đã cho trình diễn một vở kịch dựa trên tác phẩm nhan đề : « *END OF NIGHT* » — Đêm tàn — của ông ở rạp « *CARNEGIE HALL* » NEW YORK. Vở này đã được trực tiếp truyền thanh qua 90 đài phát thanh tại Mỹ-Châu.

Người ta cũng thấy văn phẩm dưới hình thức truyện ngắn của Celso Al CARUNUNGAN xuất hiện trong văn tập hoặc thi tập, đôi khi trong các sách báo Hoa-Kỳ. Ông vừa ký hợp đồng với hãng « Mac Millan » của Hoa-Kỳ để đóng góp tác phẩm ông vào hai cuốn « *VĂN-CHƯƠNG THẾ GIỚI* » do hãng này xuất bản. Cuốn chuyện phim nhan đề : « *BIYAYA NG LUPA* » — Quà của trời cho — của ông cũng đã chiếm nhiều giải tại Manila, Tokyo, và Berlin. Vì thế tên tuổi ông đã được nhắc nhở tại Mỹ qua tờ « *The best foreign authors Roll of Honor in America* ». Ông đã chiếm nhiều giải văn nghệ từ khi còn ở tại Hoa-Kỳ. Khi gặp ông, tôi ngạc nhiên

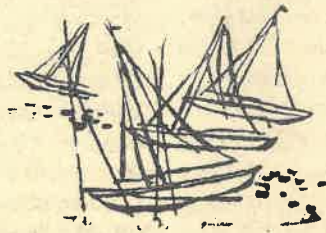
vì ông quá vui tính, đáng nhớ nhần ; tại tòa soạn tờ « *LIWAY-WAY* » ông kể cho tôi nghe lúc còn theo học, ông rất thích văn thơ, vì thế ngay từ lúc tiểu học ông đã ham đọc văn chương thi cú và tập tễnh viết văn. Ông đòi theo học nghề làm báo khi học hết chương trình trung học nhưng phụ thân ông không cho. Bắt ông theo học nghề Kiến-trúc-sư, nhưng khi theo được hai năm ông phải bỏ vì không hứng. Ông trở lại học nghề viết báo tại University of Santo Tomas (U.S.T) và xuất dương đi Hoa-Kỳ trước khi ra trường. Sang Mỹ ông theo học tại Colombo University, rồi bắt đầu viết văn phẩm bằng thổ ngữ TAGALOG (thổ ngữ chính của Philippines). Ông ở Mỹ tám năm và làm tại Chính Quyền Hoa-Kỳ với danh hiệu kẻ có kinh nghiệm về thổ ngữ « TAGALOG ». Ông cũng là nhân viên thông tin của hãng MGM, hãng RKO Pathe, ông đã đại diện dân tộc tính của Philippines để trình diễn nhiều khúc vũ dân tộc trên các đài vô tuyến Hoa-Kỳ cùng thuyết trình về dân tộc ông tại Hiệp chủng Mỹ-Quốc.

Ông cũng viết chung nhiều truyện tiểu thuyết dài với các nhà văn khác như văn phẩm tiểu

thuyết « *Awit ng Dagat* » — Bài Ca Biên Cá — « *Alahas ng Birhen* » kho châu báu của Bà Virgin Macy — và « *Kambal na Kapalaran* » Hai điều Phúc — đăng trong các tờ tuần báo **ALIWAN, LIWAYWAY** và **GRAPHIC** của Philippines. Độc giả Philippines thích văn phẩm của ông vì thế các truyện ngắn viết bằng TAGALOG luôn luôn được phiên dịch ra các thổ ngữ khác tại Philippines và thường được đăng hàng tuần trong các tờ tuần báo bán chạy nhất ở Manila.

Hiện ông Celso Al CARUNGAN đã có gia đình và ba con và là Chủ-tịch Hội Quốc-

Sử Phi-luật-Tân. (Philippine historical Committee) Ông cũng còn giữ quyền Tổng-giám-Đốc Hội Báo-Chí Quốc-tế (Manila Oversea Press Club) Ngoài ra ông còn là nhân viên của Hội Cờ-động sản xuất thực phẩm. Chủ tịch hội Phi Mỹ thân thiện, Chủ bút tờ tuần báo « *Liwayway* » và « *Graphic* » tại Manila. Tại Philippines người ta không những biết ông qua văn phẩm mà còn thấy mặt ông tại đài vô tuyến số 10 mỗi tuần vào ngày chủ nhật trong mục « Văn-hóa đặc-biệt ». Ông quả là một văn hào hữu danh đương thời của Philippines.



★ « LON » SỮA BÒ

A khoe với B:

— Ba tao làm « đội », ba tao có cái « lon » trắng đẹp lắm.

B: — Ba tao không làm đội mà ba tao cũng có lon vậy.

A: — Lon gì? Ra sao?

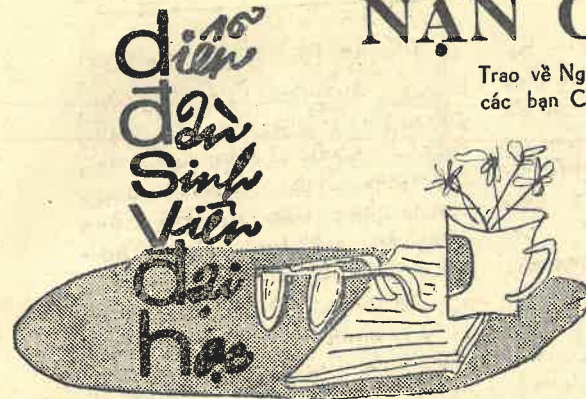
B: — Lon sữa bò, màu trắng, tròn.

— ! ! ! ? !

NGUYỄN-SANH-LỐT

NẠN CAO-BỒI

Trao về Nguyệt—Bích—Đài—Trang và các bạn Cựu-xá Nữ-sinh-viên — Saigon



★ VŨ-ÁI-NGA
(Nữ-sinh-viên Khoa-học Đại-học — Saigon)

Ngọc-Bích thân,

T RỜI nóng quá! Không một ngọn gió. Tất cả nóng nực, rurut như bao trùm Nga. Ngột-ngạt quá Bích ạ.

Bích còn nhớ, cách đây chừng hai tháng. Buổi tối hôm đó, Nga và Lan đang say mê theo những công-thức hóa-học, thành linh tẩm màn cửa sổ trước bàn rung động, một bộ mặt xanh-xao hiện ra. Nga giật mình ngó sờ-sững. Lan lên tiếng: « Ông hỏi gì? » Bích biết ông ta trả lời sao không? Thật Nga không ngờ, một câu quá thô-bỉ! Như một gáo nước lạnh tạt vào mặt, cả một thế-giới đạo-đức sụp-đổ. Nga hét lên: « đừng nói nữa! Cao-bồi! » Lan kéo Nga chạy ra đầu phòng. Câu nói còn văng vẳng theo sau, Nga kêu ầm. Các chị chạy ra: « Có thể mà sợ, tưởng chuyện gì! » Nga đang tức càng tức thêm, nước

mắt được dịp tuôn trào, Lan cũng khóc âm ức, Thùy ở dưới phòng học chạy lên: « Đừng thêm sợ, nó mới nói, không sao, chứ đạo nọ nó vừa nói vừa « biểu-diễn » (1) nữa kia! »

Và mới đây nữa Bích ơi, Trang viết thư cho biết, chắc cho rằng nghĩ hè vắng vẻ nên nó vào ngay giữa trưa!

Không những ở chỗ mình, mà các lưu-xá nữ-sinh khác cũng có những vụ như thế. Có chị còn gặp nó ở các quảng đường hơi vắng nữa. Không biết ở đâu mà xuất-hiện lắm « quái-thai thời-đại thế! »

Sao lại có hạng người như thế Bích nhỉ? Nga kinh-tởm quá! Có phải chẳng bạn gái chúng mình ăn mặc hoặc có những cử-chỉ không đẹp mà họ có thể coi khinh? Hay tại

(1) thoát-y.



phim ảnh? Nên giáo-dục gia-đình? Hay tại họ sống không lý-tưởng, không tin-ngưỡng để đưa đời mình vào một hướng đi đẹp đẽ, mà chỉ hành động nhất thời để thỏa-mãn nhục-dục?

Họ có biết đâu rằng, trong lúc họ lang thang trong các phố, nghêu-ngao những bài hát ủy-

mị, luân-quần các cư-xá nữ-sinh, thì các bậc đàn anh họ, hay có thể là bạn họ hoặc em họ đang hăng say ngoài chiến trường, đang vùi mình vào những chồng sách cao ngất, hay đang bôn-ba nơi hải-ngoại tìm tòi những điều hay lạ để về mở mang xứ sở hầu mang lại cho dân tộc một cuộc sống tươi-đẹp thanh bình.

Họ không có niềm-sí, không biết cái nhục của người dân nước chậm tiến, không có khí phách của một người trai nước Nam, chỉ phó mặc cho thú tính sai khiến. Họ không đáng chiếm một chỗ đứng dưới bóng mặt trời!

Bích ơi, bao giờ chúng mình được thấy các thanh niên đều hăng hái như «Tuấn, chàng trai nước Việt» nhỉ? Có lẽ lúc đó nước mình sẽ «nhanh tiến».

Bích ơi, Nga đã quá yếu-hèn, đáng lý ra, hôm đó Nga không được tức mà phải bình-tĩnh trước lời nói ấy, can-đảm khuyên-nhủ họ khéo-léo, khuyên-nhủ một người anh lầm đường lạc-lối. Có như thế thì mới mong cải-hóa được họ. Chứ nóng nảy, la hét, không mang lại kết quả nào cả mà trái lại làm cho họ liều lĩnh, bất-mãn thêm vì cảm thấy mình bị hắt-hủi như một con chiên ghê. Bích có thấy thế không? Tình thương sẽ thắng mọi sự.

Chúng ta phải chịu khó nhẫn nhục thì mới mong đem đến cho thế-hệ sau ta những điều tốt đẹp

được. Chúng ta phải làm sao để đến khi chúng ta vào đời, thì đoàn em ta không còn mang những bộ mặt ưu-tu, buồn rầu, chán nản, mà trái lại chúng nó sẽ hồn nhiên, vui vẻ và hăng-

hái nhận lãnh nhiệm-vụ của một kẻ làm trai, làm người.

Xin ơn trên ban cho chúng ta nhiều can-đảm, kiên-nhẫn để thực hiện được lý-tưởng.



NHỮNG
• ÔNG

★ H. L. T.

(Sinh-viên Dược-Khoa, năm thứ 2)

• GIÀ

CỦA THỜI-ĐẠI

TRỜI bắt đầu mưa, trận mưa đầu mùa, gió mỗi lúc càng thời mạnh, mưa mỗi lúc mỗi to, hình như muốn trút tất cả nước dành dựm trong mấy tháng nắng. Quán rượu «Lệ-Hoa» chiều

nay vắng khách. Máy cô chiêu đãi viên tụt lại nơi quày rượu tán chuyện đời.

— Mưa mãi thế này thì cộn làm ăn gì được — Bà chủ quán vừa than vừa cầm thỏi son thoa

vào đời mới. Hình như thấy cậu nói của mình không được ai để ý, bà bực mình và trút cái bực mình trên đầu các cô chiêu đãi.

— Ba giờ chiều rồi mà tụi bây chưa lo sửa soạn, còn con Dung nữa, tao cấm «mày» kêu «mày tao» — Rồi chợt nhìn thấy Hoài ngồi thu mình ở góc quán bà nói tiếp:

— Ủa, cậu Hoài đến từ bao giờ? Dung vào coi cậu Hoài có cần gì thêm không. Tụi bây buồn bán không lo buồn bán, cứ lo tán đốc.

— Khui chai nữa nghe anh? Dung hỏi.

— Ừ, cô cho tôi chai 33 nữa «súc miệng» chơi.

Dung quay đi hơi mỉm cười vì tiếng «súc miệng» mà Hoài dùng. Dung trở lại với một chai 33 trào bọt.

— Có mua dùm tôi 3 đồng Ruby.

— Sao chiều nay nghèo thế? Dung hỏi.

— Ở hay cưới tháng cơ mà. Dung không trả lời, lẳng lẳng quay đi. Một lát sau Dung trở vào với 4 điếu thuốc trên tay:

— Đề em mời thuốc cho anh nhé.

— Trời mưa lạnh hút một

điếu cho ấm đi em.

— À, còn mấy anh kia đâu rồi, mấy anh thường đến đây với anh ấy mà.

Câu hỏi của Dung làm Hoài cảm thấy buồn, cuốn Phê-Thông Dung cầm nơi tay vô tình lại mở ra đúng vào bài «Tiếng nói gái và trai thế hệ» — Không trả lời câu Dung hỏi, Hoài lơ đãng nhìn ra bên ngoài, một cánh chim bạt gió từ xa bay lại, nó cố đậu vào một cành cây nhưng vô ích, gió vẫn cứ cuốn nó đi, nó cố đập cánh rồi cũng đành buông trôi theo sức mạnh của cuồng phong. Chắc có lẽ nó mang ý định sẽ đậu vào một cây khác. Hoài nhủ thầm chả biết nó có đậu được ở cành cây sắp tới hay không, hay cứ mãi bị cuốn trôi từ cành này sang cành khác, tội nghiệp nó quá. Rồi Hoài buột miệng: «Nhưng mà nó đâu muốn thế». Dung ngơ ngác: «Anh bảo gì cơ?» — Hoài mỉm cười không trả lời, trĩ óc chàng quay trở lại buổi chiều hôm ấy, buổi chiều mà Hoài đưa mấy thằng bạn học đi du-học Canada — Đã sáu tháng qua rồi nhưng Hoài không thể nào quên được — Hoài còn nhớ câu nói cuối cùng mà Hoài nói với chúng nó qua màng lệ:

— Thôi tụi mày đi nhé, ráng

mà học nghe các ông kỹ-sư tương-lai. Còn tao thì cứ để mặc tao, tao già lắm rồi, 20 tuổi rồi còn gì.

— Hút với tụi tao điếu thuốc cuối cùng, Quang nói. Chúng tao sẽ viết thư cho mày, lúc nào chúng mình cũng vẫn là bạn.

Hoài, Thanh, Quang, Quý, Dũng đều học cùng một lớp ở Chu-vấn-An. Cả năm đều đậu Bac II cùng một khóa. Hoài và Thanh thì đã 20 tuổi, còn Quang, Dũng, Quý thì mới 18 xuân xanh. Đậu xong họ vội vã chạy lo giấy tờ để xin du-học. Vì đó là mộng của họ lúc còn mài đũa quần ở ghế nhà trường, ở các quán rượu, piscine. Thế rồi kết quả Quang, Quý và Dũng được đi, còn Hoài và Thanh thì ậm hận. Hoài còn nhớ câu trả lời của người phụ trách giấy tờ du-học:

— Hai cậu sinh 1942 đi thế nào được. Hoài và Thanh đồng hỏi: «Sao thế hở ông?» Ông thư-ký nhíu chân mày trả lời với giọng «văn hoa»: — Vì bị chi phối bởi sắc-lĩnh mới của Bộ Quốc-phòng.

Hôm ấy hai đứa buồn bã kéo nhau đi uống say «can hồng nôi». Tối hôm ấy Hoài phải đi Thanh về gác trọ. Hai đứa không ngủ, hút thuốc nói chuyện suốt đêm. Hoài còn nhớ câu nói của Thanh trước khi chia tay: «—Chúng mình già lắm rồi,

20 tuổi rồi còn gì, phải hy-sinh cho chúng nó chứ». Thế rồi Thanh bật tin tức hơn ba tháng. Vào một buổi chiều thứ bảy Thanh tìm đến Hoài với cặp «anpha» trên vai. Thanh đã tìm được một hướng đi. Còn Hoài vẫn là cánh chim bạt gió, vẫn la-cà ở các quán rượu, vẫn sống bám vào gia đình. Sống cuộc đời của một kẻ nửa trí thức, nửa ăn chơi. Câu nói của Trâm; người yêu của Hoài, lại vang đến: «Ba năm nữa anh ra trường, chúng mình sẽ xin ba má làm lễ cưới anh nhé» — Hoài lăm bằm: «Hừ ra trường, còn hơn tuần nữa thi lên 2è Année mà hôm nay còn ngồi đây». Nhớ đến Châu, bác-sĩ đã ra trường vẫn thường găm ghé Trâm, Hoài tự nhủ: «Mình không quyền làm khổ Trâm, mình già lắm rồi».

Ba tháng sau, một đám cưới thật lớn diễn ra, đám cưới của Châu và Trâm. Xe hoa chở Trâm đi xa rồi nhưng bên ngõ hẻm tối tăm, Hoài vẫn cố nhìn theo, nụ cười mãn nguyện trên môi, một màng lệ mỏng phủ trên đôi mắt, và một nỗi đau khổ xâu xé con tim. Mưa lại bắt đầu rơi, Hoài lăm lúi đi trong đêm tối, miệng khe hát: «Chiều nay có một người ngơ ngác đi tìm...»

Điếu thuốc trên môi đã tắt tự bao giờ.



Tuần DÂN CHÚNG LỊCH SỬ XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT 1910-1960

★ Nguyễn-Vũ

(Tiếp theo P.T. 105)

RÁP hát cải-lương được dựng ngay trước Công-quán, đề cho dân chúng được đến coi đông đảo và không trả tiền.

Giấy ghé danh dự của khán đài đề dành cho Quan Sứ và bà Đàm, quan Phó Sứ, bà Đàm Phó Sứ, ông « *Đĩa-réc-tua* » (góa vợ và sói đầu), ông « *Cổ-Đạo* » nhà Thờ, quan Giám-binh, một vài ông Tây bự khác, và một ông quan An-nam, Tổng-đốc Bình-Định.

Hàng ghế thứ hai đề cho các quan Tây và các bà Đàm khác. Tội nghiệp cho hai ông quan An-nam, là quan Bỏ-chánh và quan Lãnh-binh, oai vệ với chiếc thẻ ngà tồn ten trước ngực, lại bị sắp ngồi nơi hàng ghế thứ

ba, chung với ông quan Một Tây Xếp Ngục (Nhà-lao), mấy ông Tây nhỏ và mấy ông Giáo-sư Pháp, v.v...

Trò Tuần quen tánh tò-mò con nít, tuy không có phận-sự gì trong rạp hát cải lương nhưng cũng len lỏi cho được vào hậu trường sân-khẩu đề « coi ». Trò thấy ông Đốc T. cùng mấy ông khác, mấy thầy Thông thầy Phán và vài cậu học trò lớn ở lớp đệ-tam niên, sửa soạn y phục cải-lương và phần son áo mao v.v. không kém gì các đào kép thật sự của một gánh hát cải lương thật sự. Không có cô nào bà nào chịu đóng tuồng, nên trò Hoàng ở đệ-nhị niên, phải cải trang giả con gái

đề đóng vai Công-Chúa. Theo chương trình viết bằng đủ thứ mực màu, trên một tờ giấy Croquis lớn, một nửa Pháp-ngữ, một nửa Quốc-ngữ, dán trước cổng Công-quán, thì tuồng cải lương bắt đầu mở màn lúc 9 giờ đêm. Đáng lẽ phải hát sớm hơn, nhưng theo lời ông Đốc T. nói thì phải đợi các quan Tây ăn bữa tối thường lệ lúc 8 giờ và đến 9 giờ các quan mới đi coi hát được.

Khán đài đã chật ních công-chúng An-nam từ lúc 8 giờ ngay sau khi coi rước đèn. Công chúng được ngồi khán đài toàn là các Thầy và vợ con gia đình các Thầy. Dân thành phố và học trò thì đứng chung quanh, vì sân Công-quán thật rộng, chứa được vài ngàn người.

Đám đông người chật-ém ấy đang nô nức đợi chờ, nói cười ầm ĩ, thì có ba tiếng trống và ba tiếng chuông đóng lên, báo tin quan Sứ và bà Đàm đến, Ông Đốc T. khấn đen áo dài trịnh trọng chạy ra đón rước, mời quan Tây và Bà Đàm ngồi hai ghế danh dự. Toàn thể khán giả đều đứng dậy.

Các quan kẻ tiếp đến đông đủ. Trên sân khấu cải lương, tấm

màn chưa mở. Hai giồng chữ lớn cắt trên giấy kim-nhũ rực rỡ màu vàng và dán trên tấm màn đỏ, nổi bật lên như sau đây :

Tuồng cải-lương Gia-Long Phục-quốc mừng Lễ Quốc-Khánh An-Nam

Khi các quan Tây an-tọa, một hồi chuông vang dậy rồi tấm màn từ từ được vén ra. Trên sân khấu, toàn thể quý ông quý thầy, y-phục đào kép cải lương, và độ hai chục đứa học-trò đứng sắp hàng hai bên, đồng thanh ca lên bài hát sau đây :

*Âu-Á xum vầy,
Mừng nay Âu-Á xum vầy :
Pháp Nam liên lạc một dây
vững bền.
Sực nhớ truyện còn truyền Sử-
ký,
Trước trăm năm từng bị gian-
nan.
Vua, tôi, lao khổ muôn vàn,
Nhân dân đồ thân giang san
tiêu điều.
Đức Thế-Tổ (1) trăm chiều
chống trời.*

(1) Vua Gia-Long.

Giốc một lòng đánh đuôi cường hung.

*Xiết bao kẻ nổi khốn cùng
Thế nguy lực tận hải hùng lẫm phen.*

*Lòng trời khéo xui nên gặp gỡ :
Bạn Lang-sa (2) giúp đỡ mọi dang.*

*Một tay khôi phục Nam-Bang :
Tam kỳ thống-nhất rõ ràng anh quân.*

Trên Mầu-quốc trăm phần mển phục

Ngoài lân bang càng nức tiếng khen

*Cơ đồ gầy dựng đã nên,
Bình thành công-đức lưu-truyền muôn năm.*

*Thầy Đại-Pháp nhất tâm khai hóa
Đạo làm dân tiến bước theo sau*

Non Nước một bầu

*Mừng nay non nước một bầu
Mồng 2 tháng Ngọ (3) cùng nhau nhớ ngày (4)*

Sau bài hát là đèn tường cải lương. Trò Tuấn không thích nghe tường, chỉ quanh quần nơi hậu trường để xem mấy ông mấy thầy thay đổi áo quần đào kép và vẽ mặt vẽ mày như hát bội.

Tuấn không dám chơi lâu, vào khoảng 11 giờ đã vội vàng chạy về vì nhà trọ của cậu ở

hơi xa, phải đi ngang qua cây vông « Bà-Đầm », nơi đây có một con Ma Đầm mà ai cũng sợ. Lại có một con Ma Chó cũng ở ngọn cây đa gốc vườn Tà-sứ, gần đấy.

Con Ma Đầm thì Tuấn chưa gặp lần nào, nhưng theo lời tất cả học trò trong trường thì nó ghê lắm. Nhiều đứa đã gặp, và đã bị nó chụp, sợ chạy hết hơi!

Cây vông đứng ngay trên lề đường. Tục truyền rằng hồi xưa có một cô Đầm chết chìm trên sông gần đó. Cô biến ra ma, cứ đêm tối trời hể có ai đi ngang qua đấy thì cô hiện ra thành một cô Đầm thật, trẻ đẹp lắm và đưa tay ra chào : *Bonsoir!* Đặng-văn-Chí, một anh học trò lớn quá

(2) Français : Pháp-lang-sa.

(3) Tháng Năm.

(4) Theo tài liệu của một bạn Độc-giả, ông Phạm-văn-Vinh, có nhã ý gởi cho chúng tôi, thì năm 1925, lúc bạn học lớp nhất ở trường Tiểu-học Sơn-Tây, Bắc-Kỳ, học trò cũng bị bắt học thuộc bài hát trên đây để hát trong ngày lễ Quốc-Khánh mồng 2 tháng 5 Ất-Sửu (1925). Bài hát này được gởi đi khắp các trường Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ, trong dịp lễ Quốc-Khánh lần đầu tiên ấy.

quyết rằng có lần anh đã gặp con Ma Đầm bắt tay anh và « bonsoir », đến khi anh ngó lại kỹ thì cái mặt trắng phết, mà không có mắt. Con Ma Đầm níu anh, anh hoảng hốt chạy té đi... trong quần.

Con Ma Chó ở trên ngọn cây đa gốc vườn ông Sứ, bên cây đa có cái miếu thờ một tên lính của Tây-Sơn hồi trước. Người lính Tây-Sơn (có nhiều ông già bảo là một vị tướng) bị giết tại đây trong một trận đánh xáp lá cà giữa hai quân đội Nguyễn-Ánh và Tây-Sơn. Không hiểu sao có nhiều xác chết mà chỉ xác người lính này là linh thiêng, và hóa ra ma. Lại là ma chó. Những đêm tối trời, người yếu bóng vía đi ngang qua đấy, thế nào cũng thấy một cái đầu chó từ trên ngọn cây đa rớt xuống đất, rồi lần lượt một khúc mình, hai cẳng trước, hai cẳng sau, sau cùng là cái đuôi. Những mảnh rời ấy tự nhiên chắp lại thành ra con chó đen, đứng sủa vang lên và vồ lấy người ta. Ai bị nó « cắn » là chết ngay.

Trò Tuấn chưa thấy con Ma chó và con ma Đầm lần nào,

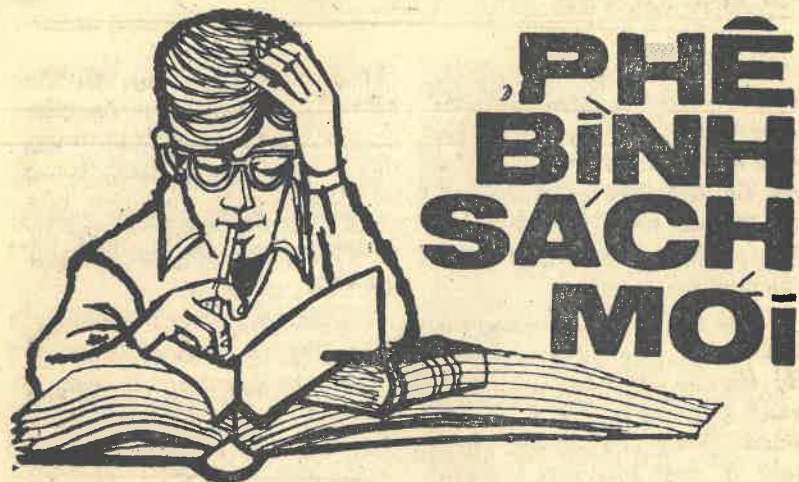
nhưng mỗi khi đi qua hai nơi ấy là trò nhắm mắt cầm đầu cầm cổ chạy một mạch, chạy khỏi vài trăm thước rồi mới dám đứng lại, quay ngó lại đằng sau xem có Ma đuôi theo không.

Tuấn nghĩ rằng nếu phải gặp ma, thì trò thích gặp con ma Đầm trẻ đẹp hơn là con Ma chó.

(còn nữa)



— Không phải thấy anh có bạc triệu mà em yêu anh tha-thiết đâu, nếu sau này anh còn nữa, triệu em cũng vẫn yêu anh như thường...



● **tâm sự
người đi biển**

● Tác-giả : HỮU-PHƯƠNG
Nhà Xuất-bản : THANH-TÂN — 1963
Tựa : MINH-HUY

★ *Thẩm - Thê - Hà* ★

TÂM SỰ NGƯỜI ĐI BIỂN là thi phẩm thứ hai của Hữu-Phương, nhà thơ của trùng-dương, của « LUỐNG BIỂN ». Trong một số Phê-Thông, khi phê bình tập thơ đầu của chàng, tôi có nêu lên một nhận xét : « Chàng là người yêu bề khơi,

nhưng thơ chàng lại làm cho người ta chán bề khơi ».

Trong tập thơ thứ hai này, ở bài *Lời tác giả*, thi sĩ Hữu-Phương đã trực tiếp bày tỏ ý kiến của mình về nhận xét trên : « Thực ra, tôi không dám mời mọc ai yêu biển vì tôi sợ mang

PHÊ BÌNH SÁCH MỚI

phải tội phỉnh gạt. Mười năm sống trong hải nghiệp, mỗi khi nghe bàn về biển, tôi không khỏi ngạc nhiên vì trăm người như một đều nhìn biển qua khía cạnh đẹp đẽ, thơ mộng, khiến trong lòng ai nấy nẩy sinh ước vọng phiêu bồng.

.. Tôi xin thú nhận : biển, cái không gian bao la ấy, không chỉ lúc nào cũng đẹp như bức tranh thủy mặc. Sự biến đổi nhanh chóng của nó cho tôi ý nghĩ về một tâm hồn cô-độc bất thường, khó hiểu... »

Qua lời mở đầu thận trọng và chân thành trên, nhà thơ thủy thủ đã xác nhận cái nhìn chủ quan đối với biển cả, nghĩa là chàng đã nhìn biển qua tâm hồn mình, và hơn nữa, chàng còn cho rằng : « biển chính là hồn mình ». Vì vậy, tâm sự Hữu - Phương chứa đầy mâu thuẫn :

*có những lúc tôi hồn mây
ghét bề.
mây vô tri và biển thăm vô biên
biết ngỏ cùng ai tâm sự nỗi niềm
nhưng hồn vẫn say tìm phương
vĩ đại*

(TÂM SỰ NGƯỜI ĐI BIỂN)

Lòng chàng ghét nhưng hồn chàng say ; con tim chàng có những cảm xúc riêng mà hồn

chàng thì đã hòa đồng với hồn biển. Chỉ những tâm hồn giản dị, mộc mạc mới có tâm trạng một chiều. Sự mâu thuẫn trong tâm lý chứng tỏ một tâm hồn phong phú tình cảm và suy tư và mới đánh dấu được sự vượt lên trong tâm giới.

Hữu-Phương nhìn biển như nhìn cuộc đời, như nhìn vào hồn mình và hồn người. Chàng thấy biển thể hiện cả những phức tạp của đời sống nội tâm và ngoại giới, có khi mông lung như dư ảnh, bi ai như những niềm thồn thức, cũng có lúc hải hùng như « *giây phút hôn mê hồn kêu điên,* » bơ vơ như « *một con chim lạc ngàn ngơ lối về* ».

*nhớ con sông nhỏ nước trong
triền miên giữa mạch một dòng
tiền giang
hồn thu trong ánh mây vãng
cổ hương ơi ! khách ngỡ ngàn
là ta.*

*ừ tai giú kể bơ vơ
một con chim lạc ngàn ngơ
lối về
vàng mây chẵn ngơ tìm quê
cổ hương ơi nỗi niềm tẻ buốt
hồn*

*thăm trong ngàn biếc khói đồn
trời mênh mông lác đác cồn
tâm tư*

*lên đèn quen thú hải hồ
chừng xa dăng đảo tưởng bờ
đấu yêu*

*bỗng nghe gió khóc cô liêu
giật mình biển rộng bóng chiều
dặm khơi...
băng-khuông nuôi một mảnh
trời
tiếng cô đơn vắng theo hồi
sóng đưa*

(RA KHƠI NHỚ NHÀ)

Ở bài thơ lục bát này, có hai điều đáng ghi nhận :

1.— Hữu-Phương không còn đề tâm hồn mình buông trôi theo dòng cảm xúc (như trong *Luống biển*), mà chàng đã dùng khối óc hướng dẫn tình cảm, làm cho bài thơ tả tình thấm đượm nhiều chất suy tư.

2.— Về hình thức, tác giả không viết họa những chữ đầu câu và cũng không chấm câu mạch lạc theo lối thơ lục bát thông thường.

Tác giả « *Tâm sự người đi biển* » muốn làm mới một thể thơ cũ, vô tình chàng đã làm cho bài thơ tả tình trở nên khô khan, không gợi ở độc giả sự rung cảm hồn nhiên và chân thật.

Thơ tả tình như vậy, thơ tả cảnh của tác-giả lại càng nặng trĩu chất suy tư, làm cho cảm

ngiht lẩn át cả cảnh vật. Đây là cảnh « *Bãi biển chiều hôm* » dưới cái nhìn của cặp mắt triết nhân :

*biển chiều nay lặng lẽ không
tiếng nói
sóng trườn lên cát bãi vè
đường thêu
gió hiu hắt thổi qua vùng tr. tr. trời
biển chiều nay buồn xám gợi
màu rêu*

*núi không nói tôi hay về sự thế
mây không cho tôi biết đất sao
buồn
cây không gọi gió hồn tôi lặng-
lẽ
như con thuyền trên lối bẻ chiều
hôm*

*sóng vỗ nhẹ vào bờ lay tôi thức
nghe rung rung tiếng vỗ mảnh
hồn hoang
tiếng than thở đã tràn xe cát
vực
lấp biển khơi công khổ bọt ngùi,
tan*

*tôi thơ thần xuôi chiều ra đảo
vắng
buồn dâng lên tựa đường lảng
chân ai
với cảm tưởng hôm nay ngồi
tr. quán
đề mơ chim theo gió bốn
phương trời.*

*những bóng vè mây chiều gây
quyển rũ
cho lòng tôi giây phút nghĩ đông
dài
như bao sắc phù du tô vờ-trụ
tâm-hồn tôi khắc khoải chuyện
trần ai*

(BÃI BIỂN CHIỀU HỒM)

Cảnh bao-la kỳ-ảo của biển cả dễ làm cho người đời cảnh trở thành triết - nhân trong một khoảng thời gian nào đó. Nhưng ở đây, trái lại, người muốn làm triết-nhân trước cảnh và cảnh chỉ là đối tượng để thể hiện những suy tưởng của người. Và tâm-hồn triết-nhân vẫn chưa vượt khỏi tâm-hồn thi-nhân nên những cảm nghĩ của chàng chỉ quanh quẩn trong những vòng so-sánh ước-lệ. Trước mỗi chi tiết cảnh vật, chàng đều có thể đắm chìm trong suy tư, và muốn thể hiện suy tư, chàng phải cầu cứu đến sự tưởng tượng. Nghe sóng vỗ, chàng tưởng-tượng. Ra đảo vắng, chàng tưởng-tượng. Thấy bóng mây chiều, chàng tưởng -tượng. Tưởng-tượng rồi so-sánh. So-sánh để nói lên một quan-niệm, đó là lối Tỷ - luận, như lối Tỷ - luận của Thích - Ca, của Na - Tiên, của Khổng-Tử, của Ân-Tử v.v..

Tôi nghĩ: thơ tả cảnh mà không làm nổi bật được cảnh là

một thất bại nhỏ; thơ tả cảnh mà đề cho tư-tưởng lấn áp cảnh vật là một thất bại lớn. Hay tả cảnh trước đã, tư-tưởng chỉ nên chiếm một địa vị khiêm tốn nhưng vững chắc. Những bài thơ tả cảnh của Sara Teasdale, của Jacques Prévert có tính cách khách quan nhưng hàm súc một triết-lý thâm-thúy biết bao.

Đến đây, ta chỉ mới hiểu được những cái nhìn thấu hẹp của Hữu-Phương ở vài khía cạnh tình và cảnh. Chàng còn có cái nhìn bao quát hơn vào cuộc sống cũng như vào tâm tư:

*Đường xa mong chân nghỉ
Bên xo góc tâm tư
Nhật cổ sầu áy náy
Đổi đi tìm tuổi thơ
Bởi cuộc sống hôm nay
Mây hiện sinh mù bay
Bão biển không dừng bước
Dòng dị tưởng cuồng xoay
Ôm bên mình túi nhục
Tin yêu còn bao nhiêu
Rừng đời vây tâm tới
Bốn phương trời cô liêu*

*Xin đừng đây cuộc sống
Mai này cũng buông xuôi
Còn gì đâu nuôi tiếc
Xác hồn tôi cách đời*

*Phiêu lưu này có phải
Là một chuyến đi đầu*

Đưa tôi về Chân-lý
Cho hồn tôi bước mau

(NHÌN XUỐNG)

Thi - sĩ có cái nhìn rất lạ : nhìn trời bề mà thấy cả hình ảnh của cuộc đời, của cái xã - hội hiện-sinh hôm nay. Trên trời mây bay, dưới bề sóng bủa. Hình ảnh đám mây mờ-mịt giăng phủ khắp nền trời che mất ánh quang minh, làm cho chàng liên tưởng đến cái xã - hội bị chủ nghĩa hiện-sinh che mờ cả ánh sáng đạo đức.

Nhìn làn sóng cuồng xoay trên biển cả, chàng liên-tưởng đến những luồng tư-tưởng quái-dị đang làm xáo - trộn xã - hội lương - thiện của loài người. Xã-hội văn đục, cuộc đời tăm-tối, chàng cảm thấy tủi nhục và cô-đơn. Chàng muốn làm một cuộc phiêu-lưu, đi tìm Chân-lý.

Nói về thơ tư-tưởng, bài này có thể liệt vào hàng đặc-sắc vì nó phản-ảnh được thời-đại, thể-hiện được cảm-nghĩ và nguyện-vọng của một chứng-nhân thời-đại.

Sống trên sóng gió của trùng-dương cũng như trên sóng gió của cuộc đời, thi-sĩ cảm thấy đôi lúc tâm hồn yếu đuối và mất cả niềm tin, cho nên chàng tha-thiết kêu gọi đến quyền-năng của Thượng-Đế :

sinh mệnh chúng con trong tay
Người Thượng-Đế

xin tình thương che chở lúc
lâm nguy
chúng con cần phù hộ bởi đôi
khí
hồn yếu đuối không còn tin ở
Chúa

những lúc trời yên như khi sóng
bủa
xin người ban vững chắc một
niềm tin
khát vọng bao la hồn con bé nhỏ
trong tay Người con ước mãi
bình minh

(LỜI NGUYỄN RA KHỎI)

Trong bài tựa, ông Minh-Huy cho rằng : « Ở Hữu-Phương, biên là đầu đề của cái nhân-sinh-quan trữ tình thiên-chúa-giáo (lyrisme chrétien) như ta từng thấy bằng bạc và sâu-đậm trong thơ của Francis Jammes, Charles Péguy và Paul Claudel. » Lời nhận xét này thật xác đáng. Trong những lúc gian nguy, hãi hùng, trong những lúc cô đơn hay chán nản ê-chề trước cuộc sống, thi-sĩ chỉ còn biết cầu cứu đấng Chí-Tôn :

khoảng trống bao la làm sao
xóa lấp
lấp bằng thương bằng mến có
vừa chăng
ôi ! thế-giới hai-hùng cơn lửa
ngập
sấm giông lên gieo khắp sự
hoang tàn

cho con thấy quanh con nhiều
đá rạn
bủa vây con hàng vạn bóng
yêu ma
xin Thượng-Đế ban cho nguồn
ánh sáng
tâm trí con không quáng bởi
đại tà

(KHOẢNG TRỐNG)

Thượng-Đế có ban cho chàng tình thương và ánh sáng chăng ? Điều đó chỉ có chàng biết. Điều chắc-chắn là với Đức-Tin mãnh liệt đó, chàng thủy-thủ thi-nhân đã bao lần chiến thắng nội tâm và ngoại-giới để tiến đến xây-dựng một bình minh tươi sáng ở tương-lai.

★

Ở bài tựa, ông Minh-Huy cho rằng hai thi-phẩm của Hữu-Phương « *Luống biển* » và « *Tâm-sự người đi biển* » có « một sự nhất trí về nội-dung cũng như về hình thức của thơ ». Tôi có nhận-xét trái ngược : Về nội-dung, *Luống biển* thiên về tình-cảm, *Tâm sự người đi biển* thiên về tư tưởng. Về hình thức, *Luống biển* còn phong trong khuôn khổ chặt chẽ, *Tâm sự người đi biển* cố vượt ra được một phần nào. Nếu có sự nhất-trí thì chỉ nhất-trí ở đề tài mà thôi.

Một nhà phê-bình khác (1) khuyên rằng : « Tôi nghĩ là Hữu-Phương có thể trung thành với đề tài *Luống biển* nếu ông cố gắng làm thơ không những với con tim mà còn với cả khối óc nữa. Muốn thế, trên hết mọi nỗ lực vừa kể, ông nên tăng cường chất suy tư ».

Tôi nghĩ trái lại : Nếu cần tăng cường chất suy tư, Hữu-Phương nên viết nghị luận hơn là làm thơ. Vì với chất suy tư chứa đựng trong *Tâm sự người đi biển*, thơ ông cũng đã nặng trĩu và giảm năng-lực truyền cảm nhiều rồi.

Tóm lại, *Tâm sự người đi biển* có bản sắc khác hẳn *Luống biển*, chứng tỏ Hữu-Phương muốn đưa thơ mình tiến lên về cả hai phương diện nội dung và hình thức. Ông là nhà thơ có tài nhưng tài ông chưa phát triển đúng mức vì quan niệm sai lầm về loại thơ trữ tình phối hợp với triết lý. Mong rằng ông sẽ thành công hoàn toàn ở thi phẩm khác, một ngày gần đây.

1) Phong-Giao, trong *Tin Sách số 9*, trang 24.

âm thanh và màu sắc

★ ANH-TUẤN

Tôi muốn ghi trên trang giấy
Những điều tôi ước mơ,
Tôi muốn viết thành thơ
Những gì làm tâm hồn tôi thoải mái

Giọng nói của trẻ thơ
Hay ánh đèn mờ dưới mưa bụi
Tiếng sóng bề rạt rào
Hay tiếng phi-lao than thở
Một ánh nắng
Nhỏ và dài
Luồn qua khe cửa
Vào trong căn nhà
Tối âm u

Hoặc tiếng tàu tu tu
Nửa đêm trên bến vắng
Có những nụ cười
Có những câu nói
Có những tiếng đàn
Chỉ nghe một lần
Mà hồn tôi còn say mê mãi mãi

Và còn bao nhiêu hình ảnh
Và còn bao nhiêu âm thanh
Bao nhiêu vẻ đẹp vô ngần
Mà vì thế con người
Dù trong cảnh ngộ nào
Vẫn còn ham sống.



XEM

TRIỂN-LÃM

HỘI-HỌA

mùa xuân quý-mão

ĐỢT II – LỤA, BỘT MÀU, PHẤN
TIỀN, THUỐC NƯỚC VÀ THAN CHÌ

(do Văn Hóa-Vụ Tổ chức.)

★ CHÂU-GIANG

NẾU đứng riêng một mình,
nghĩa là ngoài khuôn khổ cuộc triển
lãm mùa Xuân thì phòng tranh
đợt II cũng không có gì mới lạ
lắm.

Nhưng phải nhận rằng nó có
nhiều ưu thế hơn so với phòng
tranh đợt I (sơn dầu). Cái đáng
đáp hội họa ở một số người bày
cũng phong phú hơn.

Thực ra thì người thưởng ngoạn
bắt buộc muốn đòi hỏi những cái
gì hơn thế nữa. Không thể chỉ
được thưởng thức cái không khí

đều đều được nhắc đi nhắc lại
hàng năm.

«Giới thiệu thêm một lần nữa,
những nét tân kỳ và điều luyện,
hoặc lộng lẫy huy hoàng của
phòng tranh mùa xuân năm nay
cũng là một việc không cần thiết
lắm» (1).

Tại sao vậy? mà làm gì có
“những nét tân kỳ và điều luyện”
ở triển lãm mùa Xuân năm nay.

(1) Lời giới thiệu trong cuốn
Catalogue.

Bài viết này vẫn là tiếp tục thêm ý với bài trước bởi không thể tách rời ra khỏi phạm vi cuộc triển lãm mùa xuân Quý Mão. Và vì vậy mà tôi chỉ có thể chia triển lãm mùa xuân làm 2 kỳ. Kỳ 1 : sơn dầu. Kỳ 2 : bột màu, lụa, phấn tiên, thuốc nước và than chì. Sự so sánh 2 đợt triển lãm sẽ xảy ra theo tự nhiên.

Đó là 2 đợt trưng bày của một cuộc triển lãm mùa Xuân vậy.

Vì thế mà phòng tranh đợt 2 có một kết quả khá. Cảm tình của người thưởng ngoạn cũng nhiều hơn.

Không phải về sự già dặn kỹ thuật (phần đông những người trưng bày lần I đều mới mẻ). Nhưng cái không khí chung của phòng tranh thật là thoải mái, dễ chịu. Ở một số — người ta nhận một cách dễ dàng và thích thú. Vì còn cảm thấy ở đây ít giả tạo, ít sự bày đặt, khuôn thước. Cũng ít có những tranh trừu tượng « hơi quê » như lần 1.

Phòng tranh lần 2 có vẻ đều đặn. Tôi muốn nói sự hơn, kém về nghệ thuật cách biệt nhau không xa lắm, (ngoại trừ đám ba bức cần phải loại bớt) khó tính thì tôi cũng có thể chọn được

mười người. Mười người như những điểm nổi bật ở phòng tranh. Từ nét vẽ, dùng màu, sự bố cục đã có vững vàng, và chín chắn lắm.

Thí dụ : C. H. Chow. Trần đình Nghĩa. Nguyễn văn Bôm, Vũ Anh. Nguyễn hữu Đức. Nguyễn Lâm. Kiều công Nghĩa. Lưu tấn Phước. Nguyễn văn Ri.

Tranh của những tác giả này đẹp lắm. Nó như một luồng gió mát tràn đi khắp gian nhà triển lãm. Ở tranh các tác giả trên, tôi còn thấy háo hức được xem. Và thực ra thì tôi cũng không thấy tiếc cái thời gian lưu lại lâu với nó như lần đầu.

Ước mong những triển lãm hội họa mùa Xuân trong tương lai sẽ có nhiều sự mới lạ hơn. Sự tổ chức cũng cần được sửa lại đôi chút cho chu đáo :

— Đề sự trao tặng huy chương cân xứng với tài năng của những tác giả.

— Đề có một ban giám khảo gồm những người có thẩm quyền về hội họa, bởi sự chọn lựa cần được công minh và sáng suốt hơn nữa.

Cuối cùng tôi thấy lạ là Triển lãm mùa Xuân nào cũng chỉ được khai mạc vào những tháng sau mùa Xuân ?



ĐỀ

KHÔNG

SỢ

ĐỀ

KHÔNG

ĐAU

Y • HỌC • TÂN • KHOA • Võ • quang • Yên
(Paris)

(Kỷ niệm ngày sinh Sam)

NGUỜI đàn bà mang nặng đẻ đau. Đây là điều từ thuở nào người ta không những bàn nói mà còn đắm đuối tin tưởng vì trong thật tế mấy ai sinh nở mà chẳng trải qua cơn đau khổ. Thật ra, không phải người đàn bà nào khi sinh sản cũng phải vô cùng đau đớn : người nhiều, kẻ ít, người quặn quại suốt thời gian lâm bồn, kẻ chỉ đau nhứt khi đưa con đang lọt ra khỏi lòng mẹ.

Giáo sư VIGNES đã giảng nghĩa tính cách không đều ấy với ba yếu tố :

- 1) tùy sự tiến hành của cuộc sinh đẻ, nghĩa là cách đưa con rời khỏi tử cung, luồng qua xương hông để thoát ra ngoài, khi chậm, khi lanh, khi thuận, khi nghịch...
- 2) tùy bầu không khí của nơi đẻ : có chỗ ồn ào, có phòng yên tĩnh....
- 3) và nhất là tùy nhân cách của

người đàn bà nằm nơi ; có nhiều người đàn bà hoặc vì bệnh hoặc vì mệt có thể bị đau đớn nhiều hơn các phụ nữ khác.

● **Vì sao mà đề đau ?**

Nguyên do tại những cơn thất của tử cung. Cơn thất càng mạnh, đau đớn càng nhiều. Vì vậy, tùy từng lúc người đàn bà bị đau khác nhau.

Lúc ban đầu, cơn thất chỉ nhẹ thôi, đủ để chỉ cho người đàn bà biết là cuộc sinh đẻ đã bắt đầu tiến hành. Dần dần cơn thất càng mạnh và làm cho người đàn bà thấy đau hơn, nhưng dù sao còn dễ chịu. Nhưng sau cùng cơn thất trở nên rất mạnh, có khi làm vỡ bọc nước thì lúc ấy cơn đau lên đến cực điểm và nhiều khi rất khó chịu đựng được. Lúc đó con sắp ra khỏi lòng mẹ, cơn thất vẫn còn mạnh và cơn đau vẫn còn kịch liệt, nhưng thường lúc ấy người đàn bà phải cung cấp một xuất lực bắp thịt gắt gao nên trong một lúc, vì tập trung tinh thần vào xuất lực kia, có thể quên mất một phần đau đớn.

Người ta đề ý thường cực điểm cơn đau nằm vào lúc đầu đứa bé đang lọt ra ngoài. Đẳng

khác, cơn đau không phải liên tiếp hằng giờ mà là từng đợt gián đoạn, thường hiện ra vài giây sau cơn thất ở tử cung và biến mất vài giây trước lúc tử cung trở lại bình thường. Trong nhiều nhà hộ sinh, nhằm đúng lúc cơn đau lên đến cực điểm, người ta đánh thuốc mê vào người đàn bà đề tức thì giúp được đỡ đau.

Ta cũng nên biết thêm là các nhà sinh lý học đã tìm ra được ở trong cơ thể con người một giới hạn đau đớn, nghĩa là mức chịu đựng được cơn đau. Giới hạn này lớn nhỏ tùy theo người, thành thử trong một cuộc sinh đẻ giống nhau về điều kiện, thời gian... hai người đàn bà có thể thấy đau đớn khác nhau.

Sau cùng, một điểm đáng được chú ý, có thể làm phần khởi nhiều người : các cuộc sinh đẻ không giống nhau từ đứa con này qua đứa con khác. Như vậy nghĩa là lần thứ nhất người đàn bà có thể bị đau nhiều, nhưng không phải vì vậy mà còn phải bị đau khi nằm nơi lần thứ nhì.

● **Những phương pháp xưa**

Trước cơn đau khổ của phái yếu, những thầy thuốc không thể đứng đưng và hơn một thế kỷ

nay người ta đã ra công kiếm cách trừ khử.

Trước tiên người ta nghĩ đến thuốc mê. Năm 1847, lần đầu tiên, một sản y người Tô-cách-Lan, ông James Young SIMPSON dùng chất clorofot trong một cuộc đỡ đẻ. Sáu năm sau, hóa chất này được chính thức dùng trong triều Anh-quốc, do sản y SNOW ứng dụng khi Hoàng hậu VICTORIA nằm nơi lần thứ tám đẻ sinh hoàng tử LEOPOLD. Lập tức sau đấy, đức Tổng giám mục CANTOR-BERY nhân danh Giáo hội lên tiếng phản đối vì một người đàn bà xứng với đạo Gia-tô phải sinh đẻ trong đau khổ theo luật của Chúa Trời. Nhưng bắt đầu từ ngày ấy, phương sách dùng thuốc mê được lan rộng và nhiều loại thuốc mê khác ra đời. Người Đức có chế một thứ thuốc dựa trên chất motphin, rất công hiệu làm người đàn bà quên đau nhưng đồng thời cũng làm mất luôn trí nhớ. Có lúc vì bà mẹ bị mê, đứa con không ra được, người ta phải dùng máy fotxep để đem thai nhi ra.

Phương sách thuốc mê nguy hiểm, dần dần người ta xoay qua phép thôi miên. Nhưng nhiều khi vì quá đau, người đàn bà thức giấc và không làm sao thôi miên lại cho ngủ. Phương pháp này vì vậy cũng không được vĩnh viễn.

Năm 1924, một loại thuốc mê mới ra đời, chỉ làm tê mê vùng hông của người đàn bà mà lương tri vẫn được tỉnh táo. Nhưng thuốc này khó dùng mà lại không khử kiệt hết được cơn đau. Hơn nữa thuốc chỉ có thể ứng dụng vào một số ít đàn bà mà thôi.

Sau này, nhiều loại thuốc mê khác ra đời thay thế nhưng rốt cuộc chẳng thuốc nào được hoàn toàn vì phải đáp đúng hai điều kiện: vừa không độc cho mẹ vừa không làm trở ngại sự tiến hành của cuộc sinh đẻ.

● **Phương pháp đề không sợ**

Vì vậy khi các nhà đỡ đẻ tân thời đề nghị một phương pháp đề không đau mà không dùng thôi miên hoặc thuốc mê thì số người vui mừng không phải ít mà số người ngờ vực cũng khá nhiều. Vấn đề đề không đau đã làm tổn chảy biết bao bút mực. Thật ra hai người đầu tiên đồng thời đưa ra phương pháp này đã dùng hai danh từ khiêm nhường hơn : cách đề không sợ hay cách đề tâm lý phòng ngừa. Hai người ấy là Grantly Dick READ, một bác sĩ đỡ đẻ người Anh, và VEL-VOSKI, một nhà bác học Nga hằng khảo cứu về óc não.

Vào năm 1903, một buổi tối trời mưa tầm tã, bác sĩ READ đi đỡ đẻ ở xóm Whitechapel, một xóm nghèo nhất ở London. Lần đầu tiên trong lúc hành nghề, bác sĩ gặp một người đàn bà đang sinh từ chối thuốc mê và bảo là không đau. Lời nói của người đàn bà can đảm này đã làm bác sĩ suy nghĩ nhiều và sau này đề ý thấy có nhiều người đàn bà khác nằm nơi không thuốc mê mà vẫn không thấy đau. Nhận xét này đưa bác sĩ đến một ánh sáng: các người đàn bà đẻ không đau vì không sợ.

Đúng vậy, biết bao phụ nữ khi có mang, nghe kể đủ chuyện ghê sợ của cuộc ở cữ; đắng khác, nhiều người vì không hiểu biết, chỉ lo sợ những chuyện đầu đầu. Nỗi sợ càng tăng nếu người đàn bà càng mệt mỏi, nóng nẩy. Vậy muốn đánh bại cơn đau trước phải cần thắng nỗi sợ. Muốn thắng nỗi sợ thì phải giải nghĩa cho người đàn bà biết vì sao thai thụ, làm sao thai lớn lên trong lòng người mẹ, rồi sau này đứa trẻ sinh ra thế nào. Đồng thời cũng phải tập cho bà mẹ tương lai học thở, học giãn các bắp thịt... Hai điểm cốt yếu trong phương pháp đẻ không sợ là giáo dục tinh thần và nở giãn cơ thể.

Nhưng chẳng mấy ai tin tưởng

vào phương pháp đẻ không sợ của bác sĩ READ ngay. Năm 1948, xin dời qua làm ở Johannesburg bên Nam-Phi, ông vui mừng thấy phương pháp trông là mới của mình giống hẳn cách sinh đẻ của đàn bà bộ lạc MANYIKA. Ông tin chắc vào phương pháp của mình từ đấy. Hiện nay, sách vở của ông được dịch ra 20 thứ tiếng, bệnh viện KING'S COLLEGE theo hẳn phương pháp của ông. Năm 1956, đức Giáo-hoàng ban thưởng ông và một năm trước lúc từ trần, ông cũng được Nữ-hoàng Anh-quốc khen ngợi trong một bức thư: « Trong một thế giới đầy đau khổ và sợ hãi này, ông đã mang lại một thông điệp hy vọng... »

● Phương pháp tâm lý phòng ngừa

Nếu phương pháp của bác sĩ READ dựa trên tính chất không sợ của người đàn bà, giáo-sư VELVOSKI dùng vận động phản ứng của con người mà đặt ra phép sinh đẻ.

Vận động phản ứng là gì? Khi ta vô ý chạm tay vào lửa, lập tức ta rút tay ra: đây là một vận động phản ứng tuyệt đối. Còn có một loại vận động phản ứng khác gọi là vận động phản ứng

theo điều kiện. Nhà bác học PAVLOV đã vang tiếng khắp nơi với thí nghiệm sau này: ông cho vào chân một con chó một luồng điện, đồng thời cho nghe một tiếng còi, tất nhiên con chó giạt chân; ông lập lại nhiều lần như vậy, nhưng một lúc ông cho thổi còi mà không cho luồng điện chạy qua, con chó vẫn cứ giạt chân! Người ta bảo con chó đã bị tiếng còi điều khiển qua sự đau đớn. Người đàn bà cũng vậy, đã bị các cơn thất điều khiển qua sự đau đớn. Hai tiếng còi thất và đau đớn đã quá khấn khít với nhau, nên bây giờ nghe nói cơn thất là người đàn bà nghĩ ngay đến đau đớn.

Muốn người đàn bà hết đau cần phải dẹp cuộc điều khiển kia. Trước hết phải giải nghĩa tường tận đề cho người đàn bà hết sợ. Công việc giáo dục trí óc xong thì người đàn bà tập gây ra vận động phản ứng hữu ích để điều khiển những bắp thịt và giây thần kinh sẽ vận dụng trong lúc sinh đẻ. Phương pháp tâm lý phòng ngừa vì cũng làm cho người đàn bà hết sợ khi nằm nơi, nên trong nguyên tắc tuy khác nhau, về mặt thực hành không khác gì mấy phương pháp của bác-sĩ READ.

● Sửa soạn cuộc sinh đẻ

Phương pháp tâm lý phòng

ngừa cũng như phương pháp đẻ không sợ đã được bàn tán nhiều: người sung sướng theo ngay, kẻ nhún vai nghi hoặc. Người ta sau này còn đề nghị nhiều phương pháp khác: cách đẻ theo điều kiện, cách đẻ tự nhiên, cách đẻ ít đau, cách đẻ không lo ngại... Tất cả các tác-giả ít nhất cũng đã đồng ý ở một điểm: nếu không hoàn toàn làm hết đau, người ta có thể làm giảm bớt một phần nào. Trong hai phương pháp của bác sĩ READ và giáo sư VELVOSKI, ba điều căn bản đã được đặt ra:

- người đàn bà đau vì sợ;
- lời nói có thể có tác dụng như thuốc mê;
- Người mẹ tương lai phải học đẻ.

Học làm sao? Lớp học đẻ thường chia làm hai phần: lý thuyết và thực-hành. Trong những bài đầu, người đàn bà được nghe giảng về cơ thể học của các bộ phận sinh dục, về sinh lý học của thai nhi từ lúc mới thành hình cho đến lúc được đẻ ra. Sau đấy, người ta giảng về cách nằm nơi thật sự với ba giai đoạn cổ-diễn: chương nở, trục xuất và phóng thích, và thái độ cần phải có ở mỗi giai đoạn.

Qua phần thực hành, người đàn bà học cách nghỉ ngơi, những phương pháp thở, những

ĐỀ KHÔNG SỢ

cử động bắp thịt cần dùng trong lúc sinh đẻ. Sau cùng trước ngày sinh, vào khoảng tháng thứ tám, người đàn bà phải lặp lại một lần tất cả những cử động như lúc nằm nơi. Một bác sĩ đỡ đẻ hay bà mẹ luôn theo giới người đàn bà có mang, khuyến nhủ, khuyến khích để các vận động được theo đúng. Chính bác sĩ hay bà mẹ này khi người đàn bà

thực sự đẻ sẽ theo dõi đề điều khiển cho được hoàn toàn.

Đề không sợ, đề không đau, đây là một món quà lớn lao mà khoa học đã hiến cho phụ nữ. Một điều kiện có lẽ quan trọng về bậc nhất là tin tưởng, bên phần bác sĩ, bà mẹ cũng như bên phía người đàn bà.



• GIỚI THIỆU VÀI CUỐN SÁCH BÀN RÕ VẤN ĐỀ :

- Colette JEANSON : Principes et pratique de l'Accouchement Sans Douleur (Editions du Seuil).
- Docteur LAMAZE : Qu'est-ce que l'Accouchement Sans Douleur ? (Editions La Farandole).
- Pierre et Aline VELLAY : Témoignages sur l'Accouchement Sans Douleur (Editions du Seuil).
- Laurence PERNOUD : J'attends un enfant.

(Editions Pierre Horay).

Địa chỉ « CENTRE D'ÉTUDE DE L'ACCOUCHEMENT SANS DOULEUR » ở Pháp : 19, rue Monsieur-Paris (7è)



★ LÝ LUẬN TRẺ CON

— Con làm biếng học quá. Lớn nữa làm gì mà ăn. Một khi học dở dang không một mảnh cấp bằng.

— Cần gì thứ giấy lộn đó ba. Sáu câu vọng cổ như Thành-Dược, Út-Trà-Ôn là cũng đủ tên tuổi, triệu phú rồi. Các ông Tú Tây, Tú Ta, đậu bằng một đêm lương của họ, hờ ba.

Còn một đêm nay

Ngày xa quê hương 4-VIII 61

Ngày mai ta cất bước lên đường,
Còn một đêm nay đề nhớ
thương...

Lòng đất, lòng ta lưu luyến mãi,
Ước gì ta gói được quê hương!

Ta muốn đêm dài thêm mãi...
Cho trời đừng sáng, ta đừng
buồn.

Làm sao níu được thời gian lại
Khi bóng trăng mờ ở cuối thôn!

Còn một đêm nay đề nhớ
thương...
Ngày mai ta cất bước lên đường.
Lặng nghe từng tiếng gà tre gáy,
Con các-kè kêu cũng luyến
thương.

★ ĐÀO THANH-KHIẾT
(Rizal-Philippines)

hẹn kiếp sau

Cho tôi tiếc rẽ ngày qua,
Cho tôi tiếc giấc mộng xa
tôi rồi.

Cổ nhân giờ ở bên trời,
Tôi bên này khóc nửa đời dờ
dang.

Chuyến đi lỡ dở một lần,
Nhớ tình người cũ ruột dằn
đau.

Ngày xưa ai đã dang trao,
Và tôi mười sáu trách sao đại
khờ.

Đề người đi với tình hờ,
Tháng năm vẫn giữ, vẫn chờ,
vẫn mong.

Và tôi bến lạ xuôi giòng,
Bè bàng phận bạc má hồng xót
thương.

Tiếc hoa xót ngọc thói thường,
Tủi thân tôi khóc cổ nhân nhớ
người...

Nhưng thôi trót dở dang rồi,
Đề cho trọn đẹp vạ đời quên
nhau.

★ KIỀU-MỘNG-THU
(Tây-ninh)



Tiếng nói
của
Gái và Trẻ
thế hệ



Bạn trẻ thân mến,

Hôm nay, chúng tôi hoan hỷ giới thiệu với bạn :

* Bạn **NGUYỄN-THỊ-QUẾ**, 22 tuổi, cựu học sinh Trung-học Đ.N.C, trường Jeanne d'Arc, Huế, hiện ở nhà giúp việc gia-đình. Bạn nói ra những cảm nghĩ của một cô gái đời nay bị học vấn dở dang, và tiếc thời kỳ còn ở dưới mái trường. Chúng tôi chắc có nhiều bạn cùng trường hợp như bạn Nguyễn-thị-Quế.

* Bạn **THU-LAN**, 21 tuổi. Nữ Sinh-Viên Đ.H. Khoa-Học, Saigon, viết hộ lá thư sám hối cho một bạn gái đã lỡ làm đường, gửi về xin Mẹ tha thứ. Thư rất cảm động, các bạn gái ở tỉnh lên Saigon nên xem đây là một bài học.

* Bạn **NGUYỄN-SỬ-SINH**, 18 tuổi. T.H.Đ.N.C. Kiên-giang, diễn tả tâm sự của một thanh niên bị « xiềng xích » gia đình và xã-hội mà không tìm được lối thoát, dành đề cho tuổi trẻ rơi vào sa đọa. Các bậc phụ huynh nên suy nghiệm về những ý nghĩ thành thật và chua chát của hạng thanh niên này.



★ **NGUYỄN-THỊ-QUẾ**
(Huế)

● **mến**

● **tiếc**

HÈ về. Hai tiếng buồn và đẹp hơn bao giờ hết, những tâm hồn son trẻ, lưu luyến học đường đang dâng lên niềm thương cảm. Màu phượng vĩ đỏ như màu huyết lệ. Ve sầu đồng ca bản « ngày tạm biệt », tiếng ngân đều đều âm thanh nghe buồn man mác. Công trường từ từ khép lại, đóng kín những vui buồn của năm qua.

Mỗi lần hè sang lòng tôi không tránh khỏi những giây phút xao động của tâm hồn. Ba năm rồi, phải, đúng ba năm tôi xa hẳn mái học đường thân yêu. Nếp sống hồn nhiên của đời học sinh có lẽ chẳng bao giờ trở về với tôi. Tất cả chỉ là một giấc mộng, một giấc mộng mỏng manh và ngắn ngủi. Nhà văn G. đã viết :

« Sau mỗi cánh cửa đóng im ỉm này, một mẫu đời quá khứ của ta đang yên nghỉ. Nơi đây, vào thời kỳ mộng đời chưa hề tan vỡ, ta đã từng mơ những giấc mộng đẹp... »

Từ giả học đường, giấc mơ tuổi trẻ chỉ là ảo ảnh cuộc đời. Dư âm những ngày xưa vẫn còn rạo rực chua xót lòng người. Mỗi chiều nhạt nắng, tựa bên song cửa, tôi đưa mắt nhìn bóng dáng các nữ sinh trên đường về, lòng tôi kích thích lạ thường...

Rồi hình ảnh của hè sang, hình ảnh của nhung nhớ... đau buồn... mến tiếc...

Tôi nghĩ học cũng có lý do chánh đáng. Từ bỏ sách vở để về với bếp núc. Tôi đã nhiều lần khóc thầm. Và giữa cái niềm thống khổ tột cùng tôi tự an ủi bằng những cảm nghĩ riêng tư. Tôi tự nguyện sẽ khai sáng trí tuệ bằng cách đọc sách trong giờ rảnh. Nhờ thế, ba năm trường rông rã sống với bếp núc củi lửa,

nhưng tôi tự hào đã tạo cho mình một vốn kiến thức khá dĩ hơn trước. Một quyển sách khoa học, toán, văn chương hay triết học v.v... là một ông thầy tận tâm khả kính của tôi. Càng đọc sách, càng hiểu rộng tình thần tôi thời thời, những ưu tư sầu muộn dần dần vơi mất. Những ai chưa đứng sẵn trong tâm hồn tình-cảm bị lụy, muốn lãng quên phần nào, không gì hữu hiệu cho bằng đọc sách, một thứ tiêu khiển tinh thần thanh cao vừa rẻ tiền. Dầu nội dung tác phẩm buồn tan vỡ như « Paul et Virginie » hay rầy rức như Tổ-Tâm, thâm thương ngao ngán của Ché-lan-Viên đi nữa, cái buồn của văn chương nhẹ nhàng thoang thoảng không dẫn vật như cái buồn của thế-sự.

Có nhiều người bảo: « Hiểu bao nhiêu khổ bấy nhiêu ». Tôi không hiểu sao ý tưởng đó quá lệch lạc, bi quan. Những người trí thức dầu không chiếm được một địa vị khả quan trong xã-hội, nhưng chắc rằng họ cũng hiểu lẽ sống và biết cách sống. Còn gì buồn cười khi nhìn thấy, một công tử hay tiểu thư ngồi vênh mặt trong chiếc xe hơi sang trọng trường giả mà nói tiếng mẹ đẻ chưa sạch văn phạm, cố tạo cho mình những cử chỉ thật tư-cách nhưng lại lộ liễu hạ cấp.

Ngày nay nhìn vào thực trạng học đường, tôi không khỏi không

mến tiếc dùm cho một thiểu số học sinh đánh giá trị sai lầm việc học. Buông trôi cho năm tháng, phó mặc cho thời gian, họ quan niệm việc học là một bổn-phận bắt buộc của gia đình, của thầy giáo, không mặc ý, hứng cảm bị gò-bó, xô-bò, gương gao. Do đó những thú tiêu-khiên hằng ngày của họ: rong chơi trên hè phố, giam mình trong rạp hát oi bức, hay chuyện trò nhảm-nhỉ trong các trà thất tửu quán, mất hết vẻ quân bình của tinh thần. Thật đáng mến tiếc làm sao. Chỉ có người dợt thời gian, chứ thời-gian chẳng bao giờ dợt người.

Và lại, việc học ngày nay khác xưa một trời một vực. Xưa kia, các nho sĩ mơ-màng trong thế-giới của Đường thi, đắm mình trong trăng nước Tầm-dương hay khóc thương cho những thiên tình vạn-kỷ. Cái học ngày nay thực tiễn, « tri » và « hành » đi đôi với nhau.

Không được may mắn ngồi ghế nhà trường, không được nghe những lời giáo huấn của các bậc minh-sur, đôi lúc tôi cảm thấy khổ sở phải cố-gắng vận dụng hết tâm trí để tìm hiểu từng câu văn, bài toán. Sau mỗi con đường gặp ghềnh vất vả, tôi lại cảm thấy khoan khoái lạ thường. Tôi ham học hỏi tìm hiểu hằng ngày, nhưng tâm-linh tôi không dám nuôi những hoài bão cao kỳ, hoặc mong địa vị cao sang sau này để

vinh thân phì gia. Tôi an phận mình « nhi nữ thường tình » rồi cũng phải theo câu « tứ đức tam tông » mười hai bển nước... Tôi ham học vì tôi nhận thức được chân giá trị tinh thần. Các bụi ròi trở về với các bụi, chứ cái tinh anh của trí tuệ thì trường cửu bất diệt. Tôi hằng mong ước, ngày nào đầy đủ phương tiện tôi sẽ cấp sách đến trường đầu cho mở tuổi có chồng chất điều đó cũng chẳng quan hệ gì.

Năm nay hè đã đến. Hè đến trong ánh nắng oi bức của miền sông Hương núi Ngự. Hè đến trong màu thắm đượm rực rỡ hoa phượng-vĩ. Hè đến trong điệu nhạc buồn áo nã của đoàn « nhạc sĩ mùa hè » ngân nga sáng chiều, tôi băng khuâng nhớ những kỷ niệm vui buồn ba năm về trước. Tôi muốn đi ngược thời gian, lui về

mái học đường xưa cũ sống lại vài giây phút đời học sinh, cũng đủ rồi. Tôi muốn sống lại những cảm giác lo sợ, hồi hộp, bồn khoăn trong giờ thầy gọi đọc bài, cái sung sướng hãnh diện, khi bài luận, bài toán vượt mức quân bình bạn bè, cái cười vô tư không ngập-ngùng e thẹn với mấy con bạn tinh nghịch v.v...

Nhưng thôi, Mến Tiếc vẫn là bản tánh con người. Hãy trả về cho dĩ vãng, vì hiện tại tôi vẫn tiếp tục công việc còn dang dở...

Ngoài kia, ánh nắng còn rải rác khắp thôn làng, phượng vĩ rơi, rơi mãi, và xa xa đàn nhạc sĩ mùa hè trôi điệu nhạc buồn muôn thuở. Hoàng-hôn phủ dần lên vạn vật... Một ngày sắp tàn, tôi mất hẳn một quãng đời son trẻ.

HỒI HẬN

★ THU-LAN

(Sinh-viên Khoa-học Đại-học đường - Saigon)

Saigon, ngày... tháng... năm...

Lệ-Tuyết kính gửi về Mẹ,

CHIỀU nay thành phố Saigon, tung bùng trong nét đẹp của ngày hè chủ-nhật, mà con

của mẹ đang gục đầu nức nở, trước giờ đây chết của ngày tàn, để rồi, dồn hết nghị lực viết nên lời thơ gửi mẹ.

Thưa mẹ,

Đề mở đầu lá thư này, con xin mẹ nhận nơi đây lời hối hận của một đứa con lạc lối. Có lẽ mẹ đang ngạc nhiên với lời nói của con. Vâng, mẹ ngạc nhiên là phải và hơn thế nữa, không bao giờ mẹ ngờ được đứa con gái của mẹ đã làm ra những việc tày trời.

Đã ba năm rồi, con rời mẹ, rời gia đình với tiếng là đi học, nhưng bây giờ con không còn là một học sinh gương mẫu, của làng Thạnh-Phước nữa.

Mẹ ! Ngày đầu tiên đặt chân lên đất này, con chỉ là một con nai rụt rờ trong cánh đồng bát ngát. Con rụt rờ trước những cảnh nguy nga đồ sộ của những villas, những đường phố. Rồi thời gian qua, tâm tánh con người biến đổi khi được dịp tiếp xúc với mọi người, với xã hội. Cảnh rộn rịp của ngựa xe, của khách thừa tiền dư bạc, đã đưa con trong những bước đi tội lỗi. Mẹ ! Mẹ đâu tưởng tượng được rằng : đứa con gái ngây thơ của mẹ ngày trước, nay là một xác thân tiều tụy, qua những đêm dài hoan lạc, nơi trà đình tửu điểm. Đứa con gái mười lăm, một nữ sinh trong trắng ; giờ đây, đã bưng sống lại trong lương tri của con ba năm trước. Con nhớ rõ lắm, thuở mười lăm, con còn ở quê nhà mẹ thường bảo :

« — Con gái tôi ngoan ngoãn đáng yêu, con tôi học giỏi và xinh xắn nhất vùng ».

Tiếng nói hiền từ ấy, giờ đây con nghe rõ quá, tưởng chừng như mẹ đang trách mắng con. Con hối hận quá, một bước đi sơ sẩy đã đưa con đến con đường tội lỗi xấu xa. Một việc làm không suy nghĩ hại cho cuộc đời muôn thuở.

Giờ đây, trong căn phòng tồi tàn, các « người thân » của con (những kẻ đã đưa con biết vào khách sạn, biết đi đêm, biết xài tiền trên mồ hôi, nước mắt của mẹ) đã lặng lẽ xa con. Xa con vì con không còn tiền, không còn sắc đẹp, hay đúng hơn : con chỉ còn là một xác thân khô héo, không làm họ thỏa mãn những điều họ mong ước. Không gian vắng lặng, một thứ im lặng hãi hùng, đã đưa tâm tư con về nẻo cũ. Lương tri con đã đánh thức dậy niềm thức, để quay lại quãng thời thơ ấu và rồi hình ảnh ấy, từ đây không còn mờ phai được nữa.

Con thấy rõ được lối đi tươi đẹp, qua hình ảnh hiền từ của bà mẹ Việt-Nam. Hình ảnh ấy đã mấy ngàn năm rồi vẫn âm thầm sống trong nền lễ giáo. Một bà mẹ bao giờ cũng lo lắng cho con, bảo vệ con dù phải hy sinh mạng sống của mình.

Mẹ ơi, chiều vàng đã tắt. Đèn nhà hàng xóm sáng choang. Đây là giờ của mẹ đang sắp soạn hàng hóa để mai này ra chợ sớm. Con hình dung ra được dáng

người tiều tụy, đang loay quay với rở ớt, thúng cà, mà không một người phụ việc. Con là con một, được mẹ nâng niu chịu chuộng. Mẹ đã hy sinh cho con rất nhiều, nhưng con đã không đền đáp được chút thâm ân, lại gây cho mẹ nhiều phiền toái. Con cảm thấy tội lỗi và thương mẹ rất nhiều. Con nghĩ đến lúc, thơ con về xin tiền mẹ, mẹ đã lo lắng vẹn toàn. Dù nhà không dư dả, mẹ không muốn con mình thua sút một ai. Muốn son mẹ sắm cho son, muốn áo mẹ may cho áo mới ; mà suốt đời, mẹ chỉ mặc một màu áo đen mốc trắng. Cha con đã bỏ mẹ con mình lúc con lên bốn, để ra đi tìm một thế giới vô hình. Gánh nặng gia đình trút xuống vai mẹ. Mẹ lại đau liên miên, con không một giờ kề cận thuốc thang, chỉ biết săn sóc đám người trác táng.

Tiền của mẹ dành dụm, không dám xài trong cơn đau yếu, con lại dùng nó phung phí trong những trận cười thâu đêm suốt sáng.

Mẹ, làm sao con được sống kề bên mẹ giờ này để con quì bên chân mẹ, để tạ lỗi ăn năn. Con là một đứa con hư hỏng, hoang đàng. Ngày xưa con đã trách những lời thậm tệ đối với những đứa con bất hiếu, nhưng hiện tại ai trách mắng con ? Chỉ có lương tri bừng dậy, rồi tòa án lương tâm không cho phép con kéo lê cuộc đời

trong tội lỗi.

Đến nay, đời con đã một lần hoen ố bởi sự bồng bột của tuổi trẻ, bước đi mà không nhìn kỹ con đường sẽ lướt qua. Con đang đi trên vũng bùn mà ngỡ mình đang đi trên đường sạch sẽ. Con đã đắm mình trong bóng tối mà vẫn tưởng mình đang tắm ánh trăng, sao. Thật là một sự lầm lẫn ngu xuẩn.

Thưa mẹ,

Hối hận tràn ngập cả lòng con, con không dám về quê mẹ vì con cảm thấy lê chiếc thân tiều tụy về quê mẹ chỉ làm chướng ngại vật cho giác quan của xóm làng, lại thêm điều xấu hổ cho mẹ. Con xin ở lại đây để rửa lòng sám hối chờ ngày tha thứ của mẹ. Con luôn luôn nhận những hình phạt nào mẹ đặt cho con, để con trở về quê viếng mẹ, để sớm hôm hầu hạ mẹ lúc già nua. Đời con đã lỡ, nhưng sự hối hận đã dày vò tâm tư, con nguyện sẽ là một đứa con biết tìm đường ngay lẽ chính về sau. Con sẽ từ bỏ những gì xấu xa như nhớp, hầu tái lập một cuộc sống lương thiện hiền hòa.

Đề chấm dứt lá thư, một lần nữa con xin quì bên chân Mẹ sám hối lỗi lầm và nguyện cho Mẹ được nhiều sức khỏe.

Kính thơ
Con của mẹ,
Lệ-Tuyết





xiềng xích

✱ NGUYỄN-SỬ-SINH
(Kiên-giang)

HÃN, chính hắn, tên tội đồ không số của nhà giam thành kiến.

Đã hết rồi, tất cả và tất cả một đời trai đàn hồi vùi lấp vào hố thâm của cuộc đời.

Ai, mà còn ai nữa, mà hình như tất cả ai ai đều nhìn hắn với đôi mắt khinh bỉ và thì thầm nhau:

— Nó đó, tên lưu manh.

Hắn cúi đầu mặc cho số mệnh tàn nhẫn, một chút cay đắng dâng lên đôi khóe mắt, hắn hiểu lắm, những hành động của thuở đại khờ còn lưu lại một hậu quả tang thương; những dấu vết ấy hắn đã khinh bỉ và tự hện một cuộc sống lương thiện.

Nhưng...

Tại sao?... — hắn không hiểu

— xã hội hình như ghé tởm hắn, xem sự trở lại đường ngay của một du đảng chỉ là chuyện khôi hài.

Lắm lúc, hắn giận đời và ý nghĩ duy trì một nếp sống hoạt động, phiêu lãng — theo hắn nghĩ — Song, lương tri và nhân vị không cho phép hắn. Không, hắn không thể là kẻ dễ bị thời đại lôi cuốn, không là kẻ ham một chút danh-vị sau những vụ thanh toán.

Bàn tay của người thanh niên lắm lỡ đã quá nhàm những quả dấm dưng mảnh gom cả một sức lực kiên hùng của người trai đang lứa tuổi hăng say bột.

Mắt hắn đã quá quen thuộc những nụ cười gượng gạo, che

TIẾNG NÓI CỦA GÁI VÀ TRAI THẾ HỆ

dấu một cái gì mờ ám phình phờ. Hắn không khó chịu vì những khóe mắt ấy mà chỉ nhủ rằng đó là định-luật.

Nhưng, sau cái đêm trở về gia đình chịu tội với cha già, hắn thêm một lần ngậm đắng cay, người cha khắc nghiệt đã không tiếc lời xua đuổi.

Đời đã ruồng-rẫy hắn sau cái lỡ lầm của tuổi trẻ, hắn oán hận tất cả, cả đến cha hắn, người chung dòng máu mủ sau cùng, một người mà hắn đã van xin ở lại để sám hối những tội lỗi, một người mà hắn đã đổ lệ sau phút bị từ bỏ một cách lạnh lùng.

Hắn còn khóc, lương tri hắn vẫn còn, lòng hắn đã mềm trước câu phụ tử, mắt hắn còn biết thẹn khi nhìn gương và khối óc hắn đã vật vã tại vì hai chữ làm trai.

Rồi, trong cái bất nhẫn của một người, hắn lại bước lần vào lối cũ.

Thế nhân thêm một chuỗi cười dài đê nặng lên tâm sự đau thương của người du đảng.

Thời gian, không gian, xã hội ráp lại, a từng nhau, ngăn chặn hắn, dìm hắn xuống, lấp hắn lại như chôn vùi một con chó ghê, không cho hắn trở về chốn phạt, làm người, làm con và thiêng liêng

hơn, làm một người trai trong thời loạn.

Hắn trở lại, bàn tay nặng trĩu oán cừu, quả tim thành sắt đá và đôi mắt, một đôi mắt lạnh lùng như bắc cực.

Ồ! người đời, tình cảm, nhân vị. Đối với hắn giờ không còn gì cả, chém, giết, là lẽ sống.

Người đời với hắn là một đối tượng, tình cảm nó nhẹ hơn bông gòn và nhân vị là một danh từ thừa thãi.

Những cuộc thanh toán lại tiếp diễn, những cái tác quái bùng lên, kẻ bị xã hội ruồng rẫy vẫn lạnh lùng nổi tiếp oán hờn và những quả dấm vào những thách đố.

— Các người đã có công tạo ra ta, ta cảm ơn, nhưng tuổi trẻ ta có quyền làm lỗi. Chính các người không lái ta ra khỏi lối ấy và nặng nề hơn là các người đã khinh bỉ một kẻ mà lương tâm và bản phận đã trở về.

Hiện tại ta là một con sâu của xã-hội, sẽ làm như bản ô-ước, vì khắc nghiệt độc đoán không cho nó trở thành một con bướm trong vườn hoa.

✱

Ngày dấy chết trên vỉa hè, hoàng hôn vào thành phố bằng những cử chỉ dò xét, như thăm dò một lãnh vực.

(Kiên-Giang, 10-4-1963)

● ✱

★ HOÀNG-HUÂN
(Vĩnh-Bình)

Suốt một tuần nay em rất buồn
Em ngồi vo-vần một mình luôn,
Người người vui quá, nào ai thấu
Một kẻ đang sầu, ngẩn lệ tuôn...

Thôi hết, từ đây vắng bật rồi,
Chị "đi" (1) thôi nửa thế là thôi.
Còn đâu những phút ta chung sống
Những lúc cười vui, lúc đứng ngồi.

Chị đã "ra đi" (1) vẹn ước nguyện
Xứng danh con cháu của Rồng-Tiên
Giờ đây em quyết noi gương chị,
Nun đúc thù chung tận đáy Thiên

Chị ở tuyền đài có biết không?
Chiều em ra đứng ngắm mây hồng
Bùi ngùi nhớ lại bao hôm trước,
Cũng ở cảnh này ta ước mong.

Ước mong đôi đũa cứ chung lòng,
Dù có mai này cách núi sông.
Cũng vẫn một lòng thờ Tổ-Quốc,
Không vì phú quý hại Non-sông.

Dù có gặp nhiều bước hiềm-nan
Lòng nên sắt đá dạ không màng
Dù cho gian khổ không nao núng
Không biết sồn lòng, chẳng thờ than.

Mong ước toàn dân tiến-bộ mau,
Đừng lo ô-m-ấp mộng sang giàu,
Góp công xây dựng nền Dân-chủ
Không oán thù nhau, chém giết nhau...

Chị hỡi! Giờ đây đứng bên sông
Mình em, lệ thấm chảy đôi dòng.
Nhớ thương chị đã vì non nước
Xứng đáng làm con giống Lạc-Hồng!

(1) có nghĩa là chết, vì chiến đấu.

TAO
ĐÀN
BẠCH-NGÀ



★ NGUYỄN-THỤ-MINH
và TRẦN - TUẤN - KIỆT

THẢO-LUẬN 3

CHỦ NHẬT 12-5-1963

DỰ-THẢO : Tuệ-Mai, Phương-Đài, Trần-tuấn-Kiệt, Nguyễn-
Thu-Minh, Nguyễn-Vỹ, Trần-thanh-Đạm.

Chủ-tọa : TRẦN-TUẤN-KIỆT

MỘT bài thơ của
Tuệ-Mai, do Trần-tuấn-Kiệt
ngâm với giọng Nam, rồi chị
Tuệ-Mai ngâm với giọng Bắc.
Hai giọng ngâm khác nhau
nhưng bài thơ hay, ngâm
giọng nào nghe cũng hay.
Trần-Thanh-Đạm yêu cầu anh
Nguyễn-Vỹ ngâm một bài
trong Hoang-Vu.

Nguyễn-Vỹ : Tôi ngâm bài
Sương-Rơi theo lời Trương-

Từ đã dạy cho tôi ngâm.
Sau, anh ngâm tiếp bài Đồi-
bóng.

Nguyễn-Thu-Minh : Yêu cầu
anh Trần-thanh-Đạm cho nghe
một bài của anh.

Trần thanh Đạm : Tôi xin
đọc, chứ không biết ngâm,
bài Mồ hoang tôi mới làm.
Rồi anh cất giọng giống như
ông thầy đó, anh em cười
khúc khích, nhưng bài thơ
rất cảm động. Anh chị em

chăm chú nghe, vừa hết bài thơ, trời đổ mưa to. Tiếng mưa ồn-ào quá. Anh chị em kéo ghế xích lại gần nhau.

Trần-tuấn-Kiệt : Bây giờ chúng ta bắt đầu thảo luận. Xin nhường lời cho tác giả *Hoang-Vu*.

Nguyễn-Vỹ : Về điểm gì nhỉ?
Tuệ-Mai : Về hình thức thơ Bạch-Nga.

Nguyễn-Vỹ : Tôi xin nhắc lại chút ít lịch sử mới nhận định rõ vị-trí của thơ Bạch-Nga, và do đó mới thấy rõ thể thơ Bạch-Nga.

Danh từ « *Trường thơ Bạch-Nga* » chính thức xuất hiện mùa thu năm 1936. Trước đó 4 năm và sau đó 4 năm (1932-1940) có những tập thơ này ra đời :

1932 :

Mấy bài thơ cổ-phong biên thể của *Phan-Khôi* và *Tân-Đà*.

1933 :

Người sơn-nhân của *Lưu-trọng-Lư*, trong đó có mấy bài thơ đầu tiên của *Lư*.

— *Mấy bài thơ đầu tiên* của *Thế-Lữ*.

— Tập thơ « *Yêu đương* » của *Phạm-huy-Thông*.

1934 :

- « *Tập thơ đầu* » của *Nguyễn-Vỹ*.
- « *Anh Nga* » của *Phạm-huy-Thông*.
- « *Anh với em* » của *Lan-Son*.

1935 :

- « *Mấy vần thơ* » của *Thế-Lữ*.
- *Thơ tám chữ* của *Thao-Thao*.
- « *Tiếng địch sông Ô* » của *Huy-Thông*.
- « *Ngày xưa* » của *Nguyễn-Nhuộc-Pháp*.

1936 :

- « *Hận chiến trường* » của *Thanh-Tịnh*.
- « *Gái quê* » của *Hàn Mặc Tử*.
- *Trường thơ Bạch-Nga* ra đời :
- « *Chương dân thi thọa* » của *Phan-Khôi*.

1937 :

- « *Tân-Ngọc* » của *Huy-Thông*.
- « *Điều tàn* » của *Chế-Lan-Viên*.

1938 :

- « *Thơ Thơ* » của *Xuân-Diệu*.

1939 :

- « *Tiếng Thu* » của *Lưu-Trọng-Lư*.

1940 :

- « *Lỡ bước sang ngang* » của *Nguyễn Bình*.
- « *Lửa thiêng* » của *Huy-Cận*.

Phương-Đài : Còn trước 1932? *Nguyễn-Vỹ* : Trước 1932, chưa có « *Phong trào Thơ Mới* ». Các thi-sĩ lớp trước 1932 đều làm thơ Đường luật, hoặc Lục bát hoặc ca trù, hoặc các điệu cổ phong, từ khúc. Thực ra, « *Thơ Mới* » không phải đột nhiên mà có. Nó đã nức mầm ngay từ trong các bài từ khúc, cổ phong biên thể hồi 1932, đã phảng phất trong ít nhiều bài thơ của *Nguyễn-khắc-Hiếu*, của *Phan-Khôi* và của *Lưu trọng Lư* trong hai năm 1932-1933.

Những bài này không còn là *Thơ cũ* nữa, nhưng cũng chưa hẳn là *Thơ Mới*. Người ta đã thấy các nhà Thơ có dụng ý thoát khỏi hình thức cũ, tìm một nẻo mới, và đã « *mới* » được phần nào. Nhưng sự biến chuyển từ đây tiến triển rất nhanh chóng, các Thi sĩ trẻ tuổi năm 1932-1933 đã tiếm nhiệm Thi-ca của Pháp, đã bị

ảnh hưởng bởi các lỗi Thơ Pháp và kết quả hiển nhiên là sự dung hòa của các loại Thơ cổ phong của ta và thơ cổ điển của Pháp, thành ra « *Thơ mới* ».

Các bạn nên chú ý đến sự kiện lịch sử tôi vừa trình bày trên đây thì mới hiểu rõ trường hợp phát sinh ra « *Thơ Mới* » và tính chất của « *Thơ mới* » lúc ban sơ. Năm 1932, 1933, vài ba bài « *Thơ mới* » đã được đăng rải rác và dè-dặt trên một vài tờ báo ở Saigon và Hà Nội, chưa được đặc-biệt hoan-nghênh. Năm 1933, quyển « *Người sơn nhân* » của *Lưu Trọng Lư* ra đời ở Huế. Đó là một chuyện ngắn có hàm-ý-nghĩa triết-lý, và ở mấy trang « phụ-lục » có năm sáu bài « *Thơ mới* ». Cũng năm ấy, báo *Phong hóa* ở Hà-nội đăng mấy bài thơ đầu tiên của *Thế-Lữ*. Vào giữa năm 1933, *Phạm huy Thông* xuất bản tập thơ « *Yêu Đương* » đặc biệt theo thơ trữ-tình của Pháp.

Để nhấn mạnh ảnh hưởng của Thơ Pháp, tôi tưởng nên nói thêm rằng lúc bấy giờ *Thế-Lữ* là cựu học sinh trường Trung-học *Hải Phòng* lớp đệ tam niên vừa mới thôi học. *Lưu Trọng Lư* học lớp

đệ tam niên trường Quốc-học Huế cũng vừa thôi học, và Phạm Huy Thông, cựu học sinh trường Trung học Pháp Albert Sarraut, vừa thi đỗ Tú tài toàn phần, đang xin vào trường Cao-Đẳng Luật Khoa.

Phương Đài. — Còn anh ?

Nguyễn Vỹ. — Tôi cũng là một cậu học trò đồng lứa với Phạm Huy Thông, nhỏ hơn Lưu Trọng Lư và Thê Lữ vài ba tuổi... Thê-Lữ má cốp, người gầy, nhưng còn trẻ.

Phương Đài. — Hồi đó anh mấy tuổi ?

Trần Tuấn Kiệt (Chủ tọa) : Xin đừng ra ngoài đề... Yêu cầu «diễn-giã» nối tiếp (cười).

Nguyễn Vỹ : Tiếp theo đó, tháng 9 năm 1934, Tập Thơ đầu của tôi ra đời. Xin các bạn đề-ý trong hoàn-cảnh nào « Tập Thơ đầu » ra đời, trong đó đã đưa ra nguyên-tắc thơ Bạch-Nga.

Lúc bây giờ, rất nhiều những bài thơ của Thê-Lữ là lời thơ Cổ - phong biến-chuyển thành ra Thơ mới 8 chữ, như :

Gậm một khối cảm hờn trong
cũi sắt,

Ta nằm dài trông ngày tháng
dần qua

Khinh lữ người kia ngạo-mạn,
ngàn ngọ,
Giương mắt bé diều oai linh
rừng thăm...

Thơ Lưu trọng Lư có
khác hơn:

Năm vừa rồi
Chàng cùng tôi
Nơi vùng Giáp-mộ
Trong gian nhà cỏ
Tôi quay tơ
Chàng ngâm thơ

Hoặc là :

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thôn-thức.
Em không nghe rạo-rực
Hình ảnh kẻ chinh-phu
Trong lòng người cô-phụ ?

Ngoài ra, Thê-Lữ và Lưu-Trọng-Lư còn làm khá nhiều thơ Lục-Bát, hoặc tứ-tuyệt liên ngâm. Huy-Thông thì gần như bỏ hẳn Thơ Lục-bát, và làm theo lối thơ Tây nhưng chỉ một lối thơ độc-nhất 8 chữ, vần liền hoặc vần tréo.

Thơ của Thê-Lữ, Lưu-trọng Lư, Phạm-huy-Thông, theo

cái hình thức như trên, lúc bây giờ đã là mới lắm rồi, và thật sự đã được gọi là Thơ Mới.

Năm 1934, nghĩa là sau đó một năm, Tập Thơ Đầu của tôi ra đời với một hình thức tiến tới xa hơn nữa, cởi mở khuôn khổ rộng hơn, và lối gieo vần cũng khác. Như một vài đoạn thơ trích sau đây :

• 2 chữ, vần tự do (rimes lib.es), như bài *Sương rơi* :

Sương rơi
Nặng chiu
Trên cành
Dương liễu.
Nhưng hơi
Gió bắc

• 3 chữ xen lẫn với 2 chữ, hoặc 1 chữ, như trong bài « *Tiếng chuông chùa* » :

Bốn phương trời

• 4 chữ, vần tréo, như bài « *Nhớ ai* » :

Nhấn mây thui thui
Vẽ Phủ-Lạng-Thương
Hỏi rừng hỏi núi
Hỏi bóng tà dương
Và hỏi tất cả
Muôn vật tiêu điều,
Vắng đi đâu tá
Bóng người ta yêu ?

Sương sa,
Tiếng chuông chùa
Ngân nga
Trời lặng êm
Nghe rêm
Tiếng chuông
Rơi,
Thành thơ,
Êm dềm,

hoặc như trong bài « *Đêm tù nghe mưa* » :

Mưa róc-rách
Ngoài vách
Mưa luôn...
Suốt canh trường
Nhớ thương
Ngàn phương
Quê hương
Xa cách
Mưa ri-rách
Ngoài vách
Mưa tuôn...

Ta buồn buồn lắm
 Hỡi chiếc mây sâu
 Núi rừng thăm thẳm
 Mộng-Sơn ta đâu ?

} lắm đôi với thăm
 } sâu « đâu

(tập thơ đầu, 1934)

● hoặc 4 chữ, vần liền và vần cách xen lẫn nhau, như trong bài « Chim hấp hối » :

Ta cũng như chim
 Mang một trái tim
 Đau lịu tan tác,
 Nặng vết sâu thương
 Hết kiếp tợ vương
 Mà ta vẫn hát

} chim — tim
 } tác
 } thương — vương
 } hát

● hoặc 4 chữ xen lẫn với 3 chữ, 2 chữ như trong bài « Đêm nay xuân về » :

Đêm nay xuân về,
 Bốn bề,
 Vui xuân,
 Bốn bề
 Trần trề
 Ái ân.
 Nhặng đêm xuân về
 Lòng ta nặng nề,
 Rỉ-rả,
 Buồn bã
 Băng khuâng

● 5 chữ, vần tréo, như trong bài « Sao băng »... :

Đường Thiên-thai mờ tối
 Một vì sao chết oan,
 Một linh hồn đã trời
 Tiếng hận của thời gian...

} tối vẫn với trời
 } oan « gian

● hoặc như trong bài « Con chim trong tù » :

Em ca hát líu-lo
 Trong mây ngàn gió nội
 Chàng say sưa tự do
 Trong cuộc đời gió bụi

} lo vẫn với do
 } nội « bụi

Em vẫy vùng non nước
 Chim của trời muôn phương
 Chàng mãi mê cất bước,
 Người của gió muôn hương,

} nước vẫn với bước
 } phương « hương

● hoặc như trong bài « Tiếng Việt » :

Tiếng ta như gió mới
 Dân ta như con thuyền
 Buồm căng bay phất-phới
 Mang sự-nghiệp Rồng-Tiên
 Bơi đua cùng thế-giới
 Khắp phương trời mông-mênh
 Dân ta càng quật-khởi
 Tiếng ta càng vươn lên
 Dân ta ngày tiến tới
 Tiếng ta ngày vang lên !

} mới vẫn với phới
 } thuyền « tiên
 } giới — khởi — tới
 } mênh — lên — lên

● hoặc 5 chữ, vần liền và vần cách xen nhau, như trong bài « Nã-phá-luân » :

Trong giây phút mê man
 Vũ trụ đều tiêu tan
 Tôi, nàng, trên manh chiếu
 Ôm nhìn nhau lặng thinh
 Chỉ khẽ gọi nhau : « Minh ! »
 Tiếng nhạc lòng muôn điệu.

} man — tan
 } chiếu
 } thinh — minh
 } điệu

• hoặc 5 chữ, xen lẫn với 4, 3, 2 chữ, như trong bài «Đôi bóng» :

Ai tương tư trên lầu.
Phải người yêu thơ ?
Tóc sầu.
Buông tơ,
Mắt sầu
Buông mơ
Nhìn sao Mai,
Hỏi ai,
Chờ ai,
Bên cầu ?
.....
.....

• 6 chữ, vần ôm, như trong bài «Mối tình đầu» :

Lần đầu hai ta hôn nhau, Đứng so đôi trên cành dâu, Một cặp bồ-câu trắng gáy, Ái tình ru trong tim ta, Ta sẽ yêu nhau đến già Như cặp bồ-câu trắng ấy.	}	nhau	vần	với	dâu	gáy
.....		ta,	«	già	ấy	
Nhưng em nhìn anh không vui, Hỏi anh: « Người yêu em ơi... Ngày ta yêu nhau được mấy? » Anh cười chỉ lên cành dâu: « Đôi ta sẽ không rời nhau Như cặp bồ-câu trắng ấy »	}	vui	vần	với	ơi	mấy
.....		dâu	«	nhau	ấy	

(TẬP THƠ ĐẦU — 1934)

hoặc 6 chữ vần cách, như trong bài «Tiếng sáo đêm khuya»:

« Tiếng sáo vi-vu đêm thu Nào-nùng thê-lương chi bấy Tiếng sáo êm-ru âm-u Lòng ta dề-mê tê-tái.	}	thu	vần	với	u
Người thổi sáo ơi ai đây? Đêm khuya gió lạnh, trăng tà, Băn khoăn b. o niềm ân-ái Nhớ nhung man mác người xa.		bấy	«	tái	
.....	}	đây	vần	với	ái
.....		tà	«	xa	

• 7 chữ vần liền, như trong bài «Gửi Trương-Tửu» :

Nay ta thêm rượu, nhớ mong ai,
Một mình rót uống chẳng buồn say,
Trước kia hai thẳng hết một nậm
Trò chuyện dong-dài mặt đỏ xẫm
Nay một mình ta một be con
Cạn rượu rồi thơ mới véo-von.

hoặc 7 chữ, vần cách, như trong bài «Tái biệt» :

Đêm nay mưa gió tắt Trăng Sao,
Trời giữa mùa Thu không ánh sáng
Đêm nay lòng ta gió lao-xao.
Bừng dậy bao nhiêu nắng dĩ-vãng.
Những sao chết yểu dưới mờ xuân.
Lơng lạnh hiện về trên nắm tóc,
Men hồng úa lịm trên môi tân
Ngào ngạt bốc lên hương gió lốc.
Ai lên Thiên-Thai tìm lạc lối
Đêm nay trăng Thu về Hư-Vô ?
Có một linh hồn trong bóng tối
Ngồi ôm ánh sáng mãi đơn cô.

(BÀI NÀY TRONG THÌ TẬP
HOANG-VU II, CHỮA IN)

● 8 chữ, vần cách, như trong bài « Đêm sáu về » :

Ta muốn được những cánh tay êm thắm,
Ru hồn ta như đứa trẻ trong nôi.
Một quán trọ trong lòng ai êm-ấm
Khi lạc-lạc trên nẻo vắng xa-xôi

hoặc 8 chữ, vần liền vần cách xen nhau, như trong bài
« Hoa niên ca » :

Vui lên đi, hỡi các em trai trắng,	} trắng —	dáng
Vui lên đi, hỡi các em duyên dáng,		sông
Ói vinh quang hãnh diện của Non-Sông	} sáng —	làng
Tuổi các em là bầu trời tươi sáng		mông
Hồn các em là nhạc thơ lai láng		
Lòng các em là mây gió mênh mông		

Và những bài thơ 9 chữ, 10 chữ, v.v. liền, vần cách, hoặc vần ôm, tùy theo cảnh vật, tùy theo thi-hứng, tùy theo xúc cảm của tâm hồn, cho đến thơ 12 chữ, được dùng mỗi khi đứng trước cảnh vật hùng-vĩ bao-la, thi hứng dồi-dào, cảm xúc mãnh-liệt...

Nhưng nói đến thơ 12 chữ tôi thấy cần phải nói nhiều lắm, có lẽ để kỳ sau thì hơn.

Trần Tuấn Kiệt. — Vâng, hôm nay cũng đã tôi rồi.

Phương Đài. — Thơ Bạch-Nga, từ 2 chữ đến 8 chữ anh đã đưa ra những đoạn thơ rõ ràng, đầy đủ. Riêng về thơ 9 chữ đến 12 chữ, để gát lại kỳ tới.

Trần Tuấn Kiệt:— Anh em đồng ý ?

Tuệ Mai: — Đồng ý.
Nguyễn thu Minh:— Xin đề nghị «diễn-giải» chép mấy bài thơ Bạch-Nga vừa đọc, từ 2 đến 8 chữ, trên bảng đen để dễ thảo luận.

Nguyễn Vỹ lầy phân chép lần lượt từng bài.

Cuộc thảo luận tiếp tục rất thân mật và hào hứng.

Trước khi chấm dứt cuộc thảo luận, Trần Tuấn Kiệt ngâm một bài thơ của Nguyễn Thu Minh và ngâm một bài của Hỷ-Khương.

Bê mạc vào lúc 7 giờ 30.

● NGUYỄN THU MINH
và TRẦN TUẤN KIẾT

chỉ cách
một giòng sông Thương yêu gửi người chi
độc nhất bên kia bờ vĩ-tuyến

TÔN - NỮ' HỖ - KHƯƠNG
(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)

- ★ Ra đi từ dạo ấy...
Thấm thoát đã mười năm.
Không một lần trông thấy,
Không một lời viếng thăm !
- ★ Chị hỡi ! Vì đâu nên nỗi thế ?
Vì đâu âm tín bật mù tăm !
- ★ Từ biển Đông sang Tây,
Từ trời Âu sang Á.
Tin tức vẫn mỗi ngày,
Có ngại chi đường sá
- ★ Dầu xa xuôi cách trở nghìn trùng...
Mà đây: chỉ cách một giòng sông !
Con sông bé nhỏ hiền lành,
Cùng chung mạch nước ai đành rạch đôi ?
- ★ Chị một nơi, em một nơi,
Người bên góc bể, kẻ chân trời.
Đau thương nhớ mãi ngày ly-biệt,
Lệ ứa tràn mi, thấm mặn môi !
- ★ Chiều nay nhìn giải mây trôi,
Ngập-ngừng... em viết vài lời thân yêu.
Nhờ mây nhả gió chiều mang đến,
Tận nơi người chị mến phượng xa.
- ★ Rằng: « Đây tin tức quê nhà,
« Kể từ năm tháng sơn hà chia đôi ».
- ★ Sầu dâng đầy khóe mắt,
Nói ra những nghẹn lời.
Gió thu về hiu hắt,
Tình mây nước chơi vơi...
- ★ Nước mây còn biết vui sum họp,
Sao chị cùng em nở tách rời ?
Đau lòng em lắm chị ơi !
Thiệt tha em gửi mấy lời nhớ thương.
- ★ Đêm nghe sủng vọng sa-trường,
Giật mình thức giấc em thường xót xa.
Nghĩ thầm: cũng chị mà ra...
Và em ở đó... hai ta chung giòng...
- ★ Chỉ vì cách một con sông !

sáng thức dậy

ở thôn quê

NGUYỄN-VĂN-CỐN (Paris)

(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)

- * Sáng nay c i n r i u-rít
Và ánh sữa bình minh
Vội vã đánh thức mình
Trong mộng ngàn xạ tí.
- * Cây vườn vươn vai
Quạt lau phe-phây,
Hoa vườn thức dậy
Điềm tâm sương mai.
- * Gió chạy đến đem theo mùi hương đại
Trong bầu Xuân, men-luyến ái gợi tình
Cánh họa tươi căng nhựa thoảng hương trinh
Duyên chớm nở khi cánh tình chờ đợi,
Che hồn mai mây dựng thành cao vợi
Bên khóm rừng thức dậy chuyền mình xanh.
Đêm qua tôi đã gặp mình
- * Sáng nay mở mắt ra hình chiêm bao,
Bình minh khóa cửa động đào
Xung quanh tôi lại hàng rào trần ai.
-
- * Mặt sao mai lọt lọt
Sao nghiêng mình đi xa
Hồn tôi còn ngỡ ngác,
Vì giấc mộng đêm qua
Vẫn còn để lại
Những vòng tóc rối
Những cánh tay mềm
Làn môi hình trái tim
Má đào tơ ửng hồng
Và nụ cười an ủi
Của người bấy lâu nay tôi chờ đợi.
Thời để hồn tôi im lặng!
- * Giữa quầng trời xanh xây mộng,
Trong lòng đêm mộng mênh,
Sao dặng đèn ngọc xanh
Mây nhẹ nhàng khép cửa
Vũ-trụ của đôi ta.
-
- * Mặt trời trên ngọn rừng xa
Đầy phồng ánh sáng xoa nhòa chiêm bao.

đôi

NGUYỄN-VỸ

(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)

- *
* Trời u-ần lấp sầu trên đỉnh-trán,
Lạc nẻo về e-ấp mộng-đào-nguyên.
* Đâu băng-khuông nhạc reo mừng Trăng-sáng.
* Gió Lam-kiều ngào-ngạt ánh tờ duyên.
*
* Ta mở cửa, phải khu trời Vạn-Hạnh
* Trăng không tàn mà hoa cũng không trôi,
* Cho ta say trong ngọt-ngào hiu-quạnh :
* Một Không-tàn, chỉ Một mãi-không-thôi ?
*
* Phải thần-tượng thiêng-liêng mơ vạn cổ
* Trăng Diệu-huyền ngây-ngất mộng thiên-thu ?
* Trên vôi gạch những ngôi đèn sụp đổ
* Đâu tháp ngà cho Đôi-Bóng hoang-vu ?
*



★ ANTON TCHEKHOV

● VŨ - MINH - THIỀU dịch

Anton Tchekhov, sinh trưởng tại thành phố nhỏ Taganrog, cha bán thực phẩm, ông nội trước là nô lệ. Đời sống của anh em Tchekhov thật vất vả. Sớm dậy từ gà gáy, làm việc suốt ngày, đến 11 giờ khuya cửa hàng mới đóng. Cha quá nghiêm khắc, cấm cả bọn trẻ chơi đùa. Ông thường nói : « Không có chủ, hàng hóa khóc ». Về sau Anton viết : « Trong thời thơ ấu của tôi, tôi không có tuổi thơ ấu... Tôi là một đứa trẻ nghèo khó, bán những cây nến dẹt sau quầy hàng ở Taganrog. Trời ơi ! ở đó mới rét làm sao !. » Nhưng cũng vì ở đấy, ông được tiếp xúc với đủ hạng người; sau này là kiêu mẫu cho các nhân vật các truyện của ông. Nào là thợ, phu bốc hàng, thủy thủ, lái buôn Hy-lạp, Do-Thái, những gã đánh xe ở Ukraine đến Taganrog lấy đủ thứ hàng, tu sĩ cùng những người đi hành hương ở núi Athos, tất cả những hạng người này đều tạt qua cửa hàng thực phẩm nhỏ bé của gia đình Tchekhov, làm giàu thêm sự quan sát và tự vưng của cậu bé. Trong hoàn cảnh cơ cực đó, Tchekhov chăm chỉ học sau đậu bác sĩ, nhưng vẫn hướng về văn nghệ. Ông viết kịch và truyện ngắn, người ta ví ông như một họa sĩ chuyên phác các bức tranh nhỏ tuyệt đẹp và tôn ông là bậc « thầy » các nhà

văn viết truyện ngắn trong văn học sử Nga về thế kỷ XIX. Nước Nga, dưới ngòi bút ông hiện ra rõ ràng, biến hóa ra nhiều màu sắc hơn là dưới ngòi bút của Gréboedov, Gogol, Tourgueniév hay Tolstoi. Qua tác phẩm của ông, người ta có thể phác lại đến các chi tiết bức họa đời sống người dân Nga trong các năm 1880-1900. Với óc quan sát rất tinh tế, ông đã thấu hiểu tận đáy cũng kín đáo, tâm hồn bí hiểm của người và vật. Mặc dầu yếm thế, ông vẫn tin tưởng con người sẽ cải thiện, đời sống sẽ tươi đẹp và sung sướng hơn. Ông mất năm 1904 tại Ialta, về bệnh lao, trong một ngôi nhà sơn trắng, rất yên tĩnh, trên bờ Hắc hải, mới có 44 tuổi.

★

TRỜI thoát đầu đẹp, yên tĩnh, chim sáo nhầy nhót và trong những cánh đồng lầy ở gần đó một sinh vật rì rầm than thở, tưởng như ai thổi vào một chai không. Một con rẽ bay qua, tiếp ngay một tiếng súng dội lại, ngân nga trong tiết xuân. Nhưng khi bóng hoàng hôn ngã xuống khu rừng, một cơn gió lạnh từ phương đông thổi lại, thật khó chịu thì cảnh vật lại yên lặng. Những vũng nước lại chom chồm những chớp nhọn băng tuyết, khu rừng trở thành âm u vắng vẻ.

I - văng Vê-ly-cô-bôn-ki, sinh viên ban thần học, con viên giáo sĩ trợ tế, đi sẵn về theo con đường nhỏ trên cánh đồng cỏ, úng thủy về mùa nước lên. Tay chàng cóng lạnh, gió thổi làm tê buốt mặt chàng. Chàng thấy tiết trời trở lạnh đã phá tan cả trật tự và cảnh êm đềm, tạo vật như kính hải, nên bóng chiều cũng ngả sớm hơn thường lệ. Xung quanh đều kín đáo và càng rừng rợn. Riêng chỉ còn ngọn lửa lấp lánh trong vườn rau mấy người đàn bà góa ở vệ

sông : ở xa, và ngay ở nơi, cách đây bốn « véc » (1), có thôn xóm, mọi vật đều chìm đắm trong màn sương lạnh; buổi chiều. Chàng sinh viên sực nhớ khi chàng đi, mẹ chàng ngồi ở phòng trước, chân không, đang cọ chiếc ấm, cha chàng ngủ gục lơ sơi và đang ho ; vì nhằm ngày thứ sáu tuần Thánh, cơm nước không làm gì, nên chàng còn cào đói. Chàng co quắp vì đói rét, liên tưởng tới ngọn gió lạnh cũng như luồng gió này thổi vào thời kỳ những vị anh-hùng Ruy-ric (2), I-văng khủng khiếp, Pi-e đại đế, vào thời kỳ những vị này, đói rét, nghèo khổ cũng hoành hành dữ dội như bây giờ, cũng những nóc nhà tranh thủng dột, sự ngu dốt, nỗi lo sợ, cảnh vắng vẻ quanh hiu ở quanh vùng, cũng những bóng tối tăm và cảm giác áp chế : tất cả những sự khủng khiếp đó đã

(1) Verste : đơn vị đo đường ở Nga khi xưa, dài 1.067 thước.

(2) Rurik : một vị anh hùng trong dã sử Nga.

điễn ra, nay còn diễn lại mãi, ngàn năm trôi qua, đời sống vẫn không khác hơn. Nghĩ vậy, chàng không muốn về nhà nữa.

Vườn rau của mấy người đàn bà góa, gọi như vậy vì do hai góa phụ, mẹ và con trồng trọt. Ngọn lửa họ nhóm bốc cháy, nổ lộp độp, ánh lửa tỏa ra quanh vùng đất cây cối. Mụ già Vàn-sĩ lý-sa, cao và mập mặc chiếc áo lột bông ngắn của đàn ông, mặt đăm chiêu, đứng gần nhìn ngọn lửa; người con, Lư-kế-di, nhỏ bé, mặt đỏ, về ngó ngán, ngồi phệt xuống đất đang rửa nồi và bát đĩa. Trông cũng biết họ vừa ăn cơm chiều xong. Có tiếng đàn ông, đó là bọn thợ ở trong vùng thả ngựa xuống sông uống nước.

Chàng sinh viên đến gần ngọn lửa và nói:

— Mùa rét trở lại. Kia chào bà.

Mụ Vàn-sĩ lý-sa giật mình, nhưng khi nhận ra chàng, mụ mỉm cười và niềm nở:

— Ta không nhận được anh, cầu Thượng-đế phù hộ cho Anh. Anh sẽ giàu đấy! (1)

Hai người bắt đầu nói chuyện. Mụ Vàn-sĩ lý-sa là một người đàn bà từng trải, trước làm nhũ mẫu, sau làm vú già, lời nói dịu dàng, luôn luôn mỉm cười hiền hậu, mụ chăm chú nhìn chàng sinh viên; con gái mụ, Lư-kế-di, trái lại là một góa phụ chưa từng bước chân ra khỏi làng, trước kia bị chồng đánh đập đến hóa ra đàn độn, chỉ biết lắng

tai nghe, chăm chú nhìn chàng sinh viên, không nói một lời nào, về mặt kỳ quặc, chẳng khác gì một người vừa cảm vừa điếc.

Chàng sinh viên giơ tay hơ vào ngọn lửa và nói:

— Cũng vào một đêm lạnh như đêm nay, giáo đồ Pi-e sưởi ấm gần lửa. Trời rét lắm. Bà già ạ, đêm đó kinh khủng hết sức. Một đêm rất dài và buồn tẻ!

Chàng nhìn bóng tối xung quanh, lắc đầu và nói tiếp:

— Tôi chắc bà vừa đi nghe mười hai bài Phúc âm.

Vàn-sĩ lý-sa trả lời:

— Phải, đúng thế.

— Nếu bà còn nhớ, trong bữa ăn cuối cùng, Pi-e nói với đức Giê-su: « Con sẵn sàng theo thầy vào ngục hay đến chết cũng được ». Đức Chúa liền nói: « Pi-e, ta bảo cho mi biết, trước khi gà gáy đêm nay, mi sẽ chối từ ba lần. » Sau bữa ăn, trong vườn ô-liu, Giê-su cảm thấy lo âu phiền muộn muôn vàn. Người liền đọc kinh, chàng Pi-e khốn nạn nao lòng, cảm thấy mệt mỏi, mất năng và buồn ngủ. Rồi chàng ngủ thiếp đi. Bà già đã biết, chính trong đêm đó, Ju-đa hôn Giê-su rồi nộp Chúa cho quân đao phủ. Họ dẫn Chúa, hai tay trói, đến viên đại tư tế, vừa đi,

(1) theo tục lệ Nga, không nhận được người quen là điềm sau này người đó sẽ giàu có.



họ vừa đánh. Pi-e vừa mệt nhọc, vừa bị lo âu, phiền não cắn rứt, như bà đã rõ, chưa ngủ được đầy giấc, linh cảm có chuyện gì khủng khiếp sắp xảy ra trên trái đất liền theo Chúa... Chàng yêu Chúa đăm thắm thiết tha và nay ở xa trông thấy họ đánh người...

Lư-kế-di bỏ thìa đĩa xuống và chăm chú nhìn chàng sinh viên. Chàng nói tiếp:

— Mọi người đến nhà viên đại tư tế. Người ta chất vấn Giê-su và trong lúc này những người làm công đốt lửa ngoài sân để sưởi vì trời rét. Pi-e đứng gần lửa, giữa những người làm công cùng sưởi, như tôi lúc này. Một người đàn bà trông thấy chàng liền nói: « Tên này cùng bọn với Giê-su, có ý nói cần phải chất vấn chàng. Tất cả mọi người đứng xung quanh ngọn

lửa đều nhìn chàng ngờ vực và nghiêm khắc, chàng bối rối và nói: « Tôi không biết hẳn. » Một lúc sau, lại một người khác nhận diện chàng là một giáo đồ của Chúa liền nói: « Mi nữa, mi cũng là đồ đệ của hắn. » Nhưng lần nữa, Pi-e lại chối. Lại lần thứ ba, một người nữa nhìn Pi-e và bảo: « Có phải ta đã gặp mi đi trong vườn với hắn không? » Lần thứ ba, Pi-e chối. Sau lần này, gà gáy và Pi-e trông thấy Giê-su ở đằng xa, chàng bỗng nhớ lại Chúa trong bữa cơm... Chàng nhớ lại, ăn năn, bước ra sân và khóc thảm thiết. Trong Phúc âm có ghi: « Rồi chàng đi ra và khóc thảm thiết. » Tôi như trông thấy cảnh đó ở đây: một thửa vườn yên tĩnh, đen tối và trong sự yên lặng, nghe thấy những tiếng khóc nghẹn ngào...

Chàng sinh viên thở dài và trở nên trầm ngâm. Vân-sĩ-lý-sa trước vẫn mỉm cười bông nở nở khước, giọt lệ lăn chã tuôn rơi trên gò má, mặt lấy tay áo che mặt, như hổ thẹn đã khóc. Lu-kê-di vẫn chăm chăm nhìn chàng sinh viên, bỗng mặt đỏ bừng, vẻ đau đớn, như cổ họng nén một nỗi khổ tâm dữ dội.

Bọn thợ ở bờ sông về, một người trong bọn cưỡi ngựa đã tới gần, ánh lửa nhấp nháy rơi sáng hẳn y. Chàng sinh viên chào hai mẹ con cụ già và ra về. Chàng lại bước vào cảnh tranh tối tranh sáng, ngón tay công buốt. Gió thổi mạnh, chác chác rét trở lại, tưởng như lúc này không phải sắp đến ngày lễ Phục-sinh nữa.

Giờ này, chàng nghĩ đến cụ già Vân-sĩ lý-sa. Nếu cụ nở cười, vì tất cả những việc xảy ra cho giáo đồ Pi-e trong cái đêm hãi hùng đó có liên hệ với cụ.

Chàng quay đầu lại. Lò than đơn độc yên lặng nhấp nháy trong cảnh nửa tối nửa sáng, không còn ai ở xung quanh đó nữa. Chàng lại nghĩ nếu Vân-sĩ-lý-sa khóc và con cụ tỏ vẻ bối rối thì chắc chắn là việc xảy ra cách đây mười chín thế kỷ có liên hệ với hiện tại, liên hệ với hai góa phụ kia, và có lẽ với cả xóm làng hủi quanh này, liên hệ cả với chàng, với cả nhân loại nữa.

Nếu cụ già khóc, không phải vì chàng nói chuyện có tài làm rung động giây tình cảm của cụ, nhưng vì giáo đồ Pi-e đã ở gần cụ và tất cả tâm trí cụ đều hướng về những sự việc xảy ra trong tâm hồn vị giáo đồ kia.

Rồi một niềm vui tràn ngập lòng chàng, chàng ửng bước dễ thở. Chàng nghĩ dĩ vãng đã ràng buộc với hiện tại bởi một chuỗi giây biến cố liên tiếp, việc này phát sinh ra việc nọ, và trong giây phút thoáng qua, chàng đã nhận thấy hai đầu chuỗi giây đó. Chàng tới đầu này thì đầu kia rung động.

Trong lúc chàng xuống đò qua sông và leo lên đồi, mắt chăm chăm nhìn làng mạc mình và cảnh hoang hờn mà một giải đồ mong manh tỏa ra ánh sáng mờ mờ lạnh lẽo thì chàng lại nghĩ đến chân lý và vẻ đẹp đã chi phối đời sống của nhân loại ở nơi kia, tại vườn « Ô-liu » và trong san vị đại tư tế, đã lưu truyền đến ngày nay và theo bề ngoài mà xét đã cấu tạo chủ yếu đời sống của con người và nói chung của cả nhân loại nữa. Một cảm giác vui trẻ, khỏe khoắn, chàng mới hai mươi hai tuổi, một hạnh phúc êm dịu khôn tả, một hạnh phúc mới lạ, bị hiềm tràn ngập tâm trí chàng, chàng thấy đời sống tung bừng, tuyệt diệu, đầy một ý nghĩa cao cả.



Mình đi!



ƠI...MÌNH ƠI... MÌNH ƠI... MÌNH ƠI... MÌNH ƠI...

CHÌEU thứ Bảy trời giông tố, bà Tú đang ngồi nướng bắp cạnh một lò than kê trong phòng ngủ, bỗng một tia chớp xoẹt trên nền trời, tủa ra một làn điện sáng rực, kể tiếp một tiếng sét nổ « ầm ! » chát-chúa làm bà Tú kinh-hồn hoảng-vía. Bà quăng cả bắp, nhảy vọt lên giường nằm kéo chăn trùm kín cả người.

Ông Tú từ nhà tắm đi vào, trông thấy khác thường, đến gần giường hỏi :

— Em làm sao thế, em ?

Ông Tú kéo chăn ra, thấy bà nằm sấp xuống giường, hai ngón tay nhét-chặt vào hai lỗ tai, mắt nhắm riết. Ông vừa cười rồ lên thì một tiếng sét thứ hai nổ to hơn tiếng lúc nãy, liền tiếp những tiếng sấm ầm-ầm vang rền cả trời đất. Bà Tú lật-dật thò tay ra kéo chiếc gối che kín lại cái đầu.

Ông cười ngạo bà Tú, vừa hát gỏi ra ôm bà ngồi dậy :

— Nào, em tôi ngoan lắm ! Bớ cái ông Thiên-lôi đem sấm sét đánh ai đầu mà làm em tôi sợ hết hồn !

Bà Tú đưa lên bàn tay nõn-nà bịt miệng ông Tú. Ông vẫn cười, đỡ bà xuống sàn :

— Nào, hai đứa mình nướng bắp ăn chơi. Sét nổ kệ nó, chớ sợ !

— Minh ngồi đây với em nhé... Ngồi kê sát vào em đi.

— Sao em sợ sấm sét thế ? Thế mà em cứ bảo có anh thì em khỏi sợ gì cả.

— Bây giờ có Minh ngồi với em, em hết sợ rồi.

— Tại sao em sợ tiếng sét thế ? Em sợ nó từ hồi nào ?

— Từ hồi em 10 tuổi. Năm ấy nghỉ hè, em về chơi quê Ngoại, một buổi chiều em ra bờ suối ngồi coi ông Ngoại câu cá, trời sắp giông tố, mây đen bao phủ cả vòm trời, Ngoại và em vội vàng đi về thì giữa đường trời chớp và sấm nổ ầm-ầm rồi một tiếng sét kinh khủng đánh xuống một đứa bé ngồi trên lưng trâu ở giữa đồng. Cả đứa bé lẫn con trâu đều lăn ra chết tươi, cách ông Ngoại và em chừng một trăm thước. Em té xỉu bên ông Ngoại, Ngoại phải bế em chạy về nhà, đốt lá chồi xè hơ cho em mãi em mới tỉnh lại. Từ đó hễ mỗi lần nghe tiếng sét đánh như lúc nãy là hồn vía em bay lên mây.

Ông Tú cười :

— Nếu em sống với Trịnh Giang thì hợp nhau lắm nhỉ !

— Trịnh-Giang nào ?

— Trịnh Giang là Chúa nhà Trịnh (1729—1740) dưới triều Vua Lê Duy Phụng. Hắn là một vị Chúa rất hung ác nhưng lại sợ Sấm Sét đến nỗi phải đào hầm ở trong nhà mỗi lần nghe tiếng sấm là lật-dật chạy xuống hầm trốn.

MÌNH OI !

— Thật hả, Minh ?

— Trong Sứ chép thế. Em có muốn anh đào cái hầm trong nhà này không ?

— Minh không thương em, còn ngạo em hoài !

Ông Tú cười, vuốt ve bà Tú :

— Anh đùa chút chút chơi mà...

Ông Tú hôn trên đôi má bà Tú để xin lỗi. Bà nói tiếp :

— Tại lúc nãy Minh ở ngoài phòng tắm, bỏ em một mình trong này em mới sợ tiếng sét ấy chứ... Dù sao, em vẫn bị cái ám ảnh đứa bé chẵn trâu bị sét đánh, Minh à. Tại sao sét lại đánh nó, hả Minh, trong lúc còn nhiều người khác cũng từ các đồng ruộng chạy về nhà, cùng đi một con đường mà không ai bị sét đánh ? Ông Ngoại bảo chắc là thằng bé chẵn trâu có làm điều gì thất đức mới bị Trời sai Thiên-Lôi đem búa tầm-sét xuống "hoành" nó, có phải vậy không, Minh ?

Ông Tú cười :

— Em tin chuyện ông Ngoại nói như thế ?

— Em không tin, nhưng em cũng không hiểu tại sao có sấm có sét. Minh giảng cho em nghe.

Ông Tú khẽ nắm tay bà Tú đứng dậy :

— Em ra cửa kiến đề anh chỉ đám mây đen kia cho em xem. Em ngó kỹ đám mây đen thui đen thui đang chườn nơi góc trời kia, đó là mây Cumulo-nimbus. Những khối mây đó chứa đầy điện tích (charges électriques) có

một điện-thế (potentiel électrique) rất mạnh. Thường thường ở trên đầu mây là điện dương (+ positif) và ở chân mây phía gần mặt đất là điện âm (-, négatif). Có 4 trường hợp mà hai luồng điện âm dương chạm nhau thành chớp :

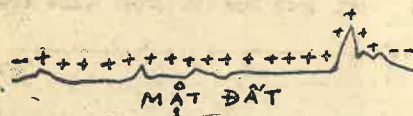
1) Hoặc ngay trong một đám mây, hai làn điện âm dương chạm nhau, 2) hoặc điện dương của đám mây này chạm với điện âm của đám mây khác, hay trái lại. 3) hoặc điện âm của mây chạm với điện dương trên mặt đất, 4) hoặc điện dương trên mặt đất chạm với điện âm trên mây. Lúc



trời quang mây tạnh, trời xanh mây trắng, mặt đất thấp chỉ có điện âm (—) rất yếu thôi, không va chạm được với điện âm ở chân mây. Nhưng ở những nơi cao chừng vài chục thước, điện tích trữ mạnh hơn và đổi thành ra điện dương (+), như ở những ngọn tháp, gác chuông nhà thờ, ống khói các xưởng máy, ngọn cây cao, v.v..., tạo thành điều kiện thuận tiện cho sự đụng chạm với điện âm (—) của mây khi gặp sức điện quá mạnh của những đám mây nimbus hoặc cumulo-nimbus (tức là mây giông) bay thấp xuống gần mặt đất. Sự đụng chạm ấy xoẹt ra thành lửa, mà ta gọi là chớp (éclair) đồng thời gây ra tiếng vang lớn, tức là sấm (tonnerre).

— Còn sét là gì ?

— Sét, chính là cái điện của lần chớp va chạm xuống mặt đất, mà ta gọi thông thường là sét đánh. Em có để ý đến điều này không, là ta thấy chớp lòe ra trước rồi sau đó ta mới nghe tiếng sấm vang.



— Tại sao thế, Minh ?
— Tại vì từ chỗ điện chạm trên mây lòe ra tia chớp cho đến chỗ ta đứng là một khoảng cách khá xa, mà âm thanh chỉ truyền với tốc lực 340 thước mỗi giây đồng hồ, cho nên ta thấy chớp lòe rồi sau đó bốn năm giây đồng hồ ta mới nghe sấm.

Thí dụ vừa thấy có tia chớp trên mây, ta đếm 1, 2, 3, 4, 5 rồi mới nghe tiếng sấm, tức là tiếng sấm ấy đã đi : $340 \text{th} \times 5 = 1700$ thước. Em hiểu không ?

Bà Tú vừa gạt đầu nói "hiền", thì giữa hai đám mây đen ngòm cũng vừa lòe ra một tia chớp. Ông Tú liền đếm : 1, 2, 3, 4, thì vừa có tiếng sét nổ "ầm!". Ông Tú bảo :

— Tiếng sét vừa rồi đã nổ : $340 \text{th} \times 4 = 1360$ thước cách đám mây kia.

— Minh ơi, có một điều mà em không hiểu, cứ thắc-mắc mãi, là em tưởng sét đánh những ngọn cây cao, hoặc những nóc nhà cao, chứ chẳng bẻ chần trâu, sao cũng bị sét đánh ?

— Thăng bé bị sét đánh vì những trường hợp sau đây :

1) Thăng bé đi giữa cánh đồng không có cây cao.

2) Nó ngồi trên lưng con trâu, nó là mục-phiêu cao nhất ở giữa cánh đồng thấp, và ngay dưới một đám mây đen nặng trĩu những điện lực đang tăng cường, đang hút những luồng không

khí ở cánh đồng lên, gây ra một luồng điện dương trên mặt đất và trên đầu thăng bé, hoặc trên cái nón của nó. Hai luồng điện âm đang mạnh (của đám mây đen) và điện dương (của mặt đất và trên đầu thăng bé) đều bị tăng cường cho nên nó nổi ngay nơi cái chớp cao ấy thành ra nó bị "sét đánh". Em nên hiểu rằng có những luồng sét từ trên trời « đánh » xuống (trường hợp điện lực chạm nhau trên mây) và cũng có những luồng sét « đánh » ngay từ dưới đất như trường hợp thăng bé chần trâu.

Người ta đã ghi nhận trên đỉnh tháp Eiffel ở Paris có 80% sét « đánh » từ đỉnh tháp lên mây, chứ không phải từ trên mây « đánh » xuống.

Ông Tú đưa bà Tú trở lại chỗ lò than nướng bắp ở giữa phòng, ông nói riếp :

— Cho nên, khi trời giông tố, đang có sấm sét vang rền như mấy buổi chiều và mấy đêm nay, nếu ta đi ngoài đường thì không bao giờ nên đứng dụt mưa hay trốn tránh dưới gốc các cây cổ thụ cao lớn, hoặc các nơi có ống khói thật cao. Nếu ta đang ở giữa đồng trong lúc sấm sét thì nên ngồi xuống các bờ ruộng hoặc nằm sấp xuống đất, chứ tuyệt nhiên không nên chạy, hoặc nấp dưới gốc cây. Ta ở trong nhà, nên đóng kín các cửa, vì sét

có thể thành một cục lửa tròn (boule de feu) xoẹt vào cửa và lăn vào trong nhà trước khi tìm một lối thoát ra sân.

— Minh ơi, có phải người ta ai làm điều gì thất đức thì bị trời đánh hay là bị ông Thiên-Lôi đánh bằng cái búa tầm-sét, có không, Minh ?

— Theo thần-thoại Việt-nam mình, thì Thiên-Lôi tức là Thần Sét, có bộ mặt dữ sợ lắm. Em mà trông thấy hai con mắt to-tướng của hắn xoay tròn trên khuôn mặt nhăn-nheo mà đen thui đen thui, cái miệng há rộng, hai môi đỏ lôm, thì chắc là em chết điếng ! Hắn ở trên, chỉ đóng một cái khổ, lưng đeo một cái trống, tay cầm một cái búa bằng đá. Đó là búa "tầm sét". Ngọc-Hoàng Thượng-Đế sai Thần Sét đi « công-tác » ở đâu thì hắn ta bay đi ngay, và « thi hành mệnh lệnh » của Trời hăng hái và đắc lực lắm. Thường thường Trời sai hắn đi đánh chết những kẻ làm tội-ác mà loài người không xử, hoặc những cây có yêu tinh ở, hoặc những con thú có yêu tinh nhập vào, những đền miếu có ma quỷ phá phách. Mỗi lần đi « đánh » ai, Thần Sét đánh trống cho vang rền cả trời, gọi là Trống Sấm, để trần gian biết là lệnh Trời sắp

được thi hành. Vì vậy người ta gọi Thiên Lôi là ông Thần Sét, hay là *Thần Sấm*. Có người gọi là *Ông Sấm*. Thường thường Trời sai đi đánh nhiều người một lúc, Thần Sấm vội vàng bay đi chỗ này chỗ nọ, thỉnh thoảng đánh xong rồi bỏ quên cả búa lại, cho nên khi người ta lượm được những miếng đá nhọn ở cạnh những xác người bị sét đánh, người ta gọi là « *búa tầm sét* ». Theo tục lệ mê-tín ở Thôn quê hồi xưa, mảnh búa tầm sét ấy mài ra cho con nít uống thì chữa khỏi các chứng bệnh kinh phong, hoặc khỏi bị ma quỷ bắt. Hồi anh 6 tuổi, có lần anh nghịch leo lên cây đa ở trước cái miếu trong làng để bắt ồ chim. Tối anh nóng lạnh, Mẹ sợ ông Thần ở Miếu bắt tội anh, nên thay vì cho anh uống thuốc bà mài một miếng « *búa tầm sét* » trong một chén nước lá cho anh uống.

— Minh uống có khỏi bệnh không ?

— Khỏi. Nhưng sáng hôm sau anh hết nóng, lại lên mẹ chạy ra miếu leo lên cây đa bắt chim nữa. Chim thì bắt không được mà về nhà anh lại bị sốt, nằm vùi trên giường. Mẹ lo quá, lật đặt mài búa tầm sét cho anh uống nữa. Nhưng lần này anh bị nóng lạnh ba hôm mới hết.

— Chắc ông Thần Miếu phạt Minh về tội tái phạm đấy chứ gì.

— Ừ, có lẽ lần đầu anh bị án treo, lần sau bị án thật thụ. Nhưng rồi từ đó mẹ cấm anh leo lên cây đa, anh không dám bắt tuân lệnh Mẹ nữa.

Bà Tú vừa nướng xong trái bắp, trao cho ông Tú, với nụ cười duyên :

— Nè, em thưởng Minh đây, Minh biết nghe lời mẹ.

— Cảm ơn em cưng

Ông Tú gặm hết nửa trái bắp, rồi nói tiếp :

— Không những trong thần thoại Việt-Nam, Nhật-Bôn, Trung-Hoa mới có ông Thần-Sét, hoặc ông Thiên-Lôi, mà trong thần-thoại các nước Tây-phương cũng có. Thiên-Lôi ở Cò Hy-Lạp là thần *Zeus*, là Chúa tể muôn loài, tức là thần *Jupiter* của La-Mã, thần *Thor* của các xứ Scandinavie, thần *Donar* của Đức, thần *Taranis* của dân Gaulois, thần *Perun* của các xứ Đông-Âu.

Theo kinh Bible của Gia-tô-giáo, thì Chúa *Jehovah* giáng trần trên đỉnh núi Sinai truyền Đạo-giáo cho *Moïse* giữa lúc sấm sét và những tia chớp sáng rực cả vòm trời.

Trong kinh *Rig Veda* của Ấn-độ-giáo thì sấm sét là uy-quyền của thần *Indra*.

Trong quyển « *Phê bình truyện Odyssée* » của nhà học giả Cò La-Mã là *Eustathius*, có kể chuyện ông vua xứ Elide, tên là *Salmonée*, có biết phép thần thông rút những chất sấm sét ở trong mây, đem dồn vào một cái thùng để làm cho nổ, tiếng nổ lớn như tiếng sấm sét vậy. Nhà học-giả *Eusèbe Salverte* trong quyển « *Khoa học huyền bí* » (*Sciences occultes*) cũng thuật lại phép thần bí ấy của vua *Salmonée* và nói thêm rằng vua chết vì bị sét đánh trong lúc đang thí-nghiệm. Nhà sử học *Pline* (sinh năm 23 sau J.C.) cũng có kể rằng Vua La-Mã *Tullus Hostilius* có học trong sách của tiên đế *Numa* các phép thu hút được « *lửa sấm* » của thần *Jupiter*, nhưng rồi *Tullus* thực-hành không đúng theo các lễ nghi nên bị sét đánh chết. Cũng *Pline* kể chuyện rằng thành phố *Volsinie* ở tỉnh *Etrurie* bị một con quái vật khổng lồ phá phách giết hại dân chúng, không có cách nào trừ được nó, Vua *Parsenna* cầu cứu thần *Jupiter*, thần liền phóng một tia sét xuống đánh chết ngay con ác-vật.

Trong thi phẩm *Pharsale* của Thi sĩ *Lucain* (39 — 65 sau J.C.) có một bài thơ ba câu khen tài tài của một ông thầy pháp cao

tay ấn của La-Mã tên là *Aruns* đã thu hút được sấm sét để chôn xuống đất sâu. Bài thơ la-tinh ấy như sau đây :

*Aruns dispersos fulminis ignes
Colligit, et terrae, moesto cum
murimure, condit.*

Datque locis numen.

— Minh dịch nghĩa-bài thơ la-tinh ấy ra tiếng Việt cho em nghe đi.

— Anh chỉ dịch theo ý thôi, không cần dịch chữ :

*Aruns thu hút các tia sấm sét,
Và chôn vùi xuống đất, nghe tiếng
kêu hiu hắt,*

Chỗ đất này giờ ai cũng biết !

Nhà Sử học Hy Lạp *Hérodote* (480-425 trước J.C.) có thuật lại rằng mỗi khi có giông tố, người Hy-Lạp dương ná bản các mũ lên lên mây thì tự nhiên sấm sét bị tiêu tan hết. Ngày nay chúng ta rất nghi ngờ những lời dẫn chứng như thế, nhưng dù sao chúng ta cũng thấy rằng từ thời thượng cổ loài người cũng đã sợ sấm sét và tìm cách trốn tránh nó. Chứ không riêng gì một bà Tú trẻ đẹp nọ ở thế kỷ XX và thời đại nguyên-tử!..

Bà Tú khẽ véo ông Tú một cái đau điếng.

Ông Tú vừa cười vừa nói tiếp :

— Đừng véo anh, để anh nói chuyện cho nghe. Trong quyển

tiểu sử « *Vie de l'Amiral* » của người con trai của **Christophe Colomb**, có một đoạn không ngờ như sau đây :

“ Chuyến đi lần thứ hai của cha tôi, một đêm thứ Bảy tháng 10 năm 1493, trời mưa to và sấm sét ầm-ầm. Bỗng trên mút cây cột buồm hiện ra bảy cục lửa. Tức thì cả đoàn thủy-thủ đều quỳ xuống đọc kinh cầu nguyện, vì đó là thánh Saint Elme hiện ra để cứu chiếc thuyền khỏi đắm. Christophe Colomb sai một người trèo lên cột buồm để đem bảy cục lửa xuống thờ, nhưng chưa đựng tới lửa đã nổ một tiếng lớn rồi biến mất. ”

— Sao lại lạ thế hả Minh ? Bảy cục lửa gì thế ?

— Thời bấy giờ hãy còn mê tín cho rằng đó là hiện thân của thánh hộ-mệnh tàu bè trong khi bão tố. Nhưng ngày nay, theo khoa học ta có thể giảng rằng đó là điện âm của mây giông và điện dương của cột buồm cao chạm vào nhau thành ra cục lửa (Boule de feu), đó chính là sét. Cũng may là những cục lửa sét dính vào ngọn cột buồm rồi tiêu tan trong mưa sau một tiếng nổ, chứ nếu nó đánh gãy cột buồm và thuyền xuống tàu thì chiếc tàu đã cháy ra tro và chìm lìm mất rồi.

— Minh ơi, ngày nay người ta

trồng những ống thu lôi (paratonnerre) trên các mái nhà cao, có phải để hút sấm không ? Hút cách nào ?

— Sấm sét gặp vật cao bằng kim khí sẽ chạm vào đấy và thành luồng điện mạnh nhưng bị ống thu lôi hút nó xuống đất, thành ra vô hại. Nhưng không phải bây giờ mới biết dùng ống thu lôi, mà từ xưa, từ hoàng đế **Charlemagne** của Tây Âu đã biết dùng thu lôi. Giáo hoàng **Sylvertre II** tức là nà Bác học Gerbert thế-kỷ thứ X, cũng đã dùng ống thu lôi cắm trước sân Tòa thánh mỗi khi trời có sấm sét giông tố, « một cây gậy dài, đầu bịt sắt nhọn ».

Có một chuyện vui vui, là anh chàng phù thủy **Abraham de Gotha**, thời Trung Cổ, thấy tia chớp sáng rực màu vàng, tưởng rằng trong tia chớp có chất vàng. Anh ta liền tìm cách thu tia chớp vào trong chai « để lọc ra thành vàng ». Chàng ta chưa làm ra được thoi vàng nào thì đã bị Tòa Án La Mã kết án « xúc phạm đến thần lực của Chúa » và xử tội « giáo hình » thắt cổ cho chết. Chàng chết hồi 36 tuổi.

Vua **Solomon** cũng đã cắm những chiếc đũa nhọn bằng vàng trên nóc đền Jérusalem & mục đích là « để cho các loài chim không đậu được trên nóc đền và

là cút dờ dáy » theo đúng nguyên văn trong sách Sử chép như vậy. Nhưng, theo nhà Bác-học Đức **Michaelis**, chính nhờ các chiếc đũa vàng đó mà « suốt trong thời gian 1000 năm đền Jérusalem không bị sét đánh một lần nào », vì ở chân các chiếc đũa nhọn có một máng nước thông xuống đất. Nhờ thế mà sét đánh vào nóc đền đã được truyền vào nước và xuống đất sâu.

Ông Tú còn muốn nói nữa, vì thực ra ông nói chưa hết vấn-đề sấm sét cho bà Tú nghe, nhưng bà Tú vừa trao ông một trái bắp nướng thì một tiếng sét kinh-khủng nổ ầm lên như muốn long trời lở đất. Bà Tú chui ngay đầu vào lòng ông Tú, ôm riết lấy ông như con poupée Nhật-bồn. Ông ngồi yên, gặm trái bắp nướng ngon lành, rồi cười, bảo :

— Ông Thần Thiên-Lôi muốn trêu em đấy. Em cúng cho ông vài trái bắp nướng là ông hết trêu.

Bà Tú vẫn úp mặt vào ngực ông Tú, hai tay bịt kín hai lỗ tai. Nhưng bà cũng hỏi rất khẽ :

— Cúng bắp, ông có ăn không, hả Minh ?

— Ngọc Hoàng Thượng-đế ngồi trên cao chót vót còn ăn xôi oản hối lộ, nữa là bọn Thiên-lôi thiên-trướng, các cấp Thần nhỏ Thần to, cái gì mà chúng chả ăn !

* *Điện-Huyền*



Thần Thiên-Lôi

HÌNH - CHÁNH :

Bà Tú chép lộn

Ông Tú : Anh rầu quá, hôm nọ anh nhắc hai câu thơ trong *Le Cid* mà hình như sai mất hai chữ.

Bà Tú : Sai hai chữ gì, hả Minh ?

Ông Tú : Nguyên văn là :
Je suis jeune, il est vrai, mais aux âmes bien nées, la valeur n'attend point le nombre des années,
chứ không phải :

...mais pour les âmes bien nées, la valeur n'attend pas...

Bà Tú : Thôi, Minh đừng rầu nữa. Minh nói đúng, nhưng tại em chép lộn đấy. Để em sửa lại. Thế là vui vẻ cả làng !

D.H.

ĐƯỜNG THI BÁT CỤ

Theo đề-nghị của nhiều bạn yêu thơ Đường-luật, chúng tôi mở mục « Đường thi bát cụ », thay cho mục « Thơ các cụ », đề đăng những thi phẩm có giá trị của các nhà Thơ hiện đại còn ham chuộng Đường-thi. Chúng tôi sẽ lựa chọn đăng những bài tương đối hay hơn cả.

喚日海雲回
 雀窺芳餌古雄回
 幾度雲臨俯仰回
 慈眼望窮滄海外
 慈拳揮破白雲端
 孤舟分棹菜村暮
 倦登松林古木寒
 七里棠花穿日後
 鬱蔥佳氣五台山

陳季怡

vân quá Hải-vân quan

Thôi-ngôi vạn nhận cò hùng quan,
 Kỳ độ đặng lâm phủ ngưỡng gian.
 Sâu-nhãn vọng cùng thương hải ngoại,
 Nộ-quyền huy phá bạch-vân đoan.
 Cô-chu phân chạo, hoang-thôn mộ,
 Quyện-điều dầu lâm, cổ mộc hàn.
 Thất lý oanh-hồi xuyên quá hậu,
 Uất thông giai-khí Ngũ-Hành San.

TRẦN - QUÍ - CÁP

★ chiều qua cửa Hải-vân

Đèo Vân muôn đợt núi cao hùng,
 Bao độ trèo-leo, cúi ngửa trông :
 Sâu láng biển xanh... tầm mắt vút...
 Hòn lên mây trắng, nắm tay vung !
 Nhẹ chèo, thuyền rẽ thôn hiu quanh,
 Mỏi cánh, chim sa khóm lạnh lung.
 Bầy dặm quanh-co đường vượt khỏi,
 Ngũ-Hành hơi, núi ngút trong trong.

● ĐÔNG XUYỀN
(Viết chữ và dịch)

mừng mưa

Hè sang, chợt đổ trận mưa hè,
 Hơi nóng tiêu đi, mát trở về.
 Hạt nước trời cho chan-chứa ngọc,
 Nụ cười ta nở thấm-tươi huê !
 Mối lo đại-hạn tan mây núi,
 Khúc hát phong-niên vẳng gió quê...
 Tựa Hỷ-vũ-đình xem Đất Nước,
 Ngàn xanh xanh mơn... lá liên-chi !

5-1963

sen Nhật-bản

Mặt hồ, mặt giếng nổi lênh-dênh,
 Không biết từ đâu nó phát-sinh ?
 Như năm trời lên, hoa tím tím,
 Từng bề kết lại, lá xanh xanh.
 Thuyền ngăn hầu hết đường liên-lạc,
 Sóng chặn bao nhiêu đợt bất-bình !
 Sen Nhật, bèo Tây.âu.cũng nó,
 Đôi phen nước đục nó tung-hoành ! !

★ ĐÔNG XUYỀN

PHỔ THÔNG

VÒNG QUANH THẾ-GIỚI

★ Xuân-Anh

MỸ — MIAMI: căn cứ hóa-tiến dưới nước

Hai chánh phủ Anh—Mỹ có ý định hợp tác cùng nhau để xây cất một căn cứ thí nghiệm hóa tiến đặt ngầm dưới nước ở Bahamas.

Dự định ấy đã được trù liệu từ 6 năm nay và tốn phí ước lượng 100 triệu Mỹ-kim. Căn cứ thí nghiệm ấy đặt tên là «Trung Tâm khảo cứu và thí nghiệm dưới nước» (Atlantic Underwater Test Evaluation Center).

OHIO: xưởng khí giới 9000 năm

Người ta vừa khám phá tại Chung-lũng Washonding một

xưởng làm khí giới đã có từ 9000 năm nay. Xưởng này chuyên môn sản xuất những đầu nhọn bằng đá để gắn vào tên hay giáo, những khí giới của thời trung cổ, lúc người ta chưa biết nấu sắt và luyện thép. Hiện nay, hàng ngàn mẫu đầu nhọn ấy và tên, nỏ, giáo đang còn ở trong kho của xưởng cùng với một hệ thống dẫn nước rất tài tình còn nguyên vẹn.

COLUMBIA: Sữa chuột

Trong phòng thí nghiệm của trường Đại-học Y-khoa Columbia có một cái bình chai đựng sữa mà các sinh viên y-khoa «nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa» vì cái bình ấy đựng một

PHỔ THÔNG VÒNG QUANH THẾ GIỚI

thứ sữa mà một lít trị giá khoảng 3.000.000 (3 triệu) bạc Việt-Nam.

Sữa ấy là sữa gì?

Thưa, đó là sữa của 20 000 con chuột bạch cái do những cái máy nặn sữa tí xiú chạy bằng điện, nặn ra và chứa vào đây để dùng trong việc nghiên cứu những phương pháp chữa trị bệnh ung thư.

● NỮ ƯỚC :

Dụng cụ cho người lên cung trăng

Nhiều xưởng kỹ-nghệ Mỹ hiện đang xúc tiến công cuộc thí nghiệm và sản xuất những «kén» không lò (như kén tắm) để cho những người lên cung trăng sau này làm nhà ở. Kén ấy dẹt toàn bằng sợi kim khí, cân nặng 90 ki-lô. Người du hành lên cung trăng có thể ngồi trong ấy, có thể chụp hình và cũng có thể nấu ăn được nữa.

Hãng sản xuất xe hơi danh tiếng là hãng Chrysler lại đang sản xuất một chiếc ô-tô mẫu để cho du khách đi chơi trên cung Quảng đặt tên là Autolune (ô-tô cung trăng).

Những đặc điểm của chiếc xe này là :

Năng lực : 4 mã-lực

Tốc độ : 15 cây số một giờ

Thùng xe : Làm bằng 3 lớp vỏ chồng nhau : vỏ ngoài bằng nhôm dày 1 phân 25 (1 cm 25) vỏ giữa

bằng cao-su «mút» (mousse) dày 10 phân và vỏ trong liết bằng nhôm dày 2 phân rưỡi (2cm 50).

Chỗ ngồi : 2 chỗ đang trước cho người lái và cho thợ máy. Xe hoàn toàn bịt bùng và người ở trong chỉ thấy và giao thiệp với bên ngoài bằng kính «điều vọng» (pérscope) và bằng radiô. Phía trước xe có hai lỗ gương để thấy đằng trước.

Bánh xe : Sáu bánh có răng cưa, bốn bánh trước và sau đường kính 1m 75 và hai bánh phụ nhỏ hơn, đường kính 1m 25 gắn ở đầu hai cái cần có thể co giãn và chuyển hướng được.

● Cái mộng của Tận-thủy-Hoàng ngày xưa du Nguyệt điện ngày nay đã thành sự thật rồi đó. Không biết chị Hằng Nga từ xưa nay biết bao người ước ao được gặp có «bồi hồi trong dạ» hay chăng?

● PHÁP: Đồng hồ điện tử

Hiệu sản xuất đồng hồ danh tiếng của Pháp là LIP vừa mới phát minh một kiểu đồng hồ bỏ túi chạy bằng sức điện tử. Đồng hồ này không có giây thiêu mà cũng không có trục. Đồng hồ chỉ vận vận có một cái máy nhỏ xíu đường kính 9 ly và một sợi giây thép 30m rất mảnh quấn tròn thành 4000 vòng. Máy ấy do một cái «pin» điện 1,3 «vôn»

chuyên động; tất cả các bộ phận này đều thu nhỏ lại rất gọn.

Hiện nay chiếc đồng hồ điện tử này đang được sản xuất rất nhiều ở hãng LIP tại Besançon và sẽ được đem bán trên thị trường với giá rất « bình dân ».

Ông Fred Lip, chủ hãng này tuyên bố với các báo chí rằng: Trong nghề làm đồng hồ của gia đình tôi, ông nội tôi đã chứng kiến sự bãi bỏ cái khóa lên giây, cha tôi chứng kiến sự bãi bỏ cái trục lên giây và đến nay là tôi được chứng kiến sự bãi bỏ của cái giây thieu.

● Đốt 50.000 cây Bạch Dương

Dân Pháp hàng năm đã đốt cháy mất 50.000 cây bạch dương mà không gây một vụ hỏa hoạn nào vì không phải họ đốt rừng mà chỉ vì họ dùng... cây diêm quẹt làm bằng gỗ cây bạch dương (peuplier).

Hàng năm dân Pháp đã dùng 1 tỷ hộp quẹt, 70 tỷ cây diêm quẹt và nếu con số diêm quẹt ấy chấp đuôi nhau, đường dài sẽ bằng tám lần con đường không gian từ trái đất lên mặt trăng.

Thật là khủng khiếp !

Có ai ngờ rằng 1 cây diêm quẹt ta dùng để đốt diêm thuốc lá lại có thể hợp nhau lại thành một đám rừng to tất hàng 50.000 thân cây và có thể thành

một cái cầu bắt từ trái đất lên mặt trăng không ?

ĐỨC : Huấn luyện mãnh thú

Sở tuyền mộ của Quân đội Hoa Kỳ đang tìm một huấn luyện viên để dạy cho sư tử.

Việc lạ lùng này không phải vì Quân đội Hoa Kỳ định lập một gánh xiếc để mua vui cho binh sĩ mà chỉ vì Sư đoàn 21 bộ binh Huê Kỳ đóng ở Augsburg tại Đức có nuôi một con sư tử làm « bùa hộ mệnh » (mascotte) cho sư đoàn.

Lúc con sư-tử ấy đang còn bé bỗng thì mọi sự đều được dễ dàng vì nó hiền lành ngoan ngoãn, nhưng nay nó đã lớn khôn, sư đoàn phải cần dùng đến một huấn luyện viên để dạy cho nó kéo sọt bắt giặc nó đỡ cái « thú tính » ra thì khôn.

NAM-PHI : Rắn cắn

Denis Grove, 29 tuổi, là giám thủ của khu nuôi rắn trong vườn bách thú Johannesburg. Tuy đang trẻ nhưng ông ta đã đệ đơn xin nghỉ việc và trong đơn ông đã nói rằng: từ ngày vào nhận việc đến nay, ông ta đã bị rắn độc cắn 19 lần và ông ta không muốn bị cắn lần thứ 20 nữa vì các bác sĩ cho ông hay rằng lần cuối cùng ấy sẽ là lần... ông toi mạng.



Bộ-trưởng Quốc-phòng Anh với cô gái Keeler

(Tin Luân-đôn : ông Bộ-Trưởng Quốc Phòng nước Anh gian, đúu với một cô gái kiều mẫu, đã đề tiết lộ bí mật Quốc phòng nên bị các báo bên Anh kịch-liệt công kích và ông này phải từ chức).

MƯỜU

Cái ông Bộ Trưởng Quốc Phòng,
Phòng trên, phòng dưới, phòng trong đều tài.
Duy còn cái chuyện « phòng ngoài »
Vì đâu nên nổi tiếng tai nường này.

NÓI

Duy một chuyện « phòng ngoài » phòng chẳng nổi,
Việc quốc phòng ông giỏi những gì đây.
Nơi quốc phòng điều dờ có điều hay,
« Mái-sùy » vội phun ngay ra, quái nhĩ !
Kín, hở, khó tin mồm gái đi
Toét, toe, ai lạ đít danh con.
Mặt quốc gia mà lọt tới con buôn,
Bạc cắc chúng đời luôn tâm chẳng bận
« Thương nữ bắt chi vọng quốc hận »
Lời cổ nhân từng dặn nhớ hay quên,
Quốc phòng, phòng thể ai khen.

★ TÚ - BE

Sách Báo mới

★ **Sóng mạnh**, «tuần báo phụ nữ nhi-đồng». Bộ mới, số 1 ra ngày 22-6-1963. Tòa soạn 133 Võ Tánh, Sài Gòn. Chủ nhiệm Lê Văn Duyệt.

★ **Những lá thư màu xanh**. Truyện dài của Văn-Quang. Tiểu thuyết tuần san Xuất bản. Trình bày: Họa sĩ Đăng-Giao.

★ **Định Luật phối cảnh hội họa** của Nguyễn thành Đạt và Nguyễn Văn Nam, Giáo.sư Hội-Họa. Soạn theo đúng chương trình môn Hội-họa và toàn bộ chương trình T.H.Đ.N.C. Tác giả xuất bản. Dày 200 trang.

★ **Vụ án mạng bí mật**, Trình thám tiểu-thuyết, tâm lý, ái tình, của Huy Hồng Việt. Dày 230 trang.

★ **Thơ người lính** (Truyện Chứng Minh tập 5) của Nhất Tuấn. Nhà xuất bản Diêu-Chi. 25 bài thơ. Giá 22\$.

★ **Quan niệm và sáng tác Thơ**, theo lời Thi-nhân và Học-giả Phương Tây, (Trích dịch) của Ông Đoàn-Thêm, Viện đại học Huế xuất bản. Sưu tầm và trích dịch rất nhiều những ý tưởng chủ quan của một số đông Thi-sĩ và học giả Tây phương từ Platon, Aristote, đến J.P. Sartre, Blaise Cendrars, Paul Eluard, Dobzynski... Tác giả xếp đặt theo từng vấn đề nên dễ tra cứu. Ô. Đoàn.Thêm cũng là một Thi-sĩ, công việc của ông

làm có hào-hứng và chu đáo, đáng làm một quyển sách gối đầu giường cho những người muốn tìm hiểu « Thơ là gì ? »

★ **Poèmes choisis**. Thi-Tuyển của Vũ hoàng Chương, Versions Françaises de Simone Kuhnen de la Coeuillerie, Préface de André Guimbretière, Professeur à l'École Nationale des Langues Orientales Vivantes, Paris.

Những bài thơ hay nhất của Thi-sĩ Vũ-hoàng-Chương, được dịch ra Pháp-văn, có nguyên bản Việt-văn đối chiếu. Dịch giả, cô Simonn Kuhnen de la Coeuillerie cũng là một nữ Thi-sĩ, và chắc là giỏi Việt văn lắm, nên những bản dịch ra Pháp văn rất trôi chảy, vững vàng. Sau cùng, có mấy bài thơ Pháp của cô được Thi-sĩ họ Vũ dịch ra Việt-văn cũng giá trị không kém.

Chúng tôi xin thành thật khen tặng Nữ-sĩ Simone và Thi-sĩ Vũ-hoàng-Chương.

Editions Nguyễn-Khang. Saigon — Bản đặc biệt trên giấy duplicateur không để giá.

★ **Mặt trời chiều** truyện dài của Thạch-Hà. Nhà xuất bản Hoàng-Vũ. Giá 42\$

★ **Rừng bản Trăng Sao**. Thơ của Thanh Việt Thanh. Nhiều bài hay. Nhiều câu thơ đẹp:

Giăng hồ áo khách bạc màu vôi
Giải nắng dầm mưa mấy độ rồi
Rám cháy da cần bao lặn-dận,
Gió sương... rồi vẫn gió sương thổi !...

Lòng mình ai hiểu mà mong,
Nghìn câu thơ đẹp kẻ không câu nào !

v. v. . .

Thanh Việt Thanh là một trong những nhà Thơ trẻ tuổi có nhiều triển vọng nhất.

Mai-Diên xuất-bản.

LỜI NGƯỜI

20 năm

Truyện dài trào-phúng xã-hội ★ NGUYỄN - VỸ

(Tiếp theo P.T. 105)

MỘT buổi trưa thẳng Ngọng đi chợ về bảo tôi :

— Cậu ơi, có gánh hát bội ở đâu mới đến tỉnh ta, đang bày dọn ở Rạp Hoàng Long. Con nghe mấy người cu-ni theo gánh hát nói chuyện nà gánh hát này đã có tiếng nà hát hay nhưt từ trước tới giờ và từ Bắc chí Nam. Mới đến, họ đã cò động rùm beng, nghe nói họ thuê một chiếc xe ngựa để chiều nay đi rải quảng cáo. Chiều nay cậu cho con đi coi thế nà thế nào ?

— Ủ. Tao không cho mầy cũng đi, tao biết.

4 giờ chiều, quả thật có một chiếc xe ngựa đi cà rịch cà tang ngang qua trước cửa nhà tôi. Một đám con nít từ các đường phố

chạy theo xem đông nghẹt. Dĩ nhiên là trong số đó có thẳng Ngọng. Trên xe có bốn người đào kép về mặt và phục trang theo lối hát bội, mang hia đội mào lông trĩ, đeo chòm râu già dài lượt-thướt, và nhạc ngựa đeo nơi cổ chân. Hai tấm quảng cáo kèm hai bên xe, nguyệt-gioac mấy giòng chữ quốc ngữ đầy lỗi như sau đây :

*Gánh hát bội Bàu-Ba
Tối ni hát tuồng Sơn-hậu.
Hay hạn nhưt. Mời các quý vị
đồng bào tới coi Bàu Ba diều
cười lộn ruộc.*

Kính mời

Chiếc xe ngựa đi khắp các phố trong tỉnh, đánh trống và phèng-la inh tại.

LỜI NGƯỜI

Đêm đầu, bà con trong thành phố đến xem đông nghẹt. Người chật như nêm. Nhất là đàn bà con nít. Kể ăn trâu, người hút thuốc, trò chuyện ồn-ào, náo nhiệt. Con nít kêu la inh-ôi, đứa khóc, đứa cười. Hai hạ nơi công chúng dành chỗ đánh lộn nhau, chửi nhau ồm-tôi. Nhiều người bị mất chỗ ngồi, mất cái khăn, rách cái quạt, hoặc bị dẫm chân, cãi nhau ầm-ì. Con gái cười khúc khích, bị bọn con trai đứng sau thọc lét. Họ xô đẩy, chen lấn, ủi qua ủi lại, đẩy tới đẩy lui, cười như pháo rạn. Có người leo lên cửa ngoài ngó vào trong rạp đầu người lô-nhồ lúc-nhúc.

Bỗng có tiếng xe hơi bóp còi «tin-tin» đến đậu trước rạp hát, có tiếng xôn xao : « Ông Lớn ! Ông Lớn ! ».

Thấy lính Cảnh-sát xô đẩy những đám người đứng chặn nghẹt cửa vào, và la lớn :

— Bà con đứng giăng ra ! Xích ra !

Một ông già tóc bạc râu bạc, đã bị ép cứng phía trong, lại vừa bị xô đẩy phía sau lưng, làm rớt cái mũ nỉ của cụ đầu mất.

Cụ nòi giận la lớn :

— Ai lấy cắp cái mũ của tôi ?

Nhưng thấy đám đông người đều né một bên, cụ ngoảnh lại trông thấy lính dẹp đường. Cụ cũng làm

thình.

Ông Lớn oai-vệ bước vào, phu nhân Kiều Mộng, chủ tịch Hội Nữ-công Nữ-hạnh, đi kề bên. Bác lính dẹp được lối đi từ ngoài cửa đến hàng ghế đầu rồi đứng thẳng người để chào Ông Lớn.

Trong rạp bây giờ không còn một tiếng ồn. Ông Lớn và Phu-nhân V2 đến thịnh lĩnh không báo trước, nên ban hát bội không sẵn sàng đón tiếp. Phu-nhân chệ cái ghế gỗ ngồi đầu dít và có rệp, bảo người lính Cảnh sát :

— Chú vô nói với Bàu hát kiếm một cái ghế mây sang trọng để mời Quan-Lớn ngồi chớ !

— Dạ.

Người lính vội-vàng nhảy vọt lên sân khấu, chạy vô buồng trong, la lối om sòm.

Nhưng một lúc người lính chạy ra, nói với Phu nhân :

— Dạ thưa bà Chủ-tịch, trong buồng họ không có ghế tốt.

— Chú phải chạy đi tìm ghế khác.

— Dạ.

Quan lớn ngồi yên lặng. Một lúc lâu, hai người lính chờ trong xe jeep tới hai chiếc ghế mây sơn xanh mượn của Hội trường.

Hai người lính đặt 2 ghế mây gần nhau, trên hàng đầu, quan Lớn và Phu nhân bỏ ghế gỗ, qua ngồi bên ghế mây. Một ông già bị khăn đóng đã rách mồn, áo

đen vá vai, để chòm râu bạc phất phơ dưới cằm, trong đám đông người chen ra. Người ta xăm-xì :

— Ông Đốc !

Đó là cụ Đốc Lê, Đốc học hưu trí, mà thành phố ai cũng biết, được gán hát bội mời đến cầm chầu. Cụ đến chào xã giao ông Lớn, khệ nghiêng đầu chào bà Kiều-Mộng, rồi đến ngồi nơi ghế chầu dành riêng cho cụ.

Sau nghi lễ chào cờ, người ta bắt đầu hát. Tuồng Sơn-hậu phải diễn ba đêm, chia ra hai lớp. Đêm đầu diễn lớp thứ nhứt, đã khiến cho khán giả hồi hộp vô cùng.

Ai mà không cảm động cho được, khi nhìn lên sân khấu thấy Tạ-ôn-Đình, là một viên kiện-trưởng, mặt rần, râu chồi sè, mắt cú vọ, óc nhồi, găm ghì... a-ẹ như tiếng đập thanh-la bè, thế mà Đồng-kim-Lân, một mình bị xông xáo, lớp lo để đầu cho hai bà Hoàng hậu. Nhờ một bạn đồng liêu là Khương-linh-Tá tiếp sức chống cự lại Tạ-ôn-Đình nhưng sau mấy hiệp tử chiến với Tạ-ôn-Đình, để cản hậu cho Đồng-kim-Lân chạy trước mà bảo vệ cho hai bà. Khương-Linh-Tá sức cùng lực kiệt, bị Tạ-ôn-Đình chém văng đầu.

Trên sân khấu lúc bấy giờ Khương-linh-Tá phủ một tấm lụa

đào che cái đầu thật, còn cái đầu bị chém thì phùng hát làm cái giả cũng đủ mắt mũi, râu ria...

Giết được Khương-linh-Tá, quân của Tạ-ôn-Đình uà theo Đồng-kim-Lân, đánh rất táo tợn đến nỗi hai bà Hoàng hậu chạy lạc mất, một bà chết, một bà chạy khỏi. Trên sân-khấu, Đồng-kim-Lân vừa chạy vừa hát « khách-tàu », giọng « ai », nghe rất buồn. Đoạn bắc qua « nam-chạy » thì kể Ôn-Đình rượt tới. Lúc ấy trong đám khán giả ai cũng hồi hộp lo thay cho tánh mạng của Đồng-kim-Lân.

Ông Lớn ngồi xem không thích mấy, vì ông đi đây là để chịu ý Phu-nhân mà thôi. Trống, phèng-la đánh rùm ben nhức óc, kèn thổi inh tai. Ông Lớn muốn về nhưng bà Kiều-Mộng coi bộ cảm-động lắm, ngồi coi say mê không chịu về.

Bà Lớn cứ lo cho Đồng-kim-Lân, sợ bị Tạ-ôn-Đình giết. Trông mặt mũi khả ố của Ôn-Đình, và sức mạnh bạo tàn của hắn, bà ghét nó bao nhiêu, thì bà thương xót cho Đồng-kim-Lân bấy nhiêu. Mỗi lần thấy Kim-Lân bị Ôn-Đình đánh suýt chết, thì bà lo âu rung-động, bà sợ hãi, lòng bà teo lại, bà muốn rút cây súng sáu trong túi áo của ông Lớn để bà nhảy

lên sân-khấu bắn đại Tạ-ôn-Đình mấy phát cho chết mẹ nó đi !

Nhưng không sao, trời còn thương Đồng-Kim-Lân, vì Khương-Linh-Tá tự nhiên hiền Thánh chấp cái đầu vào cò, ở đầu trong buồng lều-khêu ra, rú Ôn-Đình đánh. Trước sự khiêu chiến quái-lạ và rừng rợn của cái thầy ma, Ôn-Đình sợ toát mồ hôi, hô quân chạy. Nhờ đó mà Đồng-kim-Lân thoát khỏi. Đoạn này cả hai, một người sống, một người ma, hát khách hồn nghe buồn-bã đến ai cũng chảy nước mắt. Thấy bà Kiều-Mộng lấy khăn ra lau lệ, ông Lớn hỏi :

— Sao em khóc ?

Phu-nhân đáp :

— Em thương Đồng-kim-Lân quá.

Ông Lớn nhún vai cười gượng. Nhưng lớp thứ nhứt đã mãn, Bàu Ba ra vái ba vái cảm ơn ông Lớn trước khi hạ màn.

Đêm thứ hai diễn lớp thứ hai, Ông Lớn không đi. Chỉ một mình Bà Lớn ngồi ghế danh dự, bên cạnh chiếc ghế trống của ông Lớn. Lớp thứ hai là cuộc giải-thoát cho hai bà Thứ-phi và Tam-cung Nguyệt-Kiều, tại chùa Sơn-hậu. Đồng-kim-Lân tỏ rõ là một vị anh hùng oai phong lắm-liệt.

Tuy trên sân khấu lúc đó có Phan-Diệm là một tướng võ xem

cũng oai nhưng cái mặt trông tráo đen thui coi không cảm-bằng Đồng-kim-Lân.

Bà Lớn ngồi nhìn Đồng-kim-Lân như say như mê. Bà tương-tượng giá được một người yêu như vị anh hùng của Sơn-hậu thì bà sung-sướng lắm. Nếu đời bà bị hoạn nạn thì Đồng-kim-Lân sẽ cứu bà qua khỏi. Bà nhìn Đồng-kim-Lân vừa đẹp trai vừa có khí phách anh hùng sao mà bà mê thế ! Bà thương anh quá đỗi !

Mãn lớp thứ nhì, bà bảo người vào buồng mời Đồng-kim-Lân ra bà thưởng tiền. Đồng kim Lân lật-dật trở ra sân-khấu, còn nguyên vẹn giáp thêu mặt hổ, mào kim-khôi có đất lông-trĩ, mặt đen, râu trắng. Chàng ta lễ-phép đến đứng trước mặt bà chủ tịch hội Nữ Công Nữ Hậu, Bà đứng dậy mỉm cười trao tặng chàng 1000 đồng và tấm danh-thiếp đề «Kiều-Mộng phu-nhân».

Đồng-Kim-Lân đưa hai tay ra cung kính lĩnh món tiền ban thưởng và tấm thiệp, rồi cúi đầu cảm tạ.

Đêm thứ ba là lớp chót, bà Kiều-Mộng cũng đi một mình. Lúc này Đồng-Kim-Lân phục-nghịch, đường-dường trong chức vụ Nguyên-sứ, khôi giáp rực-rỡ, khiến ai thấy cũng khoái.

Đồng-kim-Lân đã trải qua bao nhiêu gian-nạn đau-khổ vào tử-ra

sanh, chống với năm anh em họ Tạ, đến sau diệt lũ gian nịnh, phục-nghiệp Tề trào. Đồng-kim-Lân tỏ ra đầy-đủ Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa. Thật là một vị anh hùng hoàn toàn đáng yêu, đáng phục.

Mãn tuồng, bà Chủ-tịch hội Nữ Công Nữ Hạnh mời Đồng-kim-Lân về nhà bà đãi rượu. Bà về trước, rồi cho xe nhà đến rạp hát đón Đồng-kim-Lân.

Đồng-kim-Lân lần này mặc quần tây, áo sơ-mi rằn-ri, đeo cà-vạt đỏ chói.

Trông thấy Đồng-kim-Lân vào nhà còn sợ-sệt không dám bước mạnh trên nền lát gạch hoa, Kiều-Mộng phì cười :

— Thân ái chào anh Đồng-kim-Lân.

Bà đưa tay ra bắt tay Đồng-kim-Lân và không buông tay ra, kéo y lại ngồi ghế salon.

Đồng-kim-Lân ngo-ngác, nhưng không dám cãi lời bà chủ-tịch, mà người ta đã cho anh biết là vợ hai của ông Lớn và rất có thể lực trong tình. Y hơi run sợ. Kiều-Mộng rót rượu mời và tươi cười bảo y kể cuộc đời kếp hát của y cho bà nghe. Khép nép, y vàng lối kể hết.

Hơn hai giờ khuya, rượu đã cạn, trăng đã tàn, trời lâm râm mưa, cả hai cùng ngà ngà say. Bà chủ-tịch đưa cặp mắt đa-tình tay nắm tay Đồng-kim-Lân, khẽ bảo :

— Thôi, anh đừng về nữa. Ở lại

đây với em.

Sáng hôm sau phu-nhân cũng không cho Đồng-kim-Lân về. Bà bảo :

— Anh ở lại đây với em, đừng đi đâu hết !

Đồng-kim-Lân gãi đầu, gãi tai, tùm tùm cười :

— Chà, không lẽ bỏ Bầu-Ba làm Tạ-ôn-Đình một mình sao ?

— Anh có làm Tạ-ôn-Đình đâu mà anh lo ? Em ghét Tạ-ôn-Đình hết chỗ nói ! Anh đừng thèm chơi với thằng-chả !

— Nhưng rồi ai làm Đồng-kim-Lân để đánh với chả ? Ai cứu mấy nàng Thứ Phi ?

Kiều-Mộng cười toe-toét, lấy tay đập cái « chách » vào đùi Đồng-kim-Lân, và nói không nhéo :

— Mặc kệ nó ! Em đem Đồng-kim-Lân về ở với em, xem Tạ-ôn-Đình dám làm gì nào !

Hôm ấy trong thành phố xôn-xao về vụ Đồng-kim-Lân về ở hầu-hạ Kiều-Mộng phu nhân, và Bầu Ba khóc lóc đêm nay thiếu kếp đóng tuồng. Có người bày cho Bầu Ba đến năn-ni xin với bà Chủ tịch cho Đồng-kim-Lân về, rồi mãn tuồng Kim-Lân sẽ đến hầu bà. Có người lại bày cho y vào xin với Quan Lớn. Nhưng những ông quan sư quạt mo ấy đều có ác-ý cả. Họ xúi Bầu Ba làm như thế để cho y bị ông Lớn bỏ tù chơi !

Đến trưa hôm ấy, ông Lớn mới biết chuyện, do anh bồi học lại.

(còn nữa)



* **Trời ơi, ai đánh trời què**

(của cụ Lê-tấn-Khải, Pleiku)

1) Tôi đọc Phê-Thông, thư bạn đọc hỏi câu hát : « *Trời ơi ! ai đánh trời què, bỏ mây đứt đoạn, đê bê trôi sông* » nghĩa là sao ? Tôi xin thưa. Thuở bé, tôi nghe ông Thân tôi giải : « *Trời ơi ! khéo bão mùa hè, đê mây đứt đoạn, đê bê trôi sông* ». Vì ở nước ta, mùa hè ít có bão lụt. Mây là mây rừng, bê là bê gỗ. Người xưa đọc dõn thành ra « *Trời ơi ! ai đánh trời què...* » cũng như « *Giáo đả thành oán* » đọc dõn « *gáo tra dài cẳng* ». Thuở trai tôi nghe bà nhứt-phẩm mạng phụ dạy con, thúc kiết một câu « *gáo tra dài cẳng* », Tôi ôm bụng cười, không dám cãi chánh. « *Cao hơn tất hữu cao hơn trị* » đọc dõn : « *Cao hơn chút nữa, cao hơn chị* » ; lâu ngày lan rộng, dõn mà thành thiệt, loại ấy rất nhiều !

2) Tôi thường nghe họ nói « *con ông cháu cha* », sao không nói « *con cha cháu ông* » ? Tôi xin giải : tục nước ta ngày trước, xưng bậc đường quan bằng ông, thuộc viên bằng thầy, Thầy tức là cha. Người ta tôn xưng giòng giời thế gia, hay là thế gia tự hào rằng « *con ông cháu cha* », nghĩa là *con làm đến bậc ông, (đường quan) cháu làm đến bậc cha (thuộc viên)*.

* **Mấy chàng, mấy thiếp ?**

(của bà Lê-trung-Hoa, Quảng-Ngãi)

Có bài thơ truyền-khẩu sau đây :

*Đầu tường nghe tiếng nói đông đông ;
Các cậu, các cô, tính vợ chồng
Một thiếp, hai chàng, thừa bảy thiếp,
Một chàng, hai thiếp, bốn chàng không
Nghe anh giỏi toán em xin hỏi:
Mấy chàng, mấy thiếp, tính cho thông ?*

Vô-Danh

Bài giải

Đời này : trai ít (x) ; gái y (y), đông ;
Gấp gấp lo toan-tính vợ chồng.

Nửa cậu, phần cô lo bớt bảy ;
 Nửa cô, phần cậu bốn về không.
 Gái y thay thế vào trai ít :
 Tá gái, trai mười, lính đã thông.

Lê-trung Hoa
 (Quảng-Ngãi)

Phụ-chú

Câu 1 : trai : x ; gái : y

— 2 : x : chồng ; y : vợ

— 3 : $\frac{x}{2} = y - 7$ (1)

— 4 : $\frac{y}{2} = x - 4$ (2)

— 5 : $y = \frac{14 + x}{2}$ (1) ; $\frac{14 + x}{2} = x - 4$ (2)

— 6 : $y = 12$; $x = 10$

*** Một người mà 2 năm sanh.**

(Của Ô. Trần Vinh, Tòa Hành-Chánh Nha-Trang)

...Nguyên ngày sanh của tôi là 29-9-1928. Hiện các giấy tờ hộ-tịch của tôi đều ghi ngày sanh ấy.

Nhưng vào năm 1955, tôi đã ghi lầm ngày sanh trong hồ-sơ hành-chánh của tôi là 29-9-1918, tức sai-lệch đến 10 năm (10 tuổi).

Đề điều-chỉnh tình-trạng này, tôi đã xin đình-chánh năm sanh tại Tòa Sơ-Thẩm Nha-trang và do án-văn số 38-DS ngày 12-3-1957 của tòa này truyền cho tôi được phép sửa lại năm sanh các giấy tờ đã nạp trong hồ-sơ hành-chánh và mọi nơi nào cần-thiết.

Bằng vào án-văn trên, tôi đã điều-chỉnh các giấy tờ hộ-tịch của tôi. Duy còn Quyết-định tuyên-dụng vào ngạch-Cán-bộ hành-chánh và hồ-sơ liên-hệ, tôi đã đệ-đơn thỉnh-cầu Bộ Nội-Vụ điều-chỉnh, nhưng không được Bộ chấp-thuận.

Căn-cứ theo thông-tư số 648-B/BNV/NV/3 ngày 22/1/1960, đình-chỉ vấn-đề sửa đổi hộ-tịch của công-chức, nên Bộ đã bác-khước.

Do đó, hiện nay một thẳng người của tôi có hai năm sanh khác nhau :

— Khai-sanh, văn-băng, kiểm-tra căn-cứ... đều ghi ngày sanh : 29-9-1928t

— Quyết-định tuyên-dụng, hồ-sơ hành-chánh, danh sách tại Phòng Nhân-viên... đều ghi ngày sanh : 29-9-1918.

Bởi vậy, mỗi khi cần kê khai tên tuổi vào một việc gì, tôi phần vân không biết phải lấy năm sanh nào cho đúng. Và có một trở-nại lớn là các giấy tờ của tôi nạp về Phòng Nhân-viên — nếu ghi ngày sanh 29-9-1928 đều bị Phòng này từ chối và bắt-buộc phải ghi ngày sanh (29-9-1918) cho đúng y theo trong Quyết-định tuyên-dụng.

Vì các lý-do trên, tôi kính xin Ông vui lòng giải-thích cho tôi rõ cách-thức xin điều-chỉnh năm sanh thế nào cho hợp nhất...

C.C. — Đơn thỉnh-cầu Bộ Nội-Vụ điều-chỉnh năm sanh đề ngày 1-12-1960 và 12-1-1961.

Đáp : Chỉ có bộ Nội-Vụ là có thẩm-quyền cho phép ông điều chỉnh năm sanh. Ông nên vận động ráo-riết ở bộ Nội-Vụ thì may ra có kết quả.

*** « Nhị thập tứ hiếu » toàn là bất hiếu ?**

(của cô Tôn-nữ Mỹ-Chánh — Bao Vinh, Huế)

...Trong chương trình Đệ-Thất về quốc văn có dạy « Nhị Thập Tứ Hiếu » do Lý-văn-Phúc diễn ra, kể lại sự tích 24 chuyện hiếu nghĩa ở bên Tàu.

Tôi thắc mắc, khi còn nhỏ tôi không đủ suy luận, thầy dạy sao hiếu vậy nhưng lớn lên tôi bắt đầu tập suy luận từng mẫu chuyện cổ tích của nước nhà, tôi thắc mắc nhất, mà nổi thắc mắc nhiều nhất là cuốn « nhị thập tứ hiếu » vì đó là một cuốn sách giáo khoa cho những ai là học sinh khi bước vào ngưỡng cửa của Trung học.

Những mẫu chuyện trong « nhị thập tứ hiếu » tôi xin có thiên ý là: Không có chuyện nào có hiếu cả, nhưng mẫu chuyện điển hình nhất :

Như: Quách Cự vì mẹ chôn con

Đại ý mẫu chuyện

Nhà ông nghèo, phải nuôi mẹ già và đứa con thơ ba tuổi. Người vợ bữa nào cũng bớt đồ ăn dọn cho mẹ để dành cho con.

Ông bảo « nghèo khó không ưng cấp cho mẹ lại còn chia bớt

thức ăn của mẹ nữa? Sao ta không chôn đứa con đi, con còn có thể có đứa khác, chớ mẹ thì không có được nữa». Người vợ không giám cãi đem chôn con, gắp hủ vàng.

Bây giờ chúng ta thử suy luận hành động đem chôn con của Quách Cự có hiểu hay không?

Nhút định là không rồi.

Mẹ của Quách Cự sở dĩ mà còn sống là nhờ đứa con của Quách Cự, đứa cháu đích tôn của bà, bà tuy ăn một bát cơm mà vẫn vui với cuộc sống, cái đáng sống của bà khi tuổi về già là đứa cháu nội. Thế mà Quách Cự lại nỡ đem chôn một sự sống của bà, Quách-Cự đã xem mẹ không phải là con người mà là một con vật vì con vật mới cần ăn, không cần tin thương, tình yêu. Thì hỏi Quách-Cự có hiểu vào đâu?

Một con người đối xử với mẹ bằng tư cách đối xử với một con vật thì hỏi rằng là có hiểu hay sao? Như tư tưởng như thế, đánh mạnh vào đầu óc non nớt của chúng tôi thế là hiểu à?

Ngô Mạnh đề muối hút máu — hành động của một con người không có trí mà vẫn được người đời tôn sùng sao?

Nếu Ngô Mạnh là người có trí thì đâu đề muối cắn mình?

Muối là một sinh vật hằng hà sa số giữa vũ trụ chớ phải một con mà cắn nó rồi đi. Nếu cho là ít đi nữa nếu là có trí thì không bao giờ Mạnh điên như thế. Mạnh đem sức Mạnh làm tiền đề tạo nên cái mừng có phải là hay không? Mạnh bị muối, cắn bệnh hoạn, cha mẹ Mạnh phải cực nhọc kiếm tiền mua thuốc cho Mạnh, thì hỏi Mạnh có hiểu hay không?

« Nhị Thập Tứ Hiếu » tương tự như thế cả mà tại sao chúng tôi phải học? Học như thế có tiến bộ không? Xin hỏi các bậc thức giả.

Tôn Nữ MỸ-CHÁNH

* Ứng cử Quốc hội?

(của bà Lâm thị Phùng-Xuân, Lê-văn-Duyệt, Saigon)

...Chúng tôi thấy vài tờ nhật báo có đăng tin nhà văn Nguyễn Vỹ ra ứng cử Dân biểu Quốc-hội kỳ này. Chúng tôi ngạc nhiên vì đọc trong tờ Phê-Thông tạp-chí, chúng tôi không thấy ông tuyên bố ra ứng cử. Vậy xin ông cho biết ông có ra ứng cử thật không? Nếu mà có, thì chúng tôi xin hăng hái tình nguyện vận động cho nhà văn Nguyễn Vỹ được toàn thắng ở Đô-thành Saigon-Cholon, và chắc chắn đại đa số phiếu sẽ dồn hết về ông. Xin ông

cho biết tin gặp trên Phê-Thông, hoặc cho chúng tôi gặp ông.

Chúng tôi là một nhóm nữ độc giả yêu mến.

Bà Lâm thị Phùng-Xuân, Lê-văn-Duyệt,

Cô Bích-Diệp, Đại học V.K.

Cô Lê-ngọc-Thanh, Gia-Long, v.v...

Kính đáp. — Tờ nhật báo đăng tin kia là hoàn toàn tin bịa đặt. Tôi không bao giờ có ý nghĩ ra ứng cử bất cứ vào một chức vụ nào. Tôi rất cảm động về thịnh tình của quý bạn thân mến, và xin cúi đầu tạ ơn.
N. V.

* Yêu cầu Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục dời ngày thi Đại-Học.

(của Bà Lê-thị-Phải — Châu-đốc)

Con chúng tôi, sinh năm 1942, sinh viên Đại-Học Văn-Khoa, có khai cấp bằng Tú-Tài, bị gọi nhập ngũ, gọi làm lộn theo bực thanh niên không có Tú-Tài.

Vì vậy con chúng tôi bị rơi vào tình trạng không hợp lệ quân dịch. Tôi tin rằng còn nhiều sinh-viên bị gọi làm lộn oan uồn như vậy.

Phòng thi thì đòi cho được tờ « tình trạng hợp lệ quân dịch » mới cho thi, còn nhân viên Phòng Tuyển-Binh thì gọi làm lộn (ở đời ai làm việc mà chẳng làm lộn?) khiến một số sinh viên không thể có tờ T.T.H.L.Q.D, được.

Như vậy e có nhiều sinh-viên không được thi, phải bỏ một năm học dài đằng đẵng-chẳng?

Biết đâu lỡ một năm chẳng hỏng cả một đời?

Chúng tôi thiết-tha yêu cầu Ông Bộ Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục cho dời lại ngày thi Đại-Học để một số sinh-viên có đủ thì giờ điều chỉnh giấy tờ...

(Bà Lê thị Phải — 145/3 Phan-văn-Vàng — Châu-Đốc. Chồng là Lê-văn-Tất chịu trách nhiệm).

GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KEO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ÓC
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ AU-ĐƯỢC!

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

PHỒ-THÔNG SỐ NÀY RA TRỄ

Vì một lý do ngoài ý muốn của chúng tôi, tạp-chí PHỒ-THÔNG kỳ này phải ra trễ mấy hôm. Xin bạn đọc thông-cảm.

* TRẢ LỜI CHUNG CÁC BẠN ĐỌC Ở PARIS

Thề theo ý kiến một số đồng bạn đọc mua báo dài hạn ở Paris, bắt đầu từ Phồ-Thông số 105, chúng tôi sẽ cho gửi bằng đường thủy thay vì đường Hàng-Không như lâu nay, để nhẹ bớt một phần nào cước phí, vì giá cước máy bay quá đắt.

Hoặc bạn nào muốn trực tiếp nhận báo ngay tại Paris, xin đến nhà Tổng phát hành Phồ Thông tạp chí :

LONG - HIỆP

13 rue de la Montagne Ste Genevière Paris — Vè

* **Ô. Đoàn-Thanh-Minh, Phan-dình-Phùng, Huế**
Phồ Thông từ số 1 đến số 34 đã hết.

* **Bạn Lê-Huân, Huế**

11-10-1934 = 4 tháng 9 năm Giáp-Tuất
12- 8-1937 = 26 « 6 » Bính-Tí
11-11-1940 = 22 « 10 » Kỷ-Mão
5- 3-1946 = 2 « 2 » Bính-Tuất
5- 5-1948 = 27 « 3 » Mậu-Tý
23- 8-1943 = 23 « 7 » Quý-Mùi

* **Bạn Phan-thế-Nga, Ty tiểu-học, Hội An**

10 tháng Giêng Kỷ-mạo = 28-2-1939, ngày Thứ Ba. Ngày này không có biến cố gì quan-trọng trong lịch-sử.

7 tháng 3 năm Nhâm-ngọ = 21-4-1942, ngày thứ Ba.

* **Ô. Trương-cao-Liêm, Quảng-Ngãi.**

Tên ông Trương-cao-Động, (P.T. Số 104 trang 65), nhà in sắp lộn dấu thành ra Trương-cao-Đông.

* **Ô. Nguyễn-xuân-Quang, Đà-Nẵng**

1 đồng lire của Italia trị-giá 1fr3434 (tính theo đồng Franc cũ) giá-trị exchange rate của nó đối với đồng bạc V.N. tính theo giá trị đồng franc của Pháp, theo thời giá 1 franc français = 15\$. Đòi bạc ở office des changes, Saigon (Số Hối-đoái).

* **Bạn ký tên không rõ, Phú-Phong.**

— Vào nhà lạ không nên đeo kiến mát.

Đừng nói chuyện với người ở cấp lớn hơn mình, cũng không nên đeo kiến mát.

17 tháng 6 Định-Sửu : 24-7-1937.

* **Bạn Thanh Hương, nữ giáo-viên Bình-Dương**

Không thể đi du-học ngoại-quốc nếu bạn không có những điều-kiện bảo-đảm chính-trị.

* **Bạn Phan Trần Vũ, Nha Trang**

Ở miền Nam, tiếng «35» chỉ những người có tánh «dê», là nguyên-do từ hồi có sòng bạc Kim-Chung, Chợ Lớn, Huế-Kiểu bày ra « xỏ dê », mỗi con số chỉ một con vật. Số 35 chỉ con dê.

* **Thái Hòa Tiên Sinh, Saigon**

Đồng-ý về hầu hết các tài-liệu văn-học do tiên sinh đã nêu ra trong quý thư. Xin thành thật cảm tạ thiện-tình nồng hậu của tiên sinh.

* **Bạn Phạm văn Nhơn, Huế**

Rất cảm ơn về bức thư ân cần của bạn.

* **Bạn Tôn Nữ Ly Hoa, Đà-nẵng**

Bạn nên hỏi trực tiếp nơi bộ Nội-Vụ, về vấn đề xin triển hạn cho ngoại kiều cư-trú ở V. N.

* **Bạn Hồng Khanh Huỳnh Khương, Sông-Cầu**

Mấy bài thơ của bạn hay lắm, cả bài thơ cảm-tác sau khi đọc « Hoang-Vu » Thành thật khen tặng và nhiệt liệt hoan-hỷ.

* **Bạn Vô danh, không có địa-chỉ**

Đây, nguyên tác bài thơ cầu cơ mà bạn hỏi :

Phan này không dự hội Thần Tiên,
 Song họa thơ vui nét điệu huyền
 Thua kém con cờ nên chịu bí,
 Tranh giành ngôi thứ há rằng yên ?
 Âm dương cách trở vô cùng tận,
 Đạo nghĩa bao la bất thập tuyền.
 Nhấn khách hồng trần nên sáng suốt,
 Mấy câu chuyết bút để làm duyên.

PHAN-VĂN-TRỊ (1960)

★ **Bà Lê-quang-Văn**

— « Nhất ngôn thuyết quá, tứ mã nan truy ». Chữ « Tứ » là 4, chứ không phải là đất Tứ. (Tứ mã đối với nhất ngôn)

— Bạn *Mousquetaires* trong truyện Les 3 *Mousquetaires* của Alexandre Dumas là những chàng hiệp sĩ phong lưu, những « *gentilhommes* » con nhà quyền quý, thích phiêu lưu, chứ không phải là hạng lính « đơ-đem cùi bắp », 2è Classe.

— Những giấc mộng bà kể đó đều do thần kinh hệ yếu mà sinh ra.

— Tôi nhìn nhận có *ma*, nhưng không phải như trong trường hợp bà kể lại.

— Bà cần phải có một đời sống rất yên tĩnh để dừn v xáo loạn Thần-kinh-hệ.

★ **Bạn Nguyễn-văn-Tế, Phan-Thiết**

Huê = Hoa (cùng một nghĩa) Huê-kiểu : Hoa-kiểu.

Huê kỳ : Hoa kỳ. Người Mỹ ở Việt-nam, gọi là *Mỹ-kiểu*, chứ không phải *Huê-kiểu*.

★ **Cô Trần-Thu-Cúc — Gia-định**

Thằng Ngọng xin gửi lời cảm ơn cô đã tặng nó bài thơ dĩ-dòm đầy ý-nghĩa thâm-trầm, hay quá. Còn về việc cô tỏ tình yêu mến nó, thì nó hỏi tôi : « Thế nà thế nào ? »

★ **Bạn Tôn-nữ Mỹ Chánh, Bao-Vinh — Huế**

18-2-1944 = 25 tháng Giêng, Giáp-thân.

★ **Bạn Trần-minh-Tâm, Đại-học Khoa-học, Huế.**

— Albert Camus là một nhà văn, không phải một triết-gia.

— Triết học Duy-Sinh (Existentialisme của J.P. Sartre có thể tóm tắt lại thành 2 điểm chính :

1) Cuộc đời là con số không (từ số không mà sinh ra, rồi chết trở vào con số không).

2) Nhưng con số không ấy đáng cho ta sống đến cực-độ, *chỉ nghĩ đến cái sống duy nhất*, cái sống riêng của ta, cho ta, không phải cho người khác, *sống hoàn toàn vị-ý theo lượng-năng của mỗi người*. Không phải sống theo lối mà một số người Việt-Nam hiểu lầm là « hiện-sinh », vì theo đúng thuyết của Sartre thì không có danh-từ « hiện-sinh ». Thuyết Existentialisme là *duy-sinh, duy chỉ có cái sống còn nòng cốt*, cái sống *độc-lập tự-do theo giá-trị tinh thần của bản-ngã*, chứ không phải sống bừa bãi trác-táng.

— Tất cả những thuyết nói về nguồn sống của con người. Đều là giả-thuyết. Chưa có một thuyết nào xác-định triết-đề nguyên-thủy của loài người, chỉ biết rằng những con người đầu tiên xuất hiện trên mặt đất vào cuối thời-kỳ Tertiaire, ở thời-gian tiền-sử (temps préhistoriques).

★ **Bạn La Tuệ, KBC 6088**

4 tháng giêng — Bính-Tý : 27-1-1936.
 hoặc 29-12-1876.

★ **Ông và Bà Th. Việt, Phan bội Châu, Huế**

Nếu muốn hạn chế sinh nở vì con đông quá, thì nên áp-dụng phương-pháp lấy nhiệt-độ (xem lại một số P.T. cũ có nói rõ)

★ **Bạn Ngọc Đài Nữ-Sinh viên Văn Khoa**

« *Lữ-thời-Khúc* », là bốn bài thơ tả bốn mùa, của nữ-sĩ Ngô-Chi-Lan, thế kỷ XV, thời Lê-Thánh-Tôn.

★ **Ô Lê gia-Thân, sinh-viên Quốc-gia nông lâm-mục, Bláo**

Bài thơ ông nói đó là do một bạn đọc gửi đến và ký tên là : Lê-gia-Thân, sinh-viên Quốc-gia nông Lâm-mục, Bláo, Cao-nguyên.

★ **Bạn Võ đình-Xuân, Ty tiểu-học Pleiku**

— Lưu-quý Tân là tên Việt của bạn Jaya Panrang, chuyên viên Chàm ở viện Bác cõ Saigon.

— Tân-Phong của *Phở-Thông* không phải là Tân-Phong trong báo *Quê-Hương*.

★ **Bạn Ánh Ngọc Q.S.**

Phản nghĩa với chữ *le souvenir là l'oubli*.

★ **Ô Nguyễn-văn Bảo, Pakso, Laos.**

Câu « Thế nà thế nào » của thằng Ngọng tuy là một câu nói quen mồm của nó, quen mồm thành ra cái tật, nhưng vẫn có ý-nghĩa là một kẻ ngớ-ngần không hiểu gì cả-trước-những cái quái lạ của thời đại, những cái lỗ-lăng trái cựa của một số nhận-vật ở xã-hội đương thời.

★ **Bạn Kiều-Lệ-Mai, Tam kỳ**

Bài Thơ *Bán Than*, nhiều sách chép là của Trần-khánh-Dur.
Rất cảm ơn thư bạn. Trừu mến.

★ **Bạn Hoài-Liên, Huế**

12-5 — Kỵ-Mão = 28-6-1939

2-10 — Canh-Thìn = 1-11-1940

★ **Bạn Nguyễn Trai, KBC 4882**

— *Bertrand* và *Dominique* là những nhân-vật trong truyện
Un certain Sourire của F. Sagan.

— Chữ *môi*, chữ nhỏ, có nhiều nghĩa :

Môi : Than đá (Houille). Dầu lửa. Môi-sơn, Môi điền.

Môi : cây rêu.

Môi : làm mối. (môi-giới).

— 1-8-1940 : 28-6- Canh Thìn.

★ **Bạn Văn-Nhân, Quốc học Huế**

— Kính *Télescope* để xem tinh-tú, không có bán ở V.N.

— Quyền *Principia* của Newton viết bằng latin, có viết ra Pháp
văn, là *Principes mathématiques de philosophie naturelle* (viết năm
1683, xuất bản năm 1687), trong đó nhà Toán-học Anh luận về
nguyên-tắc « hấp dẫn Vũ-trụ ». *Attraction universelle*).

— *Trái pomme của Newton*. Vào khoảng năm 1666, một hôm
Newton ngồi nơi gốc một cây pommier, thành lỉnh một trái pomme
rụng xuống gần chân ông, khiến ông suy nghĩ : « Tại sao một vật
ở trên cao lại rớt xuống đất ? Và rớt mau lẹ như thế ? » Do đó ông
nghĩ ra rằng mọi vật đều bị thu-hút xuống lòng đất, rồi tiếp tục
suy luận, ông phát minh rằng không những các vật trên mặt đất
đều bị một sức mạnh lôi hút xuống lòng đất, mà mặt trăng xoay
chung quanh quả đất, cũng đều bị một sức mạnh huyền bí ấy thu
hút xuống quả đất, và chắc chắn các hành tinh chung quanh mặt
trời cũng bị thu hút vào lòng mặt trời. Do đó, Newton đã khám
phá ra luật trọng lực (*loi de la pesanteur*).

Bây giờ câu « Trái pôm của Newton » rất được thông dụng, và
đề nói trong những trường hợp do một việc nhỏ nhặt, nhiều khi
là một ngẫu nhiên, mà kết quả thành ra một việc lớn.

★ **Bạn Phan-Huy, Phan-Thiết**

Cái Tháp Chàm mà bạn thấy ở Phố Hải, là tháp thờ một cô
con gái của Bà « Chúa Chàm » Po Nagar (Thiên-y-a-na)

★ **Bạn Tâm-Nghĩa, 26 Ham-Nghi Dalat**

— *Thiên tính* : tính chất thiên-nhiên, trong sạch (*caractère naturel*)

— *Thú tính* : tính xấu gần như tính chất của thú vật (*caractère bestial, bestialité*).

★ **Bạn Lê-văn-Thi, Đà-nẵng**

9 tháng Chạp — Nhâm-ngọ = 14-1-1943

★ **Hai Bạn Quỳnh-Hoa, và Diệu-Hường, Pasteur Saigon**

— Mục đích của hội Pen Club, tôi không được biết. Hai bạn
viết thư hỏi thẳng nơi hội ấy. Hội ấy có phải của người Mỹ hay
không, tôi cũng không được rõ.

— Tôi không có ở trong hội Pen Club, vì lý do tôi không thích.

★ **Bạn Vương-thế-Đề, Kontum**

Vì bận nhiều công việc nên ở tòa báo Phò-Thông chúng tôi
không có thợ đóng báo thành tập. Nhưng có một nhà chuyên
môn nghề đóng sách, với giá sau đây :

Phò-Thông 6 số đóng chung thành 1 quyển dày, bằng Perca-
line — 20\$ gáy in chữ vàng. Bìa da — 50\$ gáy in chữ vàng.
Đóng thật đẹp và thật chắc.

★ **Ông THIẾU-SƠN trả lời ông Đào-thiên-Chu ở Sóc-trăng**

Trong bài « *một sử dờ của Hòa-Bình* » nói về Giáo-Hoàng
Jean XXIII tôi có dùng chữ *Nhà Thờ* để dịch chữ *Eglise* đáng lẽ nên
giải thích thêm *Nhà Thờ* với chữ hoa có nghĩa là *Giáo-Hội*. Ông
bạn yêu cầu một sự chú thích rõ ràng để tránh mọi hiểu lầm.

Tôi nhìn nhận lời yêu cầu của ông là chánh đáng và cần thiết.
Vạy xin thành thật cảm ơn ông.

THIẾU-SƠN

ĐỈNH CHÁNH

Bài « Chuỗi Bồ-đề », trong P.T. số 100, trang 65 - 70, ký tên Lâm-giang Huỳnh-thúc-Cung, (tù nhân ở khám Chi-Hòa), chính là của Lam-Giang, và đã đăng trong báo « Đức Mẹ hằng cứu giúp », số 158 ra tháng 7, 1962, dưới đầu đề là « Chuỗi huyền bí ».

Vậy xin đỉnh chánh..

TIN MỪNG

Nhận được hồng thiệp của Ông và Bà **TÔ-VĂN-TUẤN** tức **BÌNH NGUYỄN-LỘC**, báo tin đến ngày 30 tháng 6 năm 1963 sẽ làm lễ thành hôn cho trường nam là Bs **TÔ-DƯƠNG-HIỆP** đẹp duyên cùng cô **TRẦN-THỊ-HƯƠNG**, thế nữ của Ông và Bà **TRẦN-VĂN-THÍNH**, Biên-Hòa.

Nhân dịp vui mừng này chúng tôi xin thành thật chia vui cùng bạn Bình và Nguyễn-Lộc và chúc đôi tân-hôn được sắt cầm hòa hiệp.

NGUYỄN-VỸ

tuần san NGÀN-KHOI kính báo độc giả

Vì một lý do đặc biệt ngoài ý muốn của nhóm chủ trương số báo NGÀN KHOI thứ 17 ra ngày 27-6-63 phải dời lại ngày phát hành đúng một tuần và sẽ ra ngày 2-7-63, mặc dù đã in xong.

Nhóm chủ trương NGÀN KHOI xin thành thật khàn cáo lỗi cùng quý bạn đọc thân hữu và đại lý, và kính mời quý bạn đón đọc NGÀN KHOI 17 phát hành Thứ Ba, 2-7-63 một số báo đặc biệt nhất trong các số đặc biệt.



POLYVIT Ca
TÉVÉTÉ

**DÀN BÀ ĐƯỜNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-OT, CHẠM MỘC RÀNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI**

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ AU-DƯỢC

K.N. số 251 BYT/QCDP/18-10-62

AI CÓ BỊNH NẶNG ?

Cần chữa khỏi : ai không bệnh, muốn khỏe mạnh ; Cụ già được sống lâu ; trẻ em mau chóng lớn... Xin đón đọc quyển « **Những Điều Cần Biết Khi Dùng Thuốc Đông-Y** » của nhà thuốc Kim-Điền xuất bản, gồm có 100 bài thuốc, trị 300 bệnh. hiện có bán tại nhà thuốc 361 Phan-đình-Phùng Saigon, và các Đại-Lý Đặc-Quyền sau đây :

- Saigon : 361 Phan-đình-Phùng ; 146 Lê-thánh-Tôn ; 56 Tôn-Đản (Khánh-Hội) ; 27 Tôn-thọ-Tường (Thị-Nghè) ; 131 Võ-di-Nguy (Phú-Nhuận) ; 531F Lê-văn-Duyệt (Hòa-Hung).
- Ba-Xuyên** : Dân-Sanh, Chợ Phú-Lộc, Quận Thanh-Trị.
- Kiến-Hòa** : 41 Lê-Lợi.
- Ba-Tri** : Đông-Y-Sĩ Nguyễn văn-Ân (tại chợ).
- Phong-Dinh** : 32/4 Bến Ninh-Kiều— 3/3 Gia-Long.
- Sa-Đéc** : Thiên-địa-Nhơn đường Phan-thanh-Giản.
- Gò-Công** : 10 Võ-Tánh.
- Cai-Lậy** : 214/1 Trương-vĩnh Ký (gần chợ).
- Mộc-Hóa** : 7/33 đường Tự-Do (Mé Sông).
- Phan-Thiết** : 119 Lý-thường Kiệt.
- Quận Ninh-Hòa** : 66 Lê-Lợi.
- Qui-Nhơn** : 140 Võ-Tánh — 43, 47 Võ-Tánh.
- Quảng-Ngãi** : Bà Võ-Tổ, Châu-Ồ, Quận Bình-Sơa.
- Quận Tam-Quang** : Ông Khương - Duy - Đạm, Chùa Phật-Giáo.
- Hốu** : 29 Phan-bội-Châu.

Tại các Đại-Lý trên đây đều có bán đủ 100 món thuốc hiệu Kim-Điền. Cần thêm Đại-Lý Đặc Quyền ở các địa phương khác.

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233, Phạm Ngũ Lão — Sài Gòn

Điện-thoại : 25.861

Số thương-mại Sài Gòn số 640 A

Số Quốc Gia Danh Bộ 25 129 54 001

- In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ văn-phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hán-tự.
- In lịch treo — Lịch bỏ túi — Nhân hiệu, bao hộp — Đóng sách đẹp
- Cung cấp dài hạn ấn-phẩm, dụng-cụ văn-phòng cho công sở, tư sở tại Sài Gòn và các Tỉnh.
- Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu, cờ cho các hiệu đoàn, nhân cờ áo (étiquettes) lớn, nhỏ đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền không phai.
- ★ Gửi bưu phiếu thanh toán xin dùng Thiếp phiếu mẫu CH. 1418 (do Bưu-điện phát không) chuyển tiền vào Trương mục :

Sài Gòn T/M số 2701

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

- ★ Gửi tiền bằng cách này không tốn cước mandat và cò thơ chỉ cả, lại được nhanh chóng và không sợ bị thất lạc.



MỸ-DUNG-LỘ HỒNG-NGUYỄN

Đêm đêm ngao ngán thô dài
Mụn râm đen nám cả hai má hồng
Biết bao giờ mới lấy chồng ?
Mỹ-Dung-lộ cứu sưa trang-vời ngày
Mùi thơm theo gió thoảng bay
Gái trai vui vẻ như ngày xuân xưa
Trẻ em em sậy đừng chừa ?
Da sần chấy nám vì mưa nắng nhiều
Dùng với lọ cò bao nhiêu
Không hẳn duyên nũa những chiều
nắng hanh.

NHÀ THUỐC HỒNG-NGUYỄN
246 Đại Lộ Nguyễn-Trung-Kiên, Cholon

K.N. số 433 ngày 4-10-62

SỔ-SỐ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA

GIÚP NƯỚC THÊM NHÀ TA THÊM CỦA

3 LÔ ĐỘC ĐẮC

mỗi lô :

1.000.000\$

Xổ Thứ Ba Hàng Tuần
mỗi vé 10\$

Thần-Tài chẳng vị riêng ai
cứ mua vé số
thì Thần-Tài sẽ đến thăm

THUỐC RƯỢU 39
NGUYỄN-AN-CU

Trị nhức mỏi, phong thấp

BỔ HUYẾT TIÊU PHONG

Mỗi hộp có quê tốt
Uông năm ngày,
Các hiệu thuốc Tàu, Ta
đều có bán

K.N. — BYT/số 26 — ngày 9-5-63

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

In tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại : 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

Công - Ty Bảo - Hiểm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hỏa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cục Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện - Thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nhặt thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.